

thơ
Allen Ginsberg

thơ Allen Ginsberg

HHEBOOKS 2012

thơ Allen Ginsberg

Người dịch: Hoàng Hưng
Hoàng Ngọc Biên
Phạm Xuân Nguyên
Chủ biên: Hoàng Hưng

HHEBOOKS 2012

tho
Allen Ginsberg

thơ Allen Ginsberg

Người dịch: Hoàng Hưng
Hoàng Ngọc Biên
Phạm Xuân Nguyên
Chủ biên: Hoàng Hưng

HHEBOOKS 2012

THƠ

HÚ

Tặng Carl Solomon¹

I

Tôi đã thấy những bộ óc tuyệt vời nhất của thế hệ mình bị tàn phá bởi điên rồ, chết
đói cuồng loạn trần trướng,

lê thân qua các phố mọi đen kiểm một liều giận dữ lúc rạng đông,

những tay hip-py đầu óc thiên thần cháy lòng tìm lại sự kết nối siêu phàm xưa với
chiếc đi-na-mô tinh tú trong bộ máy đêm,

những kẻ nghèo xơ rách rưới mắt trũng say đờ ngồi đờ hút thuốc trong bóng tối siêu
nhiên của những căn hộ nước lạnh lênh bênh qua nóc các thành phố chiêm ngưỡng
nhạc jazz,

những kẻ bốc trần trí não trước Thiên đường bên dưới đường xe lửa treo và nhìn thấy
những thiên thần của Mohammed lao đảo trên mái nhà rực sáng²,

1 Một người viết văn mà tác giả gặp gỡ và đánh bạn trong một bệnh viện tâm thần ở Manhattan, New York (tháng 7 năm 1948 - tháng 3 năm 1949). Những cuộc trò chuyện về văn chương và thể sự với C. Solomon trong bệnh viện gợi hứng cho tác giả viết "Hú" vào năm 1955 (HH)

2 Tác giả đã nghe kể về những ảo giác của nhà thơ Philip Lamantia khi ông này đọc kinh Koran của đạo Hồi. Đoạn đường xe lửa trên không trong hệ thống tàu điện ngầm Manhattan tồn tại cho đến giữa thập niên 1950 (Những chú thích không mang tên HH như chú thích này đều là dựa theo phần chú giải của chính tác giả rút trong cuốn "Howl" do Harper Perennial - Modern Classic xuất bản năm 2006)

những kẻ đi qua các trường đại học mắt tuần tú rạng rỡ truyền ảo giác Arkansaw³ & những bi kịch ánh sáng Blake⁴ giữa những tay học giả chiến tranh⁵,

những kẻ bị trục xuất khỏi các học viện vì điên khùng & công bố những bài ca bản thủ trên cửa sổ đầu lâu⁶,

những kẻ nằm co trong các căn phòng lờm chờm mặc đồ lót, đốt tiền trong giỏ rác⁷ và lắng nghe Khủng bố qua tường,

những kẻ bị tóm trong lòng mu quay về qua Laredo⁸ với một ruột tượng cần sa cho New York,

những kẻ ăn lửa trong các khách sạn sơn dầu uống dầu thông ở Paradise Alley⁹, chết chóc, hay hành hạ thân mình đêm tiếp đêm

bằng những giấc mơ, bằng ma túy, bằng ác mộng dựng người, rượu, tình trai và giao hoan bất tận,

những con phố cụt vô song của mây và chớp run rẩy trong tâm trí nhảy về phía các điểm hứng thú ở Canada và Paterson¹⁰, làm bùng sáng cả thế giới bất động của Thời gian ở giữa,

3 Tên một bang phía Nam của Hoa Kỳ, chưa rõ ý nghĩa của từ này trong câu thơ. Theo tác giả, từ này được thay thế cho từ “anarchy” (vô chính phủ) trong bản thảo đầu tiên chỉ nhằm tăng cường tính cụ thể cho bài thơ.

4 William Blake (1757 - 1827) nhà thơ Anh với cảm hứng thần bí, người ảnh hưởng mạnh tới Allen Ginsberg. Ông từng kể là vào năm 1948, ông đã có ảo giác nghe thấy chính Blake đọc thơ, chính sự kiện này khai mở cho ông sự liên thông của mọi hình thái sinh tồn. Ông nói việc trải nghiệm ma túy của mình về sau cũng nhằm đạt được lại cảm giác ấy (HH)

5 Các nhà khoa học ở trường đại học Columbia đã bí mật giúp vào việc tách hạt nhân nguyên tử phục vụ mục đích quân sự trong những năm 1944-1948

6 Chính tác giả đã viết những câu thơ tục tĩu và vẽ hình bộ phận sinh dục nam với đầu lâu trên cửa sổ trường đại học Columbia năm 1945, do đó bị đuổi học một năm

7 Carl Solomon đốt tiền vì bất bình trước cái xấu xa của chủ nghĩa vật chất trong xã hội tư bản

8 Một thành phố ở bang Texas (HH)

9 Một khu chướng cư nghèo ở New York, gần những khách sạn rẻ tiền nơi có nhiều họa sĩ sống trong những phòng chật chội sặc mùi dầu thông.

10 Jack Kerouac là người Canada gốc Pháp, còn Ginsberg sống ở Paterson, thủ phủ của bang New Jersey, không xa New York (HH)

những sự vững chãi ảo giác¹¹ của các sảnh, những bình minh sâu sau nghĩa địa cây xanh, say rượu trên nóc nhà, những khu phố mặt tiền cửa hàng trong cuộc mượn đầu xe hơi chạy rong của tụi cần-sa-đồ nề-ông đèn đường nhấp nháy, những rung động mặt trời mặt trăng và cây cối trong chạng vạng Brooklyn¹² mùa đông gấm rỗng, rỗng tuyết thùng rác và vị hiển vương ánh sáng tâm trí,

những kẻ tự xiềng vào các đường xe điện ngấm di chuyển bất tận từ Battery đến Bronx thần thánh¹³ kiểm benzedrine¹⁴ cho tới khi bị tiếng ồn của bánh xe và trẻ nít hạ gục run rẩy miệng xệu óc mòn méo tất cả tinh anh kiệt quệ trong ánh sáng âm đậm của vườn Zoo,¹⁵

những kẻ suốt đêm chìm đắm trong ánh sáng ngấm của tiệm Bickford trôi ra và ngồi suốt chiều bia nhạt trong quán Fugazzi tiêu điều, lắng nghe ngày tận thế từ cái máy hát hydrogen,¹⁶

những kẻ nói chuyện liên tu bảy mươi giờ từ công viên đến quán rượu đến Bellevue đến bảo tàng đến cầu Brooklyn¹⁷,

một đạo quân thất trận những kẻ bảo thủ lý tưởng thuần khiết nhảy xuống các bậc thang nhảy ra khỏi lối thoát hỏa tai nhảy khỏi bậu cửa sổ nhảy khỏi tòa Empire State¹⁸ nhảy ra ngoài mặt trăng,

11 Nguyên văn: "Peyote solidities". Peyote là chất gây ảo giác làm từ cây xương rồng Mexico có tên như thế (HH)

12 Vùng ngoại ô New York (HH)

13 Hai địa danh ở hai đầu cực nam, cực bắc thành phố New York (HH)

14 Thuốc gây nghiện chứa chất amphetamin (HH)

15 Zoo = vườn thú. Người dịch để nguyên chữ Zoo nhằm thể hiện ý tác giả muốn nhân vật đi từ B (Battery, Bronx) đến Z (Zoo) trong một hơi thơ rất dài

16 Bickford là một trong những quán cà phê ở Manhattan mà tác giả có thời gian lau sàn để kiếm sống tạm. Fugazzi là một quán khác, tiếng rè rè của chiếc máy hát cũ ở đây khiến tác giả bị ám ảnh về ngày tận thế do bom hydrogen (H) gây ra

17 Ý nói về cuộc trò chuyện giữa tác giả và các bạn với cô Ruth G. một thiếu phụ Do Thái thông minh nhưng mơ mộng kéo dài 72 giờ liền cho đến khi cô bị đưa vào khoa tâm thần của bệnh viện Bellevue

18 Tòa nhà cao nổi tiếng ở New York (HH)

tán dóc hét gào nồn mưa xì xầm những chuyện có thật những ký ức và giai thoại và những cú đập vào nhân cầu¹⁹ và những cú sốc bệnh viện và nhà tù và chiến tranh,

toàn bộ kẻ tài trí mưa ra khi nhớ lại hết trong bảy ngày đêm mắt sáng ngời, thứ thịt của giáo đoàn Do Thái vút trên vỉa hè²⁰,

những kẻ biến mất tiêu vào chốn không đâu Thiển New Jersey bỏ lại một dấu vết bươm ảnh mập mờ Tòa Thị chính Atlantic,²¹

chịu đựng thứ mồ hôi phương Đông và chứng nhức xương Tanger²² và chứng nhức nửa đầu Trung Hoa khi cai nghiện trong căn phòng tối tàn ở Newark,²³

những kẻ thơ thần loanh quanh nửa đêm sân ga tự hỏi mình đi đâu, rồi đi mà chẳng có trái tim tan nát nào ở lại,

những kẻ châm thuốc lá trong các toa chờ hàng chờ hàng chờ hàng ồn ào băng qua tuyết về phía những trang trại cô liêu trong đêm của ông nội,

những kẻ nghiên cứu Plotinus Poe Thánh John Thập tự thần giao cách cảm và phép kabbalah²⁴ bởi vũ trụ rung động một cách bản năng dưới chân họ ở Kansas²⁵,

những kẻ bơ vơ qua các phố Idaho²⁶ kiếm tìm những thiên thần thổ dân thấu thị đúng là những thiên thần thổ dân thấu thị,

19 Hiệu ứng từ bút pháp của họa sĩ Pháp Paul Cezanne với những màu nóng và lạnh đặt ngay cạnh nhau

20 Muốn nói những người như Ruth G. không còn thích hợp với các giáo luật của Giáo đoàn Do Thái

21 New Jersey là bang quê hương của tác giả, thành phố Atlantic là nơi gia đình ông ngày trước thường tới chơi bên bờ biển, cả hai đều gần New York. Câu thơ nhắc đến quãng thời gian thất nghiệp của tác giả sau đại học

22 Thành phố ở Maroc, nơi bạn thân của tác giả là nhà văn W.S.Bourough tới sống và cai nghiện (HH)

23 Thành phố quê hương của tác giả (HH)

24 Các tác giả của những sách thần bí. Kabbalah là sách thần bí của người Do Thái (HH)

25 Một bang ở miền trung-tây Hoa Kỳ (HH)

26 Bang miền núi ở miền tây bắc Hoa Kỳ. Tìm kiếm sự thấu thị là một truyền thống của thổ dân Bắc Mỹ để đánh dấu sự trưởng thành hay khi phải giải quyết khủng hoảng trong đời sống. Một số thanh niên trí thức Mỹ thế hệ hậu chiến tìm về truyền thống ấy

những kẻ ngỗ nghịch là mình điên khi thành phố Baltimore²⁷ sáng lóa trong cơn ngất ngất siêu nhiên,

những kẻ nhảy vào xe limousine²⁸ với người Tàu ở Oklahoma²⁹ do kích động của ánh đèn đường nửa đêm đông cơn mưa thị trấn,

những kẻ lang thang đôi meo đơn độc qua hết thành phố Houston kiếm nhạc jazz hay sex, xup, và đi theo anh chàng Tây Ban Nha tinh anh³⁰ để đàm luận về nước Mỹ và Vĩnh hằng, một việc vô vọng, và thế là đáp tàu thủy đi châu Phi,

những kẻ mất hút trong núi lửa Mexico³¹ chẳng để lại thứ gì trừ bóng dáng những bộ đồ bằng vải trúc bâu và phún thạch và tro tàn của thơ rải rác ở Chicago bếp lửa³²,

những kẻ tái xuất hiện trên bờ biển Tây điều tra cục FBI để râu dài vận quần xoọc đôi mắt to hòa bình chủ nghĩa gợi dục với nước da xạm phát những tờ rơi tối nghĩa³³,

những kẻ đốt thuốc lá thùng cánh tay phản đối khói mù thuốc lá gây mê của Chủ nghĩa Tư bản,

những kẻ phân phát các bài về Siêu Cộng sản ở quảng trường Union³⁴ khóc và cời áo quần trong lúc cời tấm Los Alamos³⁵ rền rĩ bắt họ im, và rền rĩ bắt phố Wall³⁶ im, và con phà đảo Staten³⁷ cũng rền rĩ,

27 Thành phố cảng ở phía bắc Hoa Kỳ. Nhắc tới thành phố này là sự liên tưởng đến nhà thơ thần bí Edgar Poe mà tác giả chịu ảnh hưởng (ở đây có ngôi nhà bằng gạch và mộ của ông)

28 Loại xe hơi sang trọng, thân dài, khoang lái và khoang khách cách biệt bởi một tấm ngăn (HH)

29 Bang phía nam Hoa Kỳ (HH)

30 Tác giả nói đến ấn tượng khó quên vào năm 1947 khi ông trông thấy trên đường phố Houston một anh chàng trông như người Tây Ban Nha có vẻ đẹp nam tính đầy sức sống hấp dẫn lạ thường

31 Nhắc tới một người bạn của tác giả là John Hoffman chết ở Mexico

32 Nhắc tới đám cháy thiêu trụi thành phố Chicago năm 1871

33 Nhắc đến các hành vi của nhà đấu tranh cho hòa bình Joffre Stewart ở Chicago

34 Ở trung tâm New York (HH)

35 Thị trấn ở bang New Mexico, nơi có nhà máy chế tạo bom nguyên tử (HH)

36 Phố tài chính ở NY (HH)

37 Đảo nhỏ ở phía nam NY nối với Manhattan bằng một con phà lớn (HH)

những kẻ kiệt sức khóc lóc trong các thể dục đường màu trắng trần truồng và run rẩy trước máy móc của những bộ xương khác,

những kẻ cần cổ lữ thám tử và vui sướng la hét trên xe cảnh sát chẳng phạm tội gì ngoài việc kẻ gian say xỉn hoang dại tàn hại của chính mình,

những kẻ quì mà hú trong xe điện ngầm và bị lôi khỏi mái nhà còn vung vẩy bộ phận sinh dục và bản thảo,

những kẻ để cho bọn đi mô-tô thánh thiện chơi vào đất và hét lên vui thích,

những kẻ thối và được thối bởi những thiên thần người trần mắt thịt là bọn thủy thủ, những ve vuốt của tình yêu Đại Tây Dương và biển Caribê³⁸,

những kẻ cuộn mình buổi sáng buổi chiều trong các vườn hồng và bãi cỏ công viên và nghĩa địa rải rác tinh trùng miễn phí cho bất cứ ai đến bất cứ ai có thể,

những kẻ nấc cụt không ngừng ráng cười khúc khích nhưng kết thúc trong thốn thức đằng sau tấm ngăn trong nhà tắm hơi khi chú thiên thần tóc vàng trần truồng đến đâm mình bằng một chiếc gươm ,

những kẻ mất các cậu trai tình cho ba mụ già định mệnh một mụ độc nhân của đồng đô la³⁹ yêu khác giới một mụ độc nhân nháy mắt ra khỏi tử cung một mụ độc nhân chẳng làm gì chỉ ngồi bệt mà cắt những sợi chỉ vàng trí tuệ của chiếc khung cửi nghệ nhân,

những kẻ giao cấu mê man không thỏa với một chai bia một người tình một gói thuốc lá một cây nến và ngã nhào khỏi giường, và tiếp tục trên sàn và dưới sảnh và kết thúc ngất xỉu ở chân tường với ảo ảnh về cái hăm và sự xuất tinh tối hậu tránh né giọt tinh dịch cuối cùng của ý thức,

38 Liên tưởng đến nhà thơ Hart Crane và mối quan hệ tình dục của ông với các thủy thủ. Về sau ông mất tích trên một con tàu vùng biển Caribê

39 Trên tờ bạc 1 Dollar Mỹ có hình một cái tháp có một con mắt (HH)

những kẻ làm vui cái nồn nường của triệu cô nàng run rẩy khi mặt trời lặn, và mắt đỏ đục lúc ban mai nhưng đã chuẩn bị làm vui cái nồn nường của mặt trời mọc, trật mông trong nhà chứa xe điện và trần truồng dưới hồ,

những kẻ chạy rong chơi điểm suốt qua bang Colorado⁴⁰ trong vô vàn xe hơi đêm ăn trộm, N.C., nhân vật chính bí mật của những bài thơ này⁴¹, con đực và người đẹp của Denver⁴² - niềm vui khi nhớ đến vô số cuộc ngả ngựa con gái trong sân sau quán trọ không người, hàng ghế lung lay phòng chiếu bóng, hang động đỉnh núi, hay với các cô tiếp viên dữ tợn trong những cuộc tốc váy đơn độc bên vệ đường quen thuộc & những toilet duy ngã đặc biệt bí mật của trạm xăng & cả những lối đi nơi thị trấn quê nhà,

những kẻ mờ dần trong các bộ phim như nhớp, biến đổi rất nhanh trong mơ, tỉnh giấc thành linh Manhattan và tự ngồi dậy ra khỏi tầng hầm đầu đầu búa bổ với thứ rượu tokay⁴³ nhấn tâm và kinh hoàng những giấc mộng sắt thép của Đại lộ Ba & nhào tới các văn phòng tìm việc,

những kẻ cuộc bộ suốt đêm giày dẫm máu trên bến tàu phủ tuyết đợi chờ một cánh cửa trên sông Đông⁴⁴ mở vào căn phòng đầy hơi nước và thuốc phiện⁴⁵,

những kẻ tạo nên các vở kịch tự sát lớn lao trên căn hộ bờ dốc đứng sông Hudson⁴⁶ dưới ánh trắng xanh ngập lụt thời chiến & mái đầu của họ sẽ được kết vòng nguyệt quế trong lãng quên⁴⁷,

40 Bang miền núi ở miền tây Hoa Kỳ (HH)

41 Neal Cassady (1926-1968) chàng trai phóng túng có sức chơi dữ dội đã trở thành nhân vật trong nhiều tác phẩm của nhóm Beat, đặc biệt là nhân vật Dean Moriarty trong *On the Road (Trên đường)* của Jack Kerouac (HH)

42 Thủ phủ bang Colorado (HH)

43 Một loại rượu vang Hungary (HH)

44 Một trong hai dòng sông chảy hai bên Manhattan (HH)

45 Tác giả nhắc tới việc một người bạn lang thang gõ cửa nhà ông trong một đêm đông ở NY năm 1948

46 Một trong hai dòng sông chảy hai bên Manhattan (HH)

47 Dựa theo một câu chuyện kể trong tiểu thuyết *Vanity of Duluo* của Jack Kerouac

những kẻ ăn thịt cừu hằm tằm tượng hay tiêu hoá cua dưới đáy bùn những con sông khu Bowery,⁴⁸

những kẻ khóc bản tình ca phố xá với các xe cút kít đầy hành và âm nhạc tối tàn⁴⁹,

những kẻ ngồi trong các thùng đựng hàng thở trong bóng tối dưới gầm cầu, và đứng dậy chế đàn clavico trên gác xép⁵⁰,

những kẻ ho trên tầng sáu khu Harlem⁵¹ đội vòng lửa dưới bầu trời lao phổi vây quanh là những thùng cam thần học⁵²,

những kẻ viết nhăng nhật suốt đêm ngả nghiêng lẫn lóc các lời thần chú mà sáng ra chỉ là các khổ thơ lấp bắp⁵³,

những kẻ nấu món xúp tim phổi chân đuôi động vật thối rửa mà mơ tưởng vương quốc của chay tịnh⁵⁴,

những kẻ đâm đầu dưới các xe chở thịt để kiếm một quả trứng,

những kẻ quăng đồng hồ đeo tay từ trên mái nhà bỏ phiếu cho Vĩnh hằng ngoài Thời gian⁵⁵, & đồng hồ báo thức rơi vào đầu họ mỗi ngày trong thập kỷ tới,

48 Khu khách sạn và quán bar rê tiền ở NY (HH)

49 Một kỷ niệm của mẹ tác giả là Naomi Ginsberg thời kỳ gia đình mới từ Nga sang Mỹ (1905)

50 Nhiều họa sĩ nghèo sống trong các căn hộ nước lạnh dưới gầm cầu Brooklyn với bàn, ghế, giường... làm từ các thùng gỗ đựng hàng. Một trong số họ là Bill Keck tự chế một chiếc đàn clavico

51 Khu tập trung người da đen ở NY (HH)

52 Những thùng gỗ đựng cam hồi ấy thường được dùng đựng sách; ở đây tác giả nói đến những cuốn sách thần học của một người bạn sinh viên trường Columbia sống ở khu Harlem

53 Một kỷ niệm của chính tác giả khi viết suốt đêm dưới hiệu ứng của benzedrine

54 Một kỷ niệm về bà mẹ của tác giả

55 Một giai thoại về nhà thơ Louis Simpson năm 1946: Một người bạn đến thăm anh ở căn hộ trên tầng rất cao. L.S. hỏi bạn: "Cậu có đồng hồ không?" - "Có" - "Cậu đưa cho mình được không?" - "Đấy". L.S ném đồng hồ ra ngoài cửa sổ và nói: "Chúng ta không cần thời gian, vì chúng ta đã ở trong vĩnh hằng"

những kẻ cắt cổ tay ba lần thành công không thành công, bỏ cuộc và bị ép phải mở tiệm đồ cổ trong đó họ nghĩ mình đang già đi và khóc⁵⁶,

những kẻ bị thiếu sống trong bộ com-lê flannel hỗn nhiên trên Đại lộ Madison⁵⁷ giữa các luồng thơ bằng chì⁵⁸ & loãng xoang đổ lên thùng xe các trung đoàn thép thời trang & choe chóa nitroglycerin các nàng tiên quảng cáo & khí ga mù-tạc của các biên tập viên thông minh hung hiểm⁵⁹, hay là bị các xe taxi say xỉn của Thực tại Tuyết đối húc ngã,

những kẻ nhảy khỏi cầu Brooklyn điều này thực đã xảy ra và bước đi không ai biết và bị quên phứt trong sự mê mụ ma mớ của các hẻm xúp phố Tàu & xe cứu hỏa, thậm chí không một cốc bia miễn phí⁶⁰,

56 Tình trạng của bạn bè cùng học với tác giả ở trường Columbia

57 Ginsberg đã làm nhiều nghề ở các hẻm trong đó có hẻm quảng cáo. Madison là một đại lộ sang trọng ở NY (HH)

58 Ý nói thứ thơ hàn lâm những năm 1940, 1950

59 Ý nói các biên tập viên đã bác bỏ bản thảo *On the Road (Trên đường)* của Jack Kerouac

60 Dựa trên câu chuyện của một nhà văn thời đó tên là Tuli Kupferberg

những kẻ hát tuyệt vọng bên cửa sổ, té ra ngoài cửa sổ tàu điện ngầm, nhảy xuống sông Passaic⁶¹ dơ bẩn, nhảy lên lưng người da đen, khóc trên khắp phố, khiêu vũ chân trần trên các ly rượu vỡ đập tan các đĩa hát buồn nhớ nhạc jazz Đức châu Âu thập kỷ 1930 uống cạn ly whiskey và mưa ra rên rỉ trong toilet chết tiệt, tiếng than van trong tai và tiếng còi hơi đồ sộ⁶²,

những kẻ phóng như điên trên các xa lộ quá khứ du hành đến với nhau ngắm nhìn chiếc hotrod⁶³- Đồi Sọ⁶⁴ nhà tù-đơn độc hay hiện thân nhạc jazz Birmingham⁶⁵,

những kẻ lái xe băng ngang nước Mỹ bảy mươi hai giờ⁶⁶ để xem tôi có thấu thị hay anh có thấu thị hay nó có thấu thị nhằm tìm kiếm Vĩnh hằng,

những kẻ du hành đến Denver, những kẻ chết ở Denver, những kẻ trở lại Denver⁶⁷ & đợi chờ hoài công, những kẻ canh giữ Denver & áp ủ & cô độc ở Denver và cuối cùng bỏ đi tìm kiếm Thời gian & bây giờ Denver mong ngóng những người anh hùng của mình,

những kẻ xụp quỳ trong các thánh đường vô vọng nguyện cầu lẫn cho nhau được cứu rỗi và sáng láng và xúc cảm, cho đến khi tóc linh hồn bùng sáng một giây,

những kẻ lèn vào xuyên tâm trí mình trong ngục đợi chờ các tay tội phạm không thể chịu nổi có đầu bằng vàng và bùa mê thực tại trong tim hát điệu blu ngọt ngào cho nhà tù Alcatraz⁶⁸,

61 Con sông ở bang New Jersey. "Sông Passaic dơ bẩn" lấy từ một câu thơ của W.C. Williams

62 Nhắc đến William Cannastra, một gương mặt lang thang huyền thoại cuối những năm 1940 ở NY

63 Nguyên văn: "hotrod" (xe hơi được chế lại để có tốc độ cao và vọt)

64 Nguyên văn: "Golgotha" (Đồi Sọ, nơi Chúa Jesus tuấn nạn) (HH)

65 Thành phố ở Anh nơi có nền nhạc jazz nổi tiếng (HH)

66 Neal Cassady đã làm thế trong thập kỷ 1940

67 Cảm hứng từ câu thơ của Kerouac: "Chán nản ở Denver/ Chán nản ở Denver/ Mọi thứ ta làm đã chết"

68 Nhà tù trên đảo Alcatraz của San Francisco. Liên tưởng đến việc bạn của tác giả là Neal Cassady bị giam giữ hơn

những kẻ rút lui về Mexico để nuôi một thói quen, hay Rocky Mount đến Đức Phật nhân tử hay Tangiers đến tụi trai nhóc hay Nam Thái Bình Dương đến chiếc đầu tàu hỏa màu đen hay Harvard đến Narcissus⁶⁹ đến Woodlawn⁷⁰ đến vòng hoa cúc đến mộ phần,

những kẻ đòi hỏi các phiên tòa tỉnh táo cáo buộc radio tội thôi miên và bị bỏ mặc với sự mất trí của họ & bàn tay của họ & một ban hội thẩm bị treo⁷¹,

những kẻ ném xà lát khoai tây vào các giảng viên giảng bài về trào lưu Dada ở trường Đại học Columbia NY sau đó tự trình diễn trên những bậc thang granit của nhà thương điên với đầu cạo trọc lốc và diễn từ hể về tự tử, đòi phẫu thuật thùy não tức thời⁷²,

những kẻ thay vì thế đã được phát sự hư không cụ thể của insulin Metrazol điện thủy liệu pháp tâm lý liệu pháp bóng pingpong⁷³ & chứng mất trí nhớ,

những kẻ phản đối không hề hài hước lật úp chỉ một bàn pingpong tượng trưng, nghi ngơi chốc lát trong tình trạng loạn tâm⁷⁴,

nhiều năm sau trán hói xoi ngoai trừ một bộ tóc giả bằng máu, và nước mắt và ngón tay, trở lại với số phận người điên rõ rệt của các phòng bệnh ở các thị trấn điên của miền Đông,

hai năm vì tội sử dụng cần sa để mua chuộc nhân viên công lực

69 Nói về sự ly tán bạn bè của tác giả mỗi người một ngả. Nam Thái Bình Dương là tên một công ty hỏa xa nơi Jack Kerouac làm nhân viên gác phanh

70 Tên một nghĩa địa ở quận Bronx, NY. Căn hộ mà Naomi Ginsberg ở vào năm 1953 trông ra nghĩa địa này

71 Xuất xứ: Naomi Ginsberg sau khi được trị liệu bệnh thần kinh bằng liệu pháp sốc điện đã tưởng tượng rằng các bác sĩ cầm ống ten vào lưng bà để bà nghe tiếng radio phát ra tiếng nói của tổng thống Mỹ. Nhà thơ Antonin Artaud của Pháp thì cáo buộc các bác sĩ tội thôi miên người bệnh để triệt hạ sự bay bổng tinh thần của họ

72 Trào lưu nghệ thuật tiên phong ở châu Âu (1916 - 1922) phá bỏ các chuẩn mực mỹ học truyền thống, mở đầu cho các trào lưu hiện đại chủ nghĩa (HH). Những chi tiết trong câu thơ này do tác giả lắp ghép từ những sự kiện ở trường đại học Columbia do Carl Salomon kể cho tác giả nghe

73 Các thứ thuốc và liệu pháp thường dùng trong các bệnh viện tâm thần Mỹ thời đó mà tác giả và bạn bè đã trải nghiệm

74 Nhắc đến những sự việc ở bệnh viện tâm thần mà Carl Salomon đã trải qua

những sảnh hời hám của Pilgrim State Rockland và Greystone⁷⁵, cãi nhau vặt với tiếng vọng của linh hồn, ngã nghiêng lẫn lóc trong đêm khuya cô quạnh-ghế bằng dolmen⁷⁶-các địa hạt của tình yêu, giấc mơ của đời sống một cơn ác mộng, những tấm thân biến thành đá nặng như mặt trăng,

với mẹ rút cuộc bị*****⁷⁷, và cuốn sách huyền hoặc cuối cùng liệng qua cửa sổ, và cánh cửa cuối cùng đóng lại lúc 4 giờ sáng và chiếc điện thoại cuối cùng ném rầm vào tường để trả lời và căn phòng có đồ đạc cuối cùng bị dọn sạch đến tận món đồ cuối cùng trong tâm trí, một bông hồng giấy màu vàng quấn queo trên cái móc thép trong phòng kho, và ngay cả điều tưởng tượng kia, chẳng có gì ngoài một chút xiu ảo giác đầy hy vọng --

chao ôi Carl, trong khi anh không an toàn thì tôi cũng không an toàn, và bây giờ anh thực sự nằm trong nỗi xúp động vật toàn phần của thời gian --

và những kẻ do vậy đã chạy qua các phố giá băng bị ám bởi thành linh một lóang chớp giả kim thuật sử dụng catalog tinh lược một nhịp điệu thay đổi và mặt phẳng rung lên⁷⁸,

những kẻ mơ màng và tạo nên các khoảng trống trong Thời & Không gian qua các hình ảnh đặt liên kế, và bấy được vị tổng lãnh thiên thần của linh hồn giữa hai hình

75 Những bệnh viện tâm thần ở NY và New Jersey

76 Kiến trúc đá được coi như mộ phần của người Celt cổ đại ở Tây Âu, ở đây tác giả liên tưởng đến nền văn minh đã mất tích

77 Trong bản thảo đầu tác giả viết "mẹ rút cuộc bị *fucked (đụ)*", sau đó ông thay bằng dấu hoa thị

78 Nói về những kỹ thuật mỹ học mà tác giả chịu ảnh hưởng: các cơ chế của phương pháp siêu thực hay ký hiệu học, sự đặt liên kế các hình ảnh xa nhau tạo khoảng trống về nghĩa, tâm trí sẽ lấp đầy nhờ một ánh chớp nhận thức. L.F. Celine (nhà văn Pháp) nhấn mạnh phép *tinh lược (ellipsis)* trong văn ông (cũng như trong *haiku* của Nhật). Cezanne (họa sĩ Pháp) tạo khoảng trống giữa các màu lạnh và nóng. Các *catalog* của Whitman (nhà thơ Mỹ) giới thiệu sự rộng rãi trong các bài thơ di chuyển qua nhiều địa dư, ngành nghề, âm thanh, phạm vi khác nhau. Ezra Pound (nhà thơ Mỹ) mở rộng *nhịp điệu* của thơ tiếng Anh để tiếp nhận những nhịp điệu chưa được biết tới. W.C.Williams (nhà thơ Mỹ) tiến tới "nhịp điệu tương đối" để đưa vào nhịp điệu nói theo hơi thở của chính mình

ảnh thị giác và nối các động từ cơ bản lại và đặt danh từ và dấu gạch đầu dòng của ý thức với nhau nhảy vọt với cảm giác của Thượng đế Cha Toàn năng Vĩnh hằng⁷⁹

để tái tạo cú pháp và nhịp điệu văn xuôi của con người tội nghiệp và đứng trước mặt anh không nói nên lời và thông minh và run rẩy vì xấu hổ, bị khước từ nhưng vẫn bọc bạch tâm hồn tuân theo nhịp điệu ý nghĩ trong cái đầu trần trụi và vô tận của mình⁸⁰,

kẻ điên lang thang và thiên thần beat⁸¹ trong Thời gian, không ai biết tới, nhưng vẫn viết ra đây những gì có thể còn được nói lên sau lúc chết,

và trở dậy đầu thai trong trang phục ma mớ của nhạc jazz trong bóng cây kèn vàng của ban nhạc và thổi niềm đau của tâm trí trần trụi yêu đương của nước Mỹ vào tiếng khóc saxo eli eli lamma lamma sabacthani⁸² làm rung mình các thành phố đến tận chiếc radio cuối cùng

với con tim tuyệt đối của bài thơ cuộc sống bị xẻ trên cơ thể của chính họ còn ăn ngon đến vạn năm sau

79 Câu thơ tiếp tục nói về quan niệm mỹ học mà tác giả rút ra từ họa sĩ Pháp Cezanne

80 Muốn nói tới Jack Kerouac, nghệ sĩ sáng tạo đột phá, đặc biệt với những “phác họa” văn xuôi-thơ có hơi thở rất dài và phần “Imitation of the Tape (Bắt chước băng ghi âm)” trong tác phẩm *Visions of Cody*; với *Mexico City Blues* tập thơ có ảnh hưởng sâu xa; những trang viết theo tâm trí bột phát trần trụi trong tác phẩm văn xuôi “Brakeman on the R.R.”; và những ngẫu hứng cao siêu trong *Old Angel Midnight*

81 Nhà văn, nhà thơ theo tinh thần “beat” những năm 1950, 1960 ở Mỹ, nổi bật là Jack Kerouac, Allen Ginsberg, William Burroughs, Ferlinghetti... “Beat” có nhiều nghĩa: sự kiệt sức, sự toàn phúc, cảm hứng nhạc jazz (HH)

82 “Lạy Chúa Cha, lạy Chúa Cha, sao Người bỏ mặc con”, những lời cuối cùng của Chúa Jesus trên cây thập giá. Lester Young, Coleman Hawkins, Charlie Parker, Illinois Jacquet là bộ tứ saxo quen thuộc trong chương trình nhạc bebop trên radio Manhattan giữa những năm 1940

II

Con nhân sư nào bằng xi măng và nhôm bữa sọ họ ra ăn hết óc và trí tưởng tượng?

Moloch⁸³! Cô đơn! Bẩn thiu! Xấu xí! Thùng rác và những đồng đô la không thể kiếm ra! Trẻ con gào dưới chân thang! Trai choai nức nở trong quân ngũ! Người già khóc giữa công viên!

Moloch! Moloch! ác mộng của Moloch! Moloch không tình yêu! Moloch tâm thần! Moloch kẻ xét xử nặng nề của con người⁸⁴!

Moloch nhà tù không thể hiểu! Moloch ngực thất vô hồn xương chéo và Quốc hội của buồn đau! Moloch các cao ốc của người là sự phán quyết⁸⁵! Moloch tảng đá đồ sộ của chiến tranh! Moloch những chính phủ choáng váng!

Moloch đầu óc thuần máy móc! Moloch máu là tiền lưu chuyển! Moloch ngón tay là 10 đạo quân! Moloch ngực là đi-na-mô ăn thịt người⁸⁶! Moloch tai là nắm mồ bốc khói!

Moloch mắt người là ngàn cửa sổ đui mù⁸⁷! Moloch những tòa nhà chọc trời của người đứng trên các phố dài giống như những Thượng đế bất tận⁸⁸! Moloch những xương

83 Vị thần lửa của vùng Canaan (vùng đất ở Địa Trung Hải, “Đất hứa” trong Kinh Thánh) mà lễ vật dâng lên thần là những đứa con do tự tay cha mẹ chúng thiêu sinh (HH)

84 Tác giả muốn nhắc đến vụ xử tử hai vợ chồng nhà khoa học Rosenberg trên ghế điện vì tội danh gián điệp nguyên tử vào năm 1953

85 Gợi ý từ tác phẩm của William Blake

86 Hình ảnh từ các bộ phim kinh dị của Fritz Lang 1932, 1933

87 Cảm hứng của đoạn này bắt nguồn từ hình ảnh Khách sạn Sir Francis Drake ở San Francisco

88 Từ những hình ảnh trong bộ phim *Metropolis* năm 1932 của Fritz Lang

máy của người mộng mơ và ì ộp trong sương! Moloch những ống khói và ăngten của người kết vương miện trên đầu các thành phố!

Moloch tình yêu người là dầu và đá bất tận! Moloch hỗn người là điện và các ngân hàng⁸⁹! Moloch cái nghèo của người là ác mộng của thiên tài! Moloch số phận người là đám mây khí hydro không giới tính! Moloch tên người là Tâm trí!

Moloch trong người ta ngồi cô độc! Moloch trong người ta mộng Thiên thần! Điền rồ trong Moloch! Bú buổi trong Moloch⁹⁰! Thiếu tình và vô nhân trong Moloch!

Moloch người vào hồn ta từ sớm! Moloch trong người ta là một ý thức không xác thân! Moloch người dọa nạt ta vì sự đề mê tự nhiên của ta! Moloch mà ta từ bỏ! Hãy thức tỉnh trong Moloch! ánh sáng từ trời tuôn xuống!

Moloch! Moloch! Những căn hộ robot⁹¹! những ngoại ô vô hình! những kho tàng toàn xương người⁹²! những thủ đồ mù! những khu kĩ nghệ ma quỷ⁹³! những quốc gia ma⁹⁴! những nhà thương điên vô địch! những dương vật granit! những trái bom quái vật⁹⁵!

Họ gầy lưng nâng Moloch lên Thiên đường! Những via hè, cây cối, máy thu thanh, mốt miếc! nâng thành phố lên Thiên đường, cái Thiên đường tồn tại và ở khắp nơi quanh ta!

Những thấu thị! điểm triệu! ảo giác! phép lạ! xuất thần! xuôi dòng sông Mĩ!

89 Lý thuyết của Ezra Pound: sự cho vay nặng lãi là nguyên nhân làm đổ bại quốc gia

90 Liên tưởng tới nhà văn đồng tính ái người Pháp Jean Genet

91 Những tòa cao ốc tài chính ở trung tâm thành phố

92 Những món nợ của ngân sách chiến tranh lạnh

93 Các nhà máy quân khí

94 Bao gồm Trung Hoa lục địa không được Mỹ công nhận; các cơ quan quan liêu như bóng ma của gulag Xô viết; đế quốc phương Tây phủ kín Guatemala, Việt Nam, Algeria bằng chiến tranh

95 Bom nguyên tử và khinh khí

Những giấc mộng! tôn sùng! khai thị! tôn giáo! khảm thuyền toàn chuyện tào lao
nhảy cảm!

Đột phá! qua sông! những cái vút và đóng đinh câu rút! xuôi dòng nước lụt! Những
đỉnh cao! Hiển thánh! Tuyệt vọng! Tiếng thét súc vật và các vụ tự sát mười năm⁹⁶!
Những tâm trí! Những tình yêu mới! Thế hệ điên! Chán chường trên những mô đá
Thời gian!

Tiếng cười thần thánh có thực trên sông! Họ đều thấy cả! những mắt hoang dại!
những tiếng la hét thần thánh! Họ chào vĩnh biệt! Họ nhảy khỏi mái nhà! vào cô
vắng! vẫy tay! mang theo hoa! Nhảy xuống sông! xuống phố!

96 Ý nói thời kỳ 1945-1955

III

Carl Solomon! Tôi ở cùng anh ở Rockland⁹⁷

nơi anh điên khùng hơn tôi nữa

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh phải cảm thấy rất lạ lẫm

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh bắt chước cái bóng của mẹ tôi

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh đã giết mười hai cô thư ký của mình

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh cười vào mũi cái hài hước khó nhận ra này

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi chúng ta là các nhà văn lớn dùng chung chiếc máy chữ quá tồi

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi tình cảnh anh trở nên nghiêm trọng và được thông tin trên radio

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi các quan năng của đầu lâu không còn chấp nhận những con sâu của giác quan

⁹⁷ Bệnh viện tâm thần Pilgrim State Rockland. Trong thực tế chỉ có mẹ của tác giả từng ở đó chứ không phải C. Solomon hay bản thân tác giả

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh uống trà từ vú các bà cô ở Utica⁹⁸

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh chơi chữ về thân thể các bà điều dưỡng của mình các nữ quái điều quận Bronx⁹⁹

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh la hét trong chiếc áo bó rằng mình thua ván pingpong thực sự của vực thẳm

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh đập phím piano loạn tâm¹⁰⁰ nói rằng linh hồn là vô tội và bất tử nó không thể chết thảm trong một nhà thương điên được vũ trang¹⁰¹

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi trên năm mươi lần xóc điện sẽ không bao giờ đưa hồn anh trở lại xác từ cuộc hành hương của nó tới cây thập giá trong hư không

Tôi cùng anh ở Rockland

nơi anh cáo buộc các bác sĩ của mình là mất trí và mưu đồ cách mạng xã hội chủ nghĩa Do Thái chống lại Đồi Sọ phát xít quốc gia

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi anh sẽ chẻ nứt các khoảng trời của Long Island¹⁰² và phục sinh đấng Jesus người trần mắt thịt của mình từ nắm mồ siêu nhân

98 Liên tưởng: tác phẩm *Vú nàng Tiresias* của Apollinaire. Utica ở NY mang dáng dấp một thành phố Địa Trung Hải cổ điển

99 Mẹ và các cô của tác giả và C. Solomon đã sống ở quận Bronx

100 Chính tác giả đã bị khiển trách vì đập phím piano để thử nghiệm âm thanh ở Viện Tâm thần NY

101 Ý nói về cuộc chiến tranh lạnh ("Hú" được viết vào dịp kỷ niệm 10 năm bài diễn văn "Bức màn sắt" mà thủ tướng Anh Winston Churchill đọc ở Fulton, bang Missouri)

102 Bệnh viện Pilgrim State ở Long Island (hòn đảo cách Manhattan qua sông Đông)

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi có tất cả hai mươi lăm nghìn đồng chí điên¹⁰³ hát đoạn kết của bài Quốc tế ca

Tôi cùng anh ở Rockland

nơi chúng ta ôm ghì hôn nước Mỹ dưới tấm ga giường nước Mỹ ho suốt đêm và không cho mình ngủ¹⁰⁴

Tôi ở cùng anh ở Rockland

nơi chúng ta giật nẩy người tỉnh giấc hôn mê các phi cơ của linh hồn mình rú gào trên mái chúng đến ném những trái bom thiên thần nhà thương tự nó bùng tỉnh xụp đổ các bức tường tưởng tượng Hỡi các binh đoàn xương gày guộc hãy chạy ra ngoài Hỡi cú xóc từ tâm điểm trang tình tú cuộc chiến vĩnh hằng ở chính nơi này Hỡi chiến thắng hãy quên đồ lót của người đi chúng ta được tự do rồi

Tôi ở cùng anh ở Rockland

trong giấc mơ tôi anh bước đi ướt sũng từ chuyến hải hành trên xa lộ băng qua nước Mỹ đẩy nước mắt đến cửa mái tranh nhà tôi trong đêm miền Tây

San Francisco 1955-1956

103 Con số bệnh nhân ở bệnh viện Pilgrim State

104 Liên tưởng từ hành vi của một số bệnh nhân ở Viện Tâm thần NY

CƯỚC CHÚ CHO HÚ

Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện!
Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện!
Thánh thiện! Thánh thiện! Thánh thiện!

Thế giới thánh thiện! Linh hồn thánh thiện! Da thánh thiện! Mũi thánh thiện! Lưỡi
và con cặc và bàn tay và lỗ đít thánh thiện!

Mọi thứ đều thánh thiện! mọi người đều thánh thiện! mọi nơi đều thánh thiện! Mỗi
người là một thiên thần!

Kẻ lang thang cũng thánh thiện như thiên thần! người điên thánh thiện cũng như
anh linh hồn của tôi thánh thiện!

Chiếc máy chữ thánh thiện bài thơ thánh thiện giọng đọc thánh thiện người nghe
thánh thiện còn ngây ngất thánh thiện!

Thánh thiện Peter thánh thiện Allen thánh thiện Solomon thánh thiện Lucien thánh
thiện Kerouac thánh thiện Huncke thánh thiện Burroughs thánh thiện Cassady¹⁰⁵
thánh thiện những kẻ hành khát một nhồi và đau khổ không ai biết tới thánh thiện
những thiên thần người trần mắt thịt gồm guốc!

105 Tên các bạn viết của tác giả (HH)

Thánh thiện mẹ tôi trong nhà thương điên! Thánh thiện những con cặc của các ông nội ở Kansas!

Thánh thiện cây kèn saxo rền rĩ! Thánh thiện ngày tận thế trong tiếng nhạc bop¹⁰⁶! Thánh thiện các ban nhạc jazz những tay hippy cần sa những ống điếu & trống hòa bình peyote!

Thánh thiện sự cô vắng của các tòa nhà chọc trời và các vỉa hè! Thánh thiện những quán cà phê đầy triệu triệu! Thánh thiện những dòng sông nước mắt bí mật bên dưới các phố!

Thánh thiện vị thần tối linh đơn độc¹⁰⁷! Thánh thiện con chiên đồ sộ của giới trung lưu¹⁰⁸! Thánh thiện những kẻ chặn cừu điên rồ của nổi loạn! Kẻ yêu Los Angeles LÀ Los Angeles¹⁰⁹!

Thánh thiện New York Thánh thiện San Francisco Thánh thiện Peoria & Seattle Thánh thiện Paris Thánh thiện Tangiers Thánh thiện Moscow Thánh thiện Istanbul!

Thánh thiện thời gian trong vịnh hằng thánh thiện vịnh hằng trong thời gian thánh thiện những chiếc đồng hồ trong không gian thánh thiện chiều kích thứ tư thánh thiện Quốc tế thứ năm¹¹⁰ thánh thiện Thiên thần trong Moloch!

106 “Khi kiểu thức âm nhạc thay đổi, các bức tường thành phố sẽ lung lay” (Pithagoras)

107 Nguyên tác: “juggernaut”: con người hay lực lượng có sức mạnh ghê gớm lôi kéo người ta làm những việc mù quáng (có gốc từ *Jagannath* hóa thân của thần Vishnu có sức mê hoặc đến mức khi tượng thần này được chở trên xe bò diễu qua các phố thì tin đồ lao vào bánh xe để cho xe cán chết) (HH). Tác giả muốn nói đến liên hợp quân sự-kỹ nghệ Mỹ

108 Tác giả liên tưởng châm ngôn Phật giáo “Nhìn mỗi cá thể hữu tình như một Đức Phật tương lai”

109 Los Angeles tiếng Tây Ban Nha nghĩa là các Thiên thần

110 Tác giả coi đó là Quốc tế của công nhân, doanh nhân, nông dân và thổ dân còn chưa tập hợp để đề ra các tiêu chuẩn sống sót trong kỷ nguyên của quyền lực tự sát gần như tuyệt đối của tư bản độc quyền đế quốc nhà nước và tư nhân

Thánh thiện biển thánh thiện hoang mạc thánh thiện đường tàu hỏa thánh thiện đầu
tàu hỏa thánh thiện các thấu thị thánh thiện các ảo giác thánh thiện các phép lạ thánh
thiện nhân cầu thánh thiện vực thăm!

Thánh thiện sự tha thứ! từ tâm! từ thiện! lòng tin! Thánh thiện! Của chúng ta! thân
xác! nổi đờn đau! lòng hào hiệp¹¹¹!

Thánh thiện lòng tốt siêu nhiên cực độ sáng láng thông minh của linh hồn¹¹²!

Berkeley 1955
Hoàng Hưng dịch

Người dịch trân trọng cảm ơn Peter Hale, trợ lý của cố tác giả Allen Ginsberg và GS Tom Nawrocki ở Columbia College Chicago đã cung cấp tư liệu tham khảo và giúp làm sáng tỏ một số chi tiết của bài thơ trong khi người dịch thực hiện công việc khó khăn của mình. Trân trọng cảm ơn nhà thơ Đỗ Kh. đã đọc kỹ bản dịch và biên tập, sửa giúp một số chỗ sai sót.

111 Cảm hứng từ Tứ diệu đế và Bát chánh đạo của Phật Tổ, khởi đầu là Khổ đế

112 Mầm giác ngộ trong tâm bình thường

SIÊU THỊ Ở CALIFORNIA

Tôi nghĩ gì về ông đêm nay, Walt Whitman, khi đi xuôi những phố
nhỏ dưới hàng cây đầu đầu nhức bồn chồn ngấm vắng trăng tròn

Mệt nhòai vì đói, đi sắm sanh hình ảnh, tôi vào siêu thị trái cây sáng
nê-ông, mơ màng về những gì ông kể!

Ồ những trái đào ồ những quăng tới! Những cả nhà đi mua sắm ban đêm!

Những lối đi đầy các ông chồng! Những bà vợ trong các trái bơ, những bé
con trong các trái cà chua! Và ông, Garcia Lorca, ông làm gì dưới đó
bên những trái dưa hấu?

Tôi thấy ông, Walt Whitman, không con không cái, bặm nhậu già đơn độc
đang chọc chia giữa những tảng thịt trong tủ lạnh và ghé nghiêng
các chú bán hàng.

Tôi nghe ông hỏi những câu như: Ai giết những miếng thịt heo? Chuối giá
bao nhiêu? Cậu có phải Thiên thần của tớ?

Tôi lang thang đi vào đi ra những chồng lon sáng loáng, theo chân ông và
tưởng tượng mình bị thiết bị của cửa hàng theo dõi.

Chúng mình cùng rải bước xuôi những hành lang mở, trong tưởng tượng
cô đơn mình nắm vị a-ti-sô, sở hữu mọi của ngon ướp lạnh và không
bao giờ đi qua cô thu ngân.

Mình đi đâu bây giờ Walt Whitman? Một giờ nữa là cửa đóng. Đêm
nay chòm râu ông chìa về nẻo nào?

(Tôi chạm vào cuốn sách của ông, mơ màng về cuộc phiêu lưu của chúng
mình trong siêu thị và cảm thấy phi lý).

Mình đi bộ suốt đêm qua những đường phố cô quạnh chẳng? Cây
thêm bóng vào bóng, đèn tắt trong các nhà, cả hai ta đơn độc.

Mình tán bộ mà mơ về nước Mỹ của quá khứ yêu thương đã mất,
những chiếc xe hơi màu xanh trên đường rẽ vào nhà, mái nhà tranh
lặng lẽ của chúng mình?

Ôi, cha thân yêu, chòm râu tiêu muối, người thầy già đơn độc dạy lòng dũng
cảm, nước Mỹ nào ông đã có khi người lái đò âm phủ đẩy thuyền rời bến
và ông lên một bờ sương khói, đứng nhìn con thuyền biến mất trên
dòng đen kịt sông Mê

Berkeley 1955
Hoàng Hưng dịch

HƯƠNG DƯƠNG HOA KINH

Tôi bước đi trên những bến tàu chuối đóng hộp và ngồi xuống dưới cái bóng đồ sộ chiếc đầu tàu hỏa công ty Nam Thái Bình Dương, nhìn hoàng hôn trên những đồi nhà hộp và khóc.

Jack Kerouac ngồi bên tôi trên chiếc cọc sắt gãy rỉ, là bồ bịch, chúng tôi nghĩ như nhau về linh hồn, âm u, chán nản, mắt buồn, vây quanh là rễ thép xù xì của những cái cây máy.

Nước váng dầu trên sông in trời đỏ, mặt trời tụt xuống trên chóp những đỉnh nhọn cuối cùng của thành Frisco¹, chẳng có cá trong dòng nước này, không có nhà ẩn tu trên những núi kia, chỉ có chính chúng mình mắt thấp khớp và chueñh choáng như những gã bụi đời già trên bờ sông, mệt mỏi và quỉ quyết.

Trông cây Hương dương kia, anh nói, một bóng xám chết in nền trời, to bằng người, ngồi tĩnh bơ trên ngọn đồng mùn cửa cũ -

- Tôi lập tức mê hồn - đó là cây hương dương đầu tiên của tôi, những ký ức về Blake - những linh thị của tôi - Harlem

và những Địa ngục của các con sông miền Đông, những cây cầu loảng xoảng Joes Greasy Sandwiches², những toa xe hải nhi

1 Tên lóng của San Francisco

2 Một hãng làm bánh sandwich

chết, những vỏ xe đen xỉ mòn hết bố bị bỏ quên và không đắp lại, bài thơ của bờ sông, bao tránh thai và nổi xoong, dao thép, không cái gì không vấy bẩn, chỉ có rác nhộp và những vật dụng sắc như dao cạo đi vào dĩ vãng -

và cây Hướng dương màu xám lơ lửng in lên hoàng hôn, âm u và bụi bặm với vết bẩn và sương khói mật mù của những chiếc đầu tàu cũ xưa trong mắt nó -

tràng cánh hoa mệt mỏi bị xô gẫy như chiếc vương miện méo mó, hạt rụng khỏi gương, mau chóng trở thành cái mồm mồm đầy không khí nắng, những tia nắng tiêu tan trên cái đầu lông lá giống như mạng nhện bằng dây thép khô không,

những chiếc lá như cánh tay chìa ra từ nhánh cây, những điệu bộ từ rãnh mùng cửa, những mảnh vữa rơi từ những cãnh đen, một con ruồi chết nằm trên tai,

Dù bạn là vật cũ kỹ méo mó, chẳng thiêng liêng, cây hướng dương của tôi Ôi tâm hồn tôi tôi yêu bạn!

Lớp nhọ than không phải lớp ghét của con người mà là cái chết và những chiếc đầu tàu nhân thế,

toàn bộ chiếc áo bụi kia, tấm mạng da đường tàu tối tăm kia, khói sương má kia, mí mắt khốn cùng đen kia, bàn tay hay dương vật hay cục bướu nhỏ nhem của cái nhân tạo còn hơn là bẩn thỉu - kỹ nghệ - hiện đại - toàn bộ nền văn minh kia làm như chiếc vương miện vàng điên rồ của bạn -

và những ý nghĩ lơ mơ về cái chết và những con mắt bụi bặm không tình yêu, những đầu ngọn và những rễ héo khô bên dưới, trong đồng cát và mùng cửa, những đồng đô la bằng cao su, da của máy móc, ruột

gan phèo phổi của chiếc xe hơi nức nở khục khặc, những vỏ hộp cô đơn rộng tuyền thè lưỡi rỉ, còn có thể kể tên những gì nữa đây, những tàn khói của điều xì gà con cặc, những cái hăm xe cút kít và những bộ ngực trắng sữa của xe hơi, những cái đất mòn xơ từ những chiếc ghế và cơ vòng của các động cơ - tất cả những thứ ấy vương trong đám rế khô héo như xác ướp của bạn - và bạn đứng đấy trước mặt tôi trong hoàng hôn, tất cả vinh quang trong hình dáng!

Một vẻ đẹp hoàn hảo của hướng dương! một hiện sinh hướng dương đáng yêu tuyệt vời hoàn hảo! một con mắt tự nhiên ngọt ngào nhìn vắng trắng mới tròn mọng, được thức tỉnh sự sống và kích động trong bóng hoàng hôn búa vào làn gió vàng rạng đông hàng tháng!

Bao nhiêu con ruồi vo ve quanh bạn, hỗn nhiên về lớp than trên mình bạn, trong khi bạn nghiền rửa những thiên đường của đường sắt và hỗn hoa của bạn?

Bông hoa chết tội nghiệp ư? lúc nào bạn quên mình là một bông hoa? lúc nào bạn nhìn da mình và quyết định mình chỉ là một chiếc đầu tàu già bần thiêu bất lực? hồn ma của một chiếc đầu tàu? ảo ảnh và bóng của một chiếc đầu tàu Mỹ đã một lần hùng mạnh điên rồ?

Bạn không bao giờ là cái đầu tàu, Hướng dương, bạn là một cây hướng dương!

Và bạn Đầu tàu, bạn là một chiếc đầu tàu, đừng quên tôi nhé!

Vì thế tôi nhặt lấy cây hoa hướng dương xương xẩu và cắm nó bên tôi như một quyền trượng,
và đọc bài thuyết giáo cho hồn tôi, cho cả hồn Jack, và cho bất kỳ ai lắng nghe,

- Ta không phải là lớp da nhọ than của ta, ta không phải là chiếc đầu
tàu không hình ảnh bụi bặm u ám đáng sợ của ta, tất cả chúng ta là những
bông hướng dương vàng đẹp đẽ bên trong, chúng ta được chúc lành bởi
tinh trùng và những cơ thể hoàn tất trần trụi lông vàng của chính chúng
ta lớn lên thành những bông hướng dương trang trọng đen đìa
trong hoàng hôn, bị con mắt ta rình rập dưới bóng chiếc đầu tàu diên linh thị
khi ngồi trong chiều muộn vỏ hộp nhấp nhô Frisco hoàng hôn bờ sông.

Berkeley 1955

Hoàng Hưng dịch

AMERICA³

America ta đã cho mi tất cả giờ đây ta chẳng là gì hết
America hai đô la 27 xu ngày 17 tháng Giêng năm 1956
Ta không chịu nổi chính tâm trí ta
America bao giờ chúng ta mới chấm dứt cuộc chiến người giết người?
Đem bom nguyên tử cút mẹ mi đi.
Ta đang khó chịu đây đừng quấy rầy ta nữa
Ta sẽ không làm thơ cho đến khi nào tâm trí ta đang hoang.
America bao giờ mi mới tốt lành đây?
Bao giờ mi cởi hết quần áo ra?
Bao giờ mi nhìn chính mi từ dưới mộ?
Bao giờ mi xứng đáng với hàng triệu người Trotskiste của mi?
America vì sao các thư viện của mi đầy nước mắt?
America bao giờ mi gửi trứng gà sang Ấn Độ?
Ta phát ngấy những yêu cầu điên khùng của mi.

3 Việc sáng tác và công bố bài thơ này được đánh giá là một hành động dũng cảm của Allen Ginsberg trong lúc đường lối chống Cộng sản của Thượng nghị sĩ Joseph Mc Carthy tuy đã không còn duy trì nhưng vẫn ám ảnh nặng nề xã hội Mỹ. Cảm hứng bài thơ cho thấy ảnh hưởng mạnh của người mẹ của tác giả, một người Nga di trú, một đảng viên nhiệt thành của Đảng Cộng Sản.

Bao giờ ta có thể đỉnh đạc bước vào siêu thị mua những thứ ta cần?
America rót cuộc chính mi với ta là hoàn hảo chứ không phải kiếp sau.
Mấy móc của mi quá thừa thãi với ta.
Mi khiến cho ta muốn thành một vị thánh.
Phải có cách nào khác để dàn xếp vụ tranh cãi này chứ.
Burrough⁴ đang ở Tangiers⁵ ta không nghĩ rằng anh ấy trở về thật là
hiểm độc.

Mi có hiểm độc không hay đó chỉ là một hình thức chơi khăm?
Ta đang cố đi đến điểm chính đây.
Ta từ chối ngưng nổi ám ảnh của ta.
America hãy ngưng thúc dít ta ta biết mình làm gì mà.
America hoa mận đang rơi.
Hàng tháng rồi ta không đọc báo, ngày nào
cũng có ai đó ra toà vì tội giết người
America ta thấy cảm thương cho anh em Wobblies⁶
America hỏi nhỏ ta đã từng là cộng sản ta không hối tiếc.
Ta hút cần sa mỗi khi có dịp.
Ta ngồi rờn rã nhiều ngày trong nhà trần trần nhìn những bóng hồng
trên giấy dán tường phòng chứa đồ.

Khi ta đến khu phố Tàu ta chỉ uống say mà chẳng bao giờ đụ.

4 William Bourroughs (1914-1997), bạn của A.G., một trong các nhân vật chủ chốt của thế hệ Beat, tác giả tiểu thuyết *The Naked Lunch* (Bữa trưa trần trướng). Nghiện heroin, anh trốn sang Mexico rồi Tangiers để khỏi bị bắt.

5 Thành phố hải cảng của Marocco

6 Tên thân mật của Industrial Workers of the World, một tổ chức công nhân hoạt động mạnh ở vùng bờ biển Tây Bắc Hoa Kỳ trước Thế chiến 1, tiền thân của các công đoàn Mỹ

Ta quyết định rồi sẽ không yên được với ta đâu.
Lẽ ra mi nên thấy ta đọc Marx
Bác sĩ phân tâm của ta cho rằng ta hoàn toàn tỉnh táo.
Ta sẽ không đọc kinh Lạy Cha
Ta có những ảo ảnh thần bí và những rung động vũ trụ
America ta còn chưa bảo cho mi biết mi đã làm gì Cậu Max sau khi cậu từ
 Nga sang đây
Ta đang nói với mi đây.
Có phải mi sắp để đời sống tình cảm của mi cho Tạp chí Time điều hành?
Ta bị Tạp chí Time ám ảnh.
Tuần nào ta cũng đọc nó.
Bìa báo trưng trưng nhìn ta mỗi lần ta lên đi qua tiệm bánh kẹo góc phố.
Ta đọc nó trong tầng hầm Thư viện Công cộng Berkeley.
Bao giờ nó cũng nói với ta về trách nhiệm. Doanh nhân là những
 người đứng đắn. Các nhà sản xuất phim thật đứng đắn. Ai ai cũng
 đứng đắn trừ ta.

Chợt ta nảy ra ý nghĩ ta là America.
Ta lại nói chuyện với chính mình.

Châu Á nổi dậy chống lại ta.
Ta chưa có cơ may của một người Tàu
Ta nên xem xét tài nguyên quốc gia của mình thì tốt hơn.
Tài nguyên quốc gia của ta gồm có hai điều thuốc lá trộn cần sa hàng
 triệu bộ phận sinh dục một dòng văn chương riêng tư không thể xuất
 bản đang phi 1400 dặm/ giờ và 25 nghìn trại tâm thần.

Ta đã hủy bỏ các nhà thổ ở Pháp, rồi sẽ đến lượt Tangiers thôi.
Tham vọng của ta là trở thành Tổng thống bất chấp việc ta là một tín đồ
Công giáo⁷

America làm sao ta viết nổi một bài kinh cầu nguyện trong tâm trạng
ngờ ngẩn của mi?

Ta sẽ tiếp tục giống như Henry Ford các khổ thơ của ta cũng độc đáo như xe
hơi của ông ta hơn nữa tất cả chúng khác nhau về giới tính.

America ta sẽ bán cho mi các khổ thơ 2500 đô la một khổ rẻ hơn khổ thơ
cổ lỗ của mi 500.

America hãy thả Tom Mooney⁸

America hãy cứu những người Tây Ban Nha Trung tín⁹

America Sacco & Vanzetti¹⁰ không thể chết

America ta là bọn nhóc ở Scottsboro¹¹

America khi ta lên bảy mẹ đưa ta đến cuộc họp chi bộ Cộng Sản họ bán

7 Âm chỉ cuộc tranh cãi xung quanh việc ứng cử viên tổng thống John F.Kennedy là tín đồ Công giáo.

8 Tom Mooney (1882-1942): thủ lĩnh lao động bị buộc oan tội ném bom trong một ngày hội ở San Francisco năm 1919, bị tù đến tận năm 1939 mới được xá tội, các nhà hoạt động nhân quyền gọi ông là “tù nhân của chiến tranh giai cấp”

9 Spanish Loyalists: Những người trung thành với chính quyền dân chủ trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha thập kỷ 1930

10 Hai người lao động nhập cư gốc Ý, trong phong trào dân túy cánh tả, bị buộc tội cướp của giết người, bị kết án tử hình vào năm 1920. Mặc dù công luận nước Mỹ cũng như thế giới phản đối kịch liệt, cuối cùng bản án vẫn được thi hành vào năm 1927. Mãi đến năm 1977, Thống đốc bang Massachusetts mới thừa nhận sai lầm của bản án và minh oan cho hai người. Trong lời cuối cùng trước tòa, Vanzetti nói: “Cả đời chúng tôi không bao giờ hy vọng làm được một việc như thế này cho lòng khoan dung, cho công lý, cho con người hiểu con người, như bây giờ do tình cờ chúng tôi làm được... Lời nói, sự sống, nỗi đau của chúng tôi chẳng là gì hết, (nhưng) việc lấy đi sự sống của chúng tôi, sự sống của một người thợ giày giỏi (ý nói Sacco- ND) và một người đánh cá tồi (Vanzetti khiêm tốn tự nhận), là tất cả! Khoảnh khắc cuối cùng thuộc về chúng tôi – đau đớn này là chiến thắng của chúng tôi!”

11 Chín trẻ em da đen bị buộc tội hiếp dâm 2 cô gái da trắng vào năm 1931. Vụ án kéo dài đến năm 1938, gây nên trận tranh cãi lớn nhất trong lịch sử tư pháp hình sự Hoa Kỳ, kết thúc bằng thắng lợi của những người bênh vực chín đứa trẻ.

cho chúng ta hạt đậu mỗi vé một năm giá vé một trinh còn diễn văn
 thì miễn phí mọi người ai cũng tốt lành như thiên thần và thương cảm
 thợ thuyền thuở ấy tất cả sao chân thành quá mi không mảy may hiểu nổi
 đảng đã là một điều tốt đẹp thế nào đầu vào năm 1835 Scott
 Nearing¹² là một ông già vĩ đại một Con Người¹³ thực sự.
 Mẹ Bloor¹⁴ là Người Nữ Vĩnh Hằng của thợ dệt lụa đình công làm
 cho ta khóc. Và đã có lần ta tận mắt nhìn thấy Israel Amter¹⁵ bình
 dị, diễn giả tiếng Yiddish¹⁶. Tất cả họ chắc phải là gián điệp.
 America mi không thực sự muốn có chiến tranh
 America chính là chúng bọn Nga xấu.
 Chúng bọn Nga chúng bọn Nga chúng bọn Tàu. Và chúng bọn Nga.
 Nước Nga muốn ăn gỏi chúng ta. Chính quyền Nga rô đại. Nó muốn
 cướp xe hơi trong ga-ra của chúng ta.
 Nó muốn quắp lấy Chicago. Nó cần một tờ Reader Digest¹⁷ đồ. Nó muốn
 những xưởng ô tô của ta ở Siberia. Chế độ quan liêu to lớn của nó
 điều hành các trạm xăng của chúng ta.
 Không thể thể được. Hừ. Nó bắt người Da Đỏ học đọc. Nó cần những người
 Da Đen to con. Hà. Nó bắt tất cả chúng ta làm việc 16 giờ một ngày. Cứu
 chúng tôi với.

12 Scott Nearing (1883 – 1943?) nhà hoạt động xã hội chủ nghĩa và nhà kinh tế cấp tiến - người xây dựng nền “canh tác hữu cơ” bảo vệ môi trường chống lại việc lạm dụng hoá chất

13 Nguyên bản dùng từ tiếng Đức “Mensch”

14 Ella Reeve Bloor, lãnh tụ Cộng sản ở New York

15 Israel Amter, lãnh tụ Cộng sản ở New York

16 Ngôn ngữ nguyên của bộ phận người Do Thái xưa ở Trung và Đông Âu, pha trộn phương ngữ Đức thời trung đại với tiếng Hebrew, Aramic, Slave, Pháp và Ý cổ

17 Tạp chí phổ biến kiến thức phổ thông và giải trí bình dân có số phát hành rất cao

America chuyện này nghiêm trọng thật đấy.
America đó là cảm tưởng của ta khi xem tivi
America có đúng thế không?
Ta phải bắt tay ngay vào công việc của mình mới được.
Thực sự ta không muốn vào quân ngũ hay đứng máy tiện trong các
xưởng dụng cụ chính xác, dù sao ta cũng bị cận thị và mắc bệnh
tâm thần.
America ta đang ghé đôi vai ốm yếu¹⁸ của ta vào guồng máy.

1956

Hoàng Hưng dịch

¹⁸ Nguyên văn "queer shoulder", trong đó "queer" còn có nghĩa là "đồng tính ái nam"

GỬI DÌ ROSE

Dì Rose -giờ đây- ước sao con được thấy dì
mặt mỏng tang nụ cười răng vầu cơn đau
thấp khớp – và một chiếc giày nặng đen dài
cho cái chân trái xương xẩu
khập khiễng đi dọc hành lang dài ở Newark trên tấm thảm chạy dài
qua chiếc đàn piano to màu đen
trong phòng khách
nơi bày tiệc tùng
và con hát những bài ca Tây Ban Nha tranh đấu
giọng ca the thé
(động rồ) các vị ủy ban lắng nghe
trong khi dì khập khiễng đi quanh phòng
quyên tiền -

Dì Honey, Chú Sam, một người khách lạ có cánh tay bằng vải
nhét trong túi
và cái đầu đồ sộ trẻ trung và hói
của Lữ đoàn Abraham Lincoln

-- gương mặt dài và buồn của dì
những giọt nước mắt thất bại về tình dục
(dìm tiếng nức nở và cặp hông xương xẩu
dưới những chiếc gối ở Osborne Terrace)
--cái lần con đứng trần truồng trên bệ xí
và dì thoa phấn calamine lên hai đùi con
để ngừa cây sơn độc – những sợi lông
xẩu hổ đầu tiên của con mềm đen loãn xoắn
lúc ấy dì nghĩ thầm trong bụng điều gì
khi biết con đã là đàn ông—
còn con lại là một đứa con gái¹⁹ chẳng biết gì trong sự im lặng của
gia đình trên
đôi chân mỏng mảnh đứng trong phòng tắm — nhà Bảo tàng Newark.

Dì Rose ơi

Hitler đã chết rồi, Hitler trong cũi Vĩnh hằng; Hitler ở cùng
Tamburlance và Emily Bronte²⁰

Nhưng con vẫn thấy dì dạo bước, một bóng ma trên Osborne Terrace
đi dọc hành lang tối ra cửa trước
đi hơi khập khiễng với nụ cười méo
mặc thứ gì đó chắc từng là một
chiếc váy lụa hoa
đón chào cha con, Nhà thơ, đến thăm Newark

19 Câu này nói lên rằng tác giả đã cảm nhận được bản chất “đồng tính ái” của mình ngay từ tuổi dậy thì

20 Tamburlane là nhà chinh phạt vùng Trung Đông. Emily Bronte là nhà văn nữ người Anh TK 19, tác giả “Đỉnh Gió Hú”.

-- thấy dì vào phòng khách
nhảy với cái chân què
và vỗ tay cuốn sách của ông
đã được nhà Liveright²¹ chấp nhận

Hitler đã chết còn Liveright đã sập tiệm

The Attic of the Past và *Everlasting Minute* đã không còn được in tiếp
nữa rồi

Chú Harry đã bán chiếc vớ lụa cuối cùng của chú
Claire đã thành cô giáo dạy múa thực thụ
Còn Buba²² thì ngồi đó, như một tượng đài nhẵn
nhúm trong Nhà Già dành cho các cụ bà, hấp háy
nhìn “bọn trẻ” mới vào

Lần cuối con thấy dì là trong bệnh viện

cái sọ nhọt nhọt lồi lên dưới lớp da xám xịt
vẫn là một cô gái, bất tỉnh, đầy những mạch máu nổi xanh
trong chiếc lều dưỡng khí²³
chiến tranh Tây Ban Nha chấm dứt đã lâu rồi
Dì Rose ạ

1961
Hoàng Hưng dịch

21 NXB hàng đầu ở Mỹ những thập kỷ 1920, 1930, đã xuất bản tập thơ “Everlasting Minute” (Phút vĩnh hằng) của Louis Ginsberg năm 1937. “The Attic of the Past” (Gác Xưa) là tập thơ đầu tiên của ông (xuất bản năm 1920)

22 Bà nội của tác giả

23 Thiết bị thở oxy trong phòng giải phẫu có hình dạng như chiếc lều

‘TRỞ LẠI TIMES SQUARE MƠ VỀ TIMES SQUARE’²⁴

Hãy để một cây trumpet u sầu đứng
trên những con phố lúc bình minh trống vắng
thổi bản hợp tấu bạc cho
những cao ốc của Times Square nghe,
tưởng nhớ mười năm, lúc 5 giờ sáng, với
mảnh trăng trắng mỏng
mờ mờ
bên trên những văn phòng cao ốc McGraw
Hill màu xanh lá lạ kỳ
một gã cớm bước qua, nhưng người thổi trumpet thì vô hình
cùng tiếng nhạc của anh

Khách sạn Globe, Garver nằm trên
những chiếc giường màu xám khom
lưng lau sạch kim tiêm –
ở đây nhiều đêm tôi nằm im

²⁴ Quảng trường mang tên của tờ báo New York Times, trung tâm giải trí của TP New York

bên đồng bông đầy máu anh bỏ lại
và mơ tiếng Blake truyện trò-
Tôi thì cô đơn,
Garver đã chết ở Mexico hai năm rồi,
khách sạn đã tiêu tan thành bãi đậu xe
Và tôi trở về đây - lại ngồi trên
những con phố -
Các bộ phim bắt chước ngôn ngữ của chúng ta, những
bảng tên phim màu đỏ

CÁI MỎ KÉP CỦA NHỮNG KẺ LẮM MỒM

Ác mộng Tuổi Teen
Bọn Hooligan của Mặt trăng

Nhưng chúng ta chẳng bao giờ là bọn hooligan
của ác mộng mà những kẻ đi tìm
cái mũi màu vàng hoe cho Chân lý

Vài người già còn sống, nhưng lũ xì ke già thì đã chết –

Chúng ta là một truyền thuyết, vô hình nhưng
truyền kỳ, như đã được tiên tri

New York tháng 7/1958
Hoàng Hưng dịch

KINH KADDISH²⁵

Tặng Naomi Ginsberg 1894 - 1956

(trích)

I

Thật lạ lòng bây giờ nghĩ đến mẹ, đã ra đi không áo cooc-xê & mắt,
trong lúc con bước đi trên vỉa hè nắng Greenwich Village
trung tâm Manhattan, trưa đông sáng sửa, và con đã thức suốt đêm,
trò chuyện, trò chuyện, đọc lớn tiếng Kinh Kaddish, nghe điệu blue

Ray Charles²⁶ hét chuyển chóng trên máy hát,
nhịp điệu nhịp điệu - và ký ức mẹ trong đầu con ba năm sau - Và đọc lớn
tiếng những khổ khải hoàn cuối cùng của Thượng đế - khóc, hiểu ra
được làm sao chúng ta khổ sở -

Và làm sao Chết là phương thuốc mọi ca sĩ đều mơ, hát, nhớ lại, tiên tri, như

25 Bài kinh quan trọng của đạo Do Thái, thoát tiền dùng trong các lễ hàng ngày, sau trở thành kinh cầu hồn người chết

26 Ngôi sao nhạc pop (1930-2004)

trong Thánh ca Hebrew hay Sách Lời giải của Phật giáo²⁷ - và
tưởng tượng của chính con về một chiếc lá khô - lúc bình minh -

Mơ ngược dòng đời, về thời của Mẹ - và thời con lao nhanh về Tận
Thế, thời điểm kết thúc - bông hoa cháy giữa Ngày - và cái gì đến tiếp,
nhìn lại trong bản thân tâm trí cái tâm trí đã thấy một thành phố Mỹ
loé một cái, và giấc mộng lớn của Con hay Trung Hoa, hay mẹ và một nước

Nga ma, hay một chiếc giường bẹp rúm không bao giờ tồn tại -
giống như một bài thơ trong bóng tối - trốn thoát trở về Quên lãng -
Không còn gì để nói, và không có gì để khóc than trừ những Sinh linh

trong Mộng, bị kẹt trong sự biến mất của Mộng,
thở dài, hét la với mộng, bán mua những mảnh hồn ma, thờ phụng lẫn
nhau,
thờ phụng Thượng đế bao hàm trong đó cả - khát khao hay không
tránh khỏi? - trong khi mộng còn kéo dài, một Linh thị - còn
gì nữa không nhỉ?

Mộng nhảy quanh con, khi con ra khỏi nhà và bước đi trên phố, ngoái
nhìn, Đại lộ Bảy, những tiếng đập cửa sổ các cao ốc văn phòng hích
vai nhau trên cao, dưới một đám mây, một khoảnh khắc cao như trời –
và trời trên kia - một chốn xanh xưa cũ.

hay xuôi Đại lộ về nam, về - khi con bước về phía Lower East

Side²⁸ - nơi mẹ bước đi 50 năm trước, cô gái nhỏ - từ nước Nga,

27 Hebrew Anthem: Kinh Thánh của đạo Do Thái; the Buddhist Book of Answers: chưa biết rõ là sách nào, nhà
nghiên cứu Nguyễn Tường Bách gợi ý có thể là sách "Khai thị trí Phật"

28 Khu Hạ Manhattan về phía đông, TP New York

ăn những trái cà chua độc đầu tiên của Mỹ²⁹ - run sợ trên bến tàu thủy -
rồi chen lẫn trong những đám đông Phố Orchard đi về cái gì nhỉ? - về

Newark -

về tiệm bánh kẹo, những chai soda nội địa đầu tiên của thế kỷ, kem
đánh bằng tay trong nhà sau trên những tấm ván sàn nâu mốc -

Về giáo dục hôn nhân suy nhược thần kinh, giải phẫu, dạy học ở trường, và
học điền, trong một giấc mơ - kiếp sống ấy là gì nhỉ?

Về phía chiếc Chìa khoá³⁰ trong cửa sổ - và chiếc Chìa khoá lớn đặt
cái đầu sáng rực của nó trên đỉnh Manhattan và bên trên sàn nhà, và
nằm xuống vỉa hè - trong một luồng sáng rộng duy nhất, chuyển
động, khi Con bước xuôi Đại lộ Một về phía Nhà hát Yiddish³¹ -
và chốn nghèo nàn

mẹ đã biết, và bây giờ con biết nhưng không quan tâm - Lạ lùng là đã đi
chuyển qua Paterson, và miền Tây, và châu Âu và lại về đây,

với những tiếng khóc người Tây Ban Nha bây giờ trong các khung cửa
nhà và những chú bé da xạm màu trên phố, những lối thoát hoá tai
già bằng mẹ

- Dẫu bây giờ mẹ không già, đó là cái còn lại đây với con -

Bản thân con dù sao cũng có thể già bằng vũ trụ - và con đoán vũ trụ chết
cùng chúng ta - đủ để hủy bỏ hết những gì đang tới - Cái gì đã tới thì lúc
nào cũng đã qua đi mãi mãi -

29 Người Nga nhập cư nước Mỹ đầu thế kỷ XX chưa từng thấy quả cà chua, một số tin là nó độc

30 Một thời gian trước khi bà Naomi qua đời, bà viết thư cho anh của Allen là Eugene, rằng: "Những sứ giả của Thượng đế đến bên giường mẹ, và mẹ đã nhìn thấy đích thân Thượng đế ở trên trời. Ánh nắng cũng soi cho mẹ thấy chiếc chìa khóa ở bên cửa sổ để mẹ thoát ra khỏi đây."

31 Xem chú thích trong bài "America"

Thế là tốt! Để nó không làm ta tiếc nuối - không sợ những lò sưởi, thiếu tình yêu, thống khổ cuối cùng ngay cả đau răng -

Dẫu khi nó tới nó là con sư tử ăn mất linh hồn - và con trù, linh hồn, trong ta, than ôi, tự dâng hiến hy sinh cho cơn đói dữ tợn của đói thay - tóc và răng - và tiếng rống của đau xương, sợ trần, sườn gầy, da mục, sự Khôn nguôi bị tâm trí đánh lừa.

Ồi! ối! chúng ta còn tồi tệ hơn! Chúng ta khốn đốn! Và mẹ thoát rồi, cái Chết giải thoát mẹ, cái Chết có Từ tâm, mẹ đã xong với thế kỷ của mẹ, xong với Thượng đế, xong với con đường xuyên qua thế kỷ -

Cuối cùng là xong với bản thân mẹ - Thuần khiết - Trở về Con Bé tối đen có trước Cha của mẹ, có trước tất cả chúng ta - có trước thế giới -

Nào, mẹ hãy nghỉ ngơi đi. Không còn đau đớn cho mẹ. Con biết mẹ đi về đâu rồi, tốt đấy.

Không còn hoa trên những cánh đồng mùa hè New York, giờ đây không còn niềm vui, không còn nỗi sợ Louis³²,

và không còn sự ngọt ngào và cặp mắt kính của ông, những thập niên trường trung học của ông, những món nợ, những mối tình, những cú điện thoại hãi hùng, những chiếc giường thụ thai, những họ hàng, những bàn tay -

Không còn chị Eleanor - dì đã đi trước mẹ - chúng con giữ kín nhem việc ấy - mẹ đã giết dì - hay dì đã tự sát vì phải chịu đựng mẹ - một trái tim thấp khớp - nhưng cái Chết đã giết cả hai người - Không sao hết -

32 Cha của tác giả

Không cả ký ức của mẹ về mẹ của mẹ, năm 1915 những giọt lệ phim
câm tuần tiếp tuần - lãng quên sâu nào xem Marie Dressler³³ nói
với nhân loại, Chaplin³⁴ nhảy trong thời trẻ,
hay Boris Godunov³⁵, Chaliapin³⁶ ở Met³⁷, gằn giọng một Sa

Hoàng đang khóc - cùng Elanor & Max trong phòng vé đứng - cũng
quan sát bọn Tư Bản ngồi ghế hàng đầu, những áo lông trắng, những
kim cương,
với cuộc quá giang của YPSL³⁸ xuyên Pennsylvania, mặc quần áo
thể thao màu đen thùng thình, tám hình 4 cô gái quàng lưng nhau, và
mắt cười, quá bên lề, sự cô đơn trinh bạch năm 1920
giờ đây các cô gái đều đã già hay chết, và mái tóc dài nọ trong mồ - về
sau may mắn có chồng -

Mẹ đã xong việc rồi - Con cũng đã tới - Eugene anh con trước (bây giờ còn
đau đớn và sẽ còn đau bàn tay cứng đờ còn lại, khi anh qua khỏi
bệnh ung thư - hay là giết - có thể sau này - anh sẽ sớm nghĩ về nó-)

Và đó là thời điểm cuối cùng con nhớ, con thấy họ cả, thông qua con
bây giờ - dấu không phải là mẹ

Con đã không tiên liệu mẹ cảm thấy gì - cái miệng nào há hốc ghê tởm hơn
đến trước tiên - với mẹ - và mẹ đã chuẩn bị chưa?

33 Nữ diễn viên hài nổi tiếng của Mỹ (1869-1934)

34 Vua hài Charlie Chaplin (1889-1977)

35 Vợ opera cổ điển Nga

36 Fedor Chaliapin, nghệ sĩ opera hàng đầu của Nga (1873-1938)

37 Nhà hát Metropolitan Opera ở New York

38 Đoàn Thanh niên Xã hội chủ nghĩa, hoạt động mạnh trong những thập niên 1910-1930

Chuẩn bị đi đâu? Vào cõi Tối kia – cõi ấy - vào Thượng đế kia? một ánh sáng chói lọi? Một Đức Chúa ở cõi Không? Giống như con mắt giữa mây đen trong giấc mộng? Cuối cùng với mẹ là Đấng Tối cao?

Vượt ngoài trí nhớ của con! Không thể đoán! Không chỉ là chiếc sọ màu vàng trong mộ, hay một hộp bụi ròi, và một dải lụa bản - Đầu lâu với

Hào quang? mẹ có tin là thế?

Chỉ mặt trời một lần chiếu sáng tâm trí, chỉ chớp loé sinh tồn, không có gì từng hiện hữu?

Không gì bên ngoài những thứ chúng ta có - những thứ mẹ có - thật đáng thương sao - nhưng Chiến Thắng, là đã ở đây, và thay đổi, như một cái cây, bị gãy, hay bông hoa - bón đất – nhưng diên, với những cánh có màu, suy tưởng Đại Vũ trụ, bị lắc lay, cắt vào đầu, lá bị tước, bị giấu trong một nhà thương thùng đựng trứng, bó vải, đau đớn - chờ đợi trong não trắng, Không có hư không...

TỤNG CA

IV

Ôi mẹ
cái gì con đã để mất
Ôi mẹ
cái gì con đã quên mất
Ôi mẹ
vĩnh biệt
với một chiếc giày dài màu đen
vĩnh biệt
với Đảng Cộng Sản và một chiếc vớ lụa
vĩnh biệt
với sáu sợi lông đen trên cái u ở ngực
vĩnh biệt
với chiếc đầm cũ và chòm râu dài màu đen quanh âm hộ
vĩnh biệt
với cái bụng xệ của mẹ

với nỗi sợ Hitler của mẹ
với cái miệng chuyện tục tĩu của mẹ
với những ngón tay mandolin mục của mẹ
với những cánh tay cổng Paterson dày của mẹ
với cái bụng đình công và ống khói của mẹ
với cái cầm Trotsky và Chiến tranh Tây Ban Nha của mẹ
với giọng của mẹ hát cho các công nhân quá suy sụp mục nát
với cái mũi đàn bà hư của mẹ cái mũi mùi những rau dầm dẫm Newark của mẹ
với đôi mắt của mẹ
với đôi mắt nước Nga của mẹ
với đôi mắt không tiền của mẹ
với đôi mắt nước Tàu giả mạo của mẹ
với đôi mắt Di Elanor của mẹ
với đôi mắt nước Ấn Độ chết đói của mẹ
với đôi mắt đá trong công viên của mẹ
với đôi mắt nước Mỹ bước vào thời kỳ suy thoái của mẹ
với đôi mắt thất bại ở đàn piano của mẹ
với đôi mắt những họ hàng ở California của mẹ
với đôi mắt Ma Rainey³⁹ chết trong xe cấp cứu của mẹ
với đôi mắt Tiệp Khắc bị bọn robot tấn công của mẹ
với đôi mắt đi đến lớp học vẽ ban đêm ở Bronx của mẹ
với đôi mắt Bà kẻ giết người mẹ nhìn thấy ở chân trời khi đứng ở Lối Thoát Hoả
Tai của mẹ
với đôi mắt chạy trần truồng ra khỏi nhà hét vào gian sảnh của mẹ
với đôi mắt bị cảnh sát điệu lên xe cấp cứu của mẹ

39 Ca sĩ nhạc blue, diễn viên kịch, nhạc sĩ sáng tác ca khúc, người Mỹ (1886-1939)

với đôi mắt bị trói vào bàn giải phẫu của mẹ
với đôi mắt với tụy tạng bị cắt bỏ của mẹ
với đôi mắt mổ ruột thừa của mẹ
với đôi mắt xảy thai của mẹ
với đôi mắt buồng trứng bị cắt bỏ của mẹ
với đôi mắt bị xóc của mẹ
với đôi mắt phẫu thuật thùy não của mẹ
với đôi mắt li hôn của mẹ
với đôi mắt đột quỵ của mẹ
với đôi mắt một mình của mẹ
với đôi mắt của mẹ
với đôi mắt của mẹ
với cái Chết đầy Hoa của mẹ

Paris tháng 12/ 1957- New York 1959
Hoàng Hưng dịch

THÁNH CA IV

Giờ đây tôi ghi lại linh thị bí mật của mình, điều không thể có là tôi đã nhìn
thấy mặt Thượng đế:

Không phải mơ đâu, tôi nằm thức giấc rõ ràng trên một tấm nệm thần kỳ
ở Harlem

vừa thủ dâm vì không có mối tình nào, và cời trần đọc một cuốn sách của
Blake mở trong lòng

Lạ lùng chưa! Đầu óc trống không tôi gỡ một trang và chăm chăm nhìn
bông Hướng dương sống
và nghe thấy một giọng, đó là giọng của Blake, đọc y như cách người trần:
giọng nói cất lên từ trang sách tới lỗ tai bí mật của tôi chưa bao giờ tôi
nghe thấy -

Tôi nhướng mắt nhìn lên cửa sổ, những bức tường màu đỏ của các cao ốc
loang loáng bên ngoài, bầu trời buồn không cùng trong Vĩnh cửu
nặng rọi trần trần thế giới, những căn hộ Harlem đứng trong vũ trụ -
mỗi viên gạch và mái đua vẩy bắn vì trí khôn giống như gương mặt sống -
bộ não lớn phơi bày và ấp trong hoang dã! - Giờ đây nói lớn tiếng với
giọng của Blake -

Người yêu ơi! sự hiện diện kiên nhẫn của người & xương cốt của thân
thể! Cha ơi! cha cần trọng đôi nhìn và chờ đợi trên linh hồn con!

Con ơi! Con ơi! vạn đại đã nhớ đến tôi! Con ơi! Con ơi! Thời gian hú
đau buồn trong tai tôi!

Con ơi! Con ơi! cha tôi khóc và ôm tôi trong vòng tay đã chết của người.

1960

Hoàng Hưng dịch

KẾT THÚC

Ta là Ta, Cha Mắt Cá⁴⁰ sinh ra đại dương, con sâu trong lỗ tai của
chính mình, con rắn quấn quanh cây,

Ta ngồi trong tâm trí cây sồi và nấu trong lòng bông hồng, Ta biết nếu có
cái gì thức dậy thì chỉ là cái chết của mình thôi,
hãy đến với thân thể ta, hãy đến với những lời tiên tri của ta, hãy tới đây tất
cả điểm triệu, hãy tới đây các hồn ma và linh thị,

Ta tiếp nhận hết, Ta sẽ chết vì bệnh ung thư, Ta chui vào quan tài vĩnh cửu,
Ta nhắm mắt, Ta biến mất,

Ta ngã xuống chính ta trong tuyết mùa đông, Ta lăn trong bánh xe lớn qua
mưa, ta ngắm nhìn những kẻ đụ nhau quần quai,

tiếng xe rít, cuồng nộ gầm gào thứ nhạc bè trầm, trí nhớ phai mờ trong óc,
những gã đàn ông bắt chước loài chó,

40 Father Fish Eye: Có thể là biểu tượng của Đấng sáng tạo. Theo Peter Hale, nguyên trợ lý của Allen Ginsberg, hình ảnh này có thể liên quan đến bức họa mà tác giả ưa thích: đầu chân Phật hiện hình thành ba con cá chum đầu có chung một con mắt lớn ở giữa.

Ta hỡi dạ trong cái bụng một người đàn bà, tuổi trẻ banh ngực và đùi
cho tình dục, con cặc bật mạnh vào trong
phun tinh trên hai môi của Âm, những con thú nhảy múa ở Xiêm, họ
hát opera ở Moscow,
những cậu trai của ta khom lưng đợi chờ trong bóng tối, Ta đi vào New
York, Ta chơi nhạc jazz trên cây đàn clavico Chicago,

Hỡi Tình yêu đã sinh ra ta, ta sinh lại người từ Ngọn nguồn không hề
mất mát, Ta bập bênh bên trên kẻ đang nôn mửa
run lên vì sự bất tử của ta, run lên vì sự vô cùng vô tận mà ta thái nhỏ ra và
chôn xuống,
hãy tới đây Thi sĩ cầm miệng lại mà ăn lời ta, hãy nếm nấp miệng ta trong
lỗ tai người.

New York, 1960
Hoàng Hưng dịch

KHEER⁴¹

Cho một chút sữa keo vàng
ngọt vào miệng ta

Những chiếc quạt quay tít, đèn neon xanh,

Một ông quần khăn và bộ râu kiểu người Pháp
ngồi dưới nút ngắt điện, một tiếng còi xe
và con Đường, quay vòng với
tiếng lanh canh của xe Điện:

Ôi cái bà da trắng bé tí ăn xin đưa
bàn tay qua cửa sổ xe hơi –

Những bộ râu xám & những người đội giỏ đi qua
thấp thoáng Bóng –

Một chiếc buýt rú ga chạy qua với những người
mặc quần tây đu người ra ngoài cửa xe

Tiếng ho khò khè phát lớn từ
cổ họng bị nghẽn
những người nhai thuốc lá khạc
vào cái bồn rửa tay,

Bentick St. Calcutta
Mùa Đông 1962
Hoàng Ngọc Biên dịch

41 Một loại sữa chua keo màu vàng và có mùi thơm

HÃY HIỂU ĐÂY LÀ GIẤC MƠ

Thực như giấc mơ Ta sẽ làm gì với cơ hội được bay này?

Hành tinh này, mặt trăng này thể hiện điều gì?

Nếu như ta có thể mơ thấy mình mơ / và mơ bất cứ gì có thể mơ/ thì liệu

ta có thể mơ

Thấy mình thức/ và vì sao lại làm thế nhỉ?

Khi trong mơ ta mơ mình thức/ dậy thì điều gì

xảy ra khi ta cố cử động?

Ta mơ thấy mình cử động

và sự gắng sức của ta vận động vận động

cho đến khi ta cử động/ và cánh tay ta đau

Thế là ta tỉnh dậy/ mất tinh thần/ Ta đang mơ/ Ta đang thức

lúc ta vẫn đang mơ/ ngay lúc này

và cố nhớ lần sau trong những giấc mơ

rằng mình đang trong mơ.

Và mơ bất cứ gì ta muốn lúc ta tỉnh dậy.

Lúc tỉnh dậy ta thèm muốn gì nhỉ?

Ta thèm đáp ứng cái bụng cảm xúc của ta.

Toàn thân ta tìm ta trên các đầu ngón tay run lên vì một vài đáp ứng cũ.

Những trang văn thiên giới những từ lửa đốt

Không thể thiêu cháy nhưng biến đi mất.

Những bản viết trên giấy da bí hiểm của chính ta và vũ trụ là lời đáp.
Bụng áp Bụng gối sát gối

Thân thể ta thoát ra nóng hổi tới anh tới anh
cậu trai già/ chàng Bá tước mơ mộng/ Hoàng thân Paterson/ giờ là vua của
ta/ Haledon⁴² hoang vắng
giấc mơ đầu tiên làm ta tụt quần
khẩn cấp bày ra những chiếc xe hơi/ xe tải/ lăn xuống đồi đại lộ.
Lùi xa quá khứ điều gì ta nhớ lại/ chỉ có khuôn mặt tay thủ lãnh băng nhóm có mầu
vàng hoe/ cậu ấy yêu ta/ một bữa nọ trên những bậc thềm nhà cậu cách mấy khu
nhà cả buổi chiều ta nói với cậu về những câu Thần chú của ta
Ta có thể làm bất cứ gì ta muốn/ những đại tửu lâu những bạc triệu/ những bộ
dụng cụ hoá học/ những chiếc

lồng gà/ những con ngựa trắng
những chuồng ngựa và hầm tra tấn/ Ta thanh tra các nạn nhân trần truồng của
mình bị trói lộn ngược đầu/ những đầu ngón tay ta run rẩy tán đồng trên đùi họ
những cái má nhẵn nhụi trắng trẻo mà ta có thể hôn tất cả những gì ta muốn
tùy quyền ta, trên giàn tra tấn.

Ta đi qua với đoàn tùy tùng mạnh mẽ/ Bản thân ta trần truồng
khom lưng chia mông ra
đón những làn roi vun vút khiển trách của họ/ ôi hơi nóng của thềm muốn
giống như cút trong lỗ đất của ta. Băng nhóm lạ lùng
bên kia đường/ qua cửa hàng rượu/ trong con đường rừng/ ngoài trời

góc phố/
Bởi vì ta đã nói dối ông Nha sĩ về cái tấm lợp lồng gà/ mà ta ăn cắp ở

gara nhà ông
và cậu bé mà ta yêu sẽ trừng phạt ta nếu cậu biết
điều gì ta yêu cậu ấy.
Rằng giờ đây ta đã có lại cậu bé kia trong một hình thái mầu vàng hoe khác

42 Một vùng ngoại ô Newark

Peter Orlovsky một chú nhóc người Hoa ở Bangkok mười tuổi hai mươi tuổi
Joe Army trong khu nhà sinh viên/ hạ thể mầu trắng vàng/ miệng ta
có những cái hôn/ đầy cặc cậu ấy/ đít ta nóng bỏng/ đầy cặc cậu
ấy
tất cả những gì ta thèm muốn. Lúc mơ và lúc tỉnh
cái thân thể đẹp trai kia là của ta/ đáp lại
tất cả những gì ta thèm muốn/ những tình yêu thâm kín/ những đôi mắt mờ/
cuối cùng lộ rõ/ quần áo vút trên sàn
Đồ lót – thứ phát lộ mạnh nhất - bị tụt xuống dưới bụng trên giường
Thế thể/ ừ ừ /những con cặc xẹp những vết chích đỏ lông mu mềm mại/ ở
một mình với ta
câu thần chú của ta. Quyền lực của ta/ điều mà ta đơn độc thèm muốn/
điều mà sau ba mươi năm/
Ta có được mãi mãi/ sau ba mươi năm /thoả mãn đủ với Peter/ với
tất cả những gì ta muốn/
với nhiều đàn ông ta quen biết một thể hệ/ tinh dịch của chúng ta truyền vào
miệng và bụng nhau/ đẹp đẽ khi tình yêu/ được trao tặng.
Bây giờ giấc mơ già đi/ ta già đi/ tóc ta dài một tuổi/ sinh nhật thứ ba
mười tám của ta sắp tới
Ta mơ thấy mình
hỏi đâu/ mình đang biến đi/ khu nhà sinh viên không thể nhận ra/ Đại lộ Haledon
sẽ phủ đầy những motel/ đèn nê-ông/ những Siêu thị/ sắt
những cái cổng và những khu rừng sẽ đổi thay khi ta trở về/ để gặp lại
Bá tước
Cậu ấy sẽ là ông bố béo núc/ hỏi đâu/ ta có thể đuổi theo cậu tới gara
Nếu vẫn còn cái gara trên đồi/ trên hành tinh/ khi ta trở về. Từ Châu Á.
Nếu như ta có thể thậm chí nhớ được tên hay mặt cậu ấy/ hay tìm thấy
cậu ấy/
Khi ta lên mười/ có lẽ cậu ấy tồn tại trong một hình thái nào đó.

Với một cái bụng và một dây thắt lưng và một chiếc xe hơi
Mặc tên cuối của cậu ấy là gì/ ta không bao giờ biết/ trong danh bạ điện thoại/
hay trong Sổ Thiên tào⁴³.

Ta sẽ viết Cảm hứng của mình cho toàn Nhân loại nhớ.

Ý tưởng của ta, cái hang bí mật/ trong phòng quần áo/ ngôi nhà kia có
thể sụp rồi/

Chẳng còn gì mà trở lại/ mọi thứ đã ra đi/ chỉ còn ý tưởng của ta
đang biến mất/ ngay cả trong mơ/ những đồng bụi xám/ sự hủy diệt phút chốc của
Thế chiến Thứ hai và tất cả những khẩu đại bác miệng sáng loáng bằng thép không
rỉ của nó ta và những chiếc hôn thời học trò của ta ít hơn nhiều/ ta chẳng bao giờ
hôn đúng lúc/ và tiếp tục hôn trong mơ và lúc tỉnh ngoài phố/ như thể là hôn cho
vĩnh cửu.

Đâu còn vĩnh hằng kia chứ! Cả vĩnh hằng xưa cũ nhất của ta cũng đã ra đi,
ở Bangkok, ở Benares, bị quét sạch với những từ ngữ và xác thân/ tất cả đi vào sông
Hằng màu nâu /

đi qua những bãi đốt xác và/ đi vào nhà nước cảnh sát.

Tâm trí của ta, tâm trí của ta/ người có hai thước Đất để đào xới/

Sao người không nhớ mà gieo nhân Phật Pháp và gặt quả Hiện tượng?

mùa hoa hoàng kim của ý tưởng nào? Nếu như ta mơ thấy mình mơ/ thì giấc mơ
nào ta nên mơ tiếp? Những chiếc xích lô máy/ ánh đèn khởi hành/ những xe

taxi nhỏ/những móng ngựa

trên phố Sài Gòn lúc nửa đêm này. Phía trước là Angkor Wat và những bộ

mặt Hindu xưa của những phế thành

và ta có một giấc mơ về Vĩnh cửu. Mình nên mơ gì khi tỉnh dậy?

Còn lại gì để mơ, thêm thịt xá xiu? Thêm những câu Thần chú? Thêm những

chàng trai để yêu trước khi mình đổi thay và biến mất?

Thêm những lời nói mơ? Không thể tiếp tục mãi mãi. Bây giờ mình biết tất cả/ rồi

43 Nguyên văn: Akashic records: một thuyết thần bí cho là trên trời có hồ sơ ghi lại mọi ý nghĩ của con người từ xưa đến nay mà một số cao nhân có thể đọc được khi nhập đồng.

tàn lụi? Vì bây giờ thì mình biết mình đang m ơ/
Rồi mi sẽ làm gì đây Allen? Chạy xuống Presidents Palace⁴⁴ đầy morphin/
Gà gáy ran/ trong phố. Những chiếc xe tải đầu hòm/ Vấn đề là gì nhỉ?
Mình có cần ngủ không, khi ánh sáng đã chiếu vào cửa sổ?
Mình sẽ đi ngủ. Ngủ cho đến ý tưởng sau/ chiếc xe tải chuyển đồ
rỗng không
đến nhà ông Bác sĩ đầy đồ đạc Trung Hoa.

Saigon, 31 tháng 5- 1 tháng 6/ 1963
Hoàng Hưng dịch

44 Tên một khách sạn ở đường Trần Hưng Đạo, giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, trước 1975

TỈNH GIẤC Ở NEW YORK

II

Trên mái nhà bầu trời vẫn vụn những tia nắng nhạt
những cây đuốc điện chót vót -
còi ô tô - Những cái tháp
với khổng lồ kim đồng hồ chỉ
giờ Nhập nhoạng muộn màng trên
những mái lạnh canh

Những mái đua bằng gạch vông xuống của các phố chúng cư nghèo
con diều trắng trẻ thơ chấp chới trên nền
Nhà Máy Điện Khổng Lồ mặt côn trùng
xanh lam ống khói & khói dâng lên
Những thông điệp Đỏ, những tầng cao sáng loáng,
Toà Empire State⁴⁵ lăm chắm đèn
cửa sổ li ti, bên kia những khối
tháp nhọn, gác chuông, những mái cao ốc

45 Cao ốc nổi tiếng của New York

tiện ích chớp vàng choé - xa như
những kim tự tháp sáng lên trong
các tầng đá hoang mạc lờm chờm -

Thành phố khổng lồ khổng lồ thức giấc
trong hơi ẩm đầu tiên của mùa xuân
Những tiếng người náo động, tiếng bi xô các gia đình
phố Tây Ban Nha, nhạc radio
bồng bềnh dưới mái, sự chân thành của
người dẫn chương trình tóc dài quang quác
giọng xì gà
Ánh sáng kéo khoá dây cài những chuyện dương vật
bên dưới những cây ăng ten màu đỏ xuyên
qua nóc nhà khói đen lò sưởi
trôi dạt qua không trung xanh -

Những cây cầu bị che bởi các bức tường căn hộ được chiếu sáng,
một tháp nhỏ với ngọn đèn
trên vai nó phía dưới “những gã khổng lồ yêu nước râu rĩ”

Những ống khói khổng lồ đốt cháy khói xám
dày đặc, toà Chrysler⁴⁶ thấp sáng màu xanh lục,
xuôi phố Wall những hòn đảo chọc trời
màu đen lờm chờm

46 Cao ốc nổi tiếng của New York

trong yên tĩnh lễ Sabbath⁴⁷ -

Ôi các cha, sao mà con đơn độc giữa hoang dại

mệnh mông nhân thế

Những ngôi nhà chồng chất như đống ong ngoài

sàn đá của thế giới -

thành phố quá rộng để nhận biết, quá

hằng hà sa số cửa sổ để cai trị

từ những sảnh đường xưa cũ -

“Ôi toà nhà lớn của khí đốt! “ - những tia Mặt Trời

chiếu xuống chớp xọc

của cao ốc cao nhất một ánh sáng đỏ

nhấp nháy những chiếc xe bus rít & chạy tít

kin kít, những ánh đèn xanh lục

của các cây cầu phía bắc,

ì ầm gầm gào & Tarzan⁴⁸

ré, huyết

xuýt, hura!

Có ai chết trong cả toà nhà đá này?

Đứa bé chòi đầu đen ra ngoài tử cung

giống như con người của mắt?

Tôi không hít thở được ở đây vì hãi hùng

và kinh ngạc -?

47 Ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Chúa theo đạo Do Thái (ngày thứ bảy trong tuần)

48 Nhân vật của truyện tranh và điện ảnh Mỹ, lớn lên trong rừng nhiệt đới, hoang dã và mạnh mẽ.

Tìm đâu an ủi, tìm đâu dịu lòng,
Tìm đâu những giọt nước mắt vui?
Tìm đâu bè bạn? trong
những mái nhà bí ẩn Thị trấn Stuyvesant?⁴⁹
phía sau bức tường có cửa sổ màu vàng?
Tôi thất bại, cuốn sách thất bại - mệt mỏi,
sợ hãi - dẫu tôi đang sống
và chăm chăm nhìn xuống - Không!
ngó vẻ đẹp đen như mực của những mái nhà.

18 - 4 - 1964
Hoàng Hưng dịch

49 Khu nhà cho người thu nhập trung bình xây theo dự án nhà ở, phía đông Manhattan, TP New York.

PORTLAND COLOSEUM⁵⁰

Một chiếc piano màu hạt dẻ trong ánh đèn
chiếu trắng kim cương

Phòng nghe nhạc thủy quái
thanh sắt chống tường bọc lưới
organ điện lơ lửng, tiếng hát
dàn trống đen

Tiếng động duy nhất những tiếng huýt
phát ra từ thanh quản mười
ngàn trẻ em cùng hát
xuyên thủng tai
và chảy trào lên bụng
lúc hạnh phúc tuôn tràn

Xuất hiện, bốn chàng trai nước Anh
áo jacket màu hạt dẻ tóc kiểu chúa

Ringo chàng Điên đập vào những chiếc trống
sáng trắng ngời

George im lặng tóc tía kiên nhẫn
Tâm hồn ngựa

Chàng Paul nhỏ con cái sọ đen
cây guitar mỏng manh dí dỏm

50 tên một nhà hát lớn ở Portland, Oregon, Mỹ, nơi người ta tổ chức nhiều buổi trình diễn ca nhạc có tâm cỡ.

Lennon Đội trưởng, miệng treo
 một nụ cười mỉm tam giác
cả bọn cùng tung nhảy để Chấm dứt
 một bài hát tưởng niệm khóc thương
xưa đã tới hai năm.

Hàng triệu trẻ em
hàng ngàn con người
nhảy dựng trên chỗ ngồi của mình, hích
 vào sườn nhau, chân
 chen lấn kích động

Hết thêm nữa & tay vỗ vào nhau
 trở thành một Con Thú duy nhất
trong Phòng nghe nhạc Tân Thế giới
– những bàn tay vẫy như vô vàn
những con rắn tư tưởng
hét to hơn cả tai nghe

trong khi một hàng cảnh sát
 tay khoanh tròn

Dàn lính gác cản cơn say ngất
 đỏ màu áo len
 dâng cao đến tận
 mái lưới sắt.

27 tháng Tám, 1965
Hoàng Ngọc Biên dịch

CARMEL VALLEY⁵¹

Đôi cỏ vàng,

dãy núi nhỏ bầu trời xanh

hồ chứa nước chói chang dưới thấp con đường nhỏ xe cộ

Cây vườn cánh lá xanh gió thổi dài

lên cao, xuống thấp –

Phật, Chúa, những Khuynh hướng

tách đôi –

Những tia nắng trắng chọc thủng đôi kính của ta –

cánh tay vỏ cây màu xám của loài thú,

da khô tróc vảy,

những ngón tay vườn cành chia tới, nhánh con run rẩy

những mặt giữa xanh đông đưa,

búp cành nhiều mắt –

Không ai sẽ phải loan báo Thời đại Mới

⁵¹ Carmel Valley, California, là nơi năm 1965 ca sĩ Joan Baez đã cùng với bà Ira Sanderl, một học giả Ấn độ, chuyên gia về Gandhi, thành lập Viện Nghiên cứu về Bất bạo động / *Institute for the Study of Nonviolence*

Không tên gọi đặc biệt, không cách thế Một chiều,
không người rao tin Phương pháp cũng chẳng
có Sứ giả Rắn độc Vô danh,

Không vị Cứu tinh cần thiết mà chỉ là Tổ quốc chính chúng ta,
năm mươi năm tuổi –

Đức Allah cây này, Vĩnh cửu Thời đại Không gian kia!

Những thanh thiếu niên đang dạo chơi ở Times Sq. hãy ngược nhìn
những hành tinh xanh qua đỉnh các tòa nhà
néon sắt thép,

Những ông lão nằm dài trên cỏ buổi chiều
cây Hồ đào già cắm trên mặt da xanh của núi rừng
những con kiến bò trên trang giấy, không nhìn thấy được
sâu bọ ca hát, chim
lượn vòng,

Con Người sẽ thư giãn trên một ngọn đồi nhớ tới cây cối bè bạn.

*Tháng 11. 65 - Ở nhà Joan Baez
Hoàng Ngọc Biên dịch*

WICHITA XOÁY LỐC KINH

(trích)

II

Đổi mặt Quốc gia⁵²

Qua những đồi đất Hickman nhấp nhô
mùa đông băng giá
bầu trời xám hàng cây trụi lá ven đường

Về Nam hướng Wichita⁵³

lọt vào giữa thế hệ Pepsi những bảng quảng cáo trên đường

Nghị sĩ Cộng Hoà Aiken⁵⁴ trên radio 60.000
quân Bắc Việt thâm nhập nhưng có hơn 250.000
người Nam Việt Nam vũ trang

Kẻ thù của chúng ta -

Không phải Hà Nội là kẻ thù của chúng ta

52 Tên một chương trình phỏng vấn của đài truyền hình CBS

53 Thành phố lớn nhất của bang Kansas (miền Trung Hoa Kỳ)

54 George D. Aiken, thượng nghị sĩ bang Vermont, thường được coi là có tư tưởng "cộng sản"

Không phải Trung Hoa là kẻ thù của chúng ta
Mà Việt Cộng!

McNamara⁵⁵ đã “đoán trật”

“Đoán trật?” Các phóng viên đồng thanh

Phải, một lời Đoán Trật không hơn, vào năm 1962

“8000 Quân Mỹ nằm chắc

Tình thế”

Đoán Trật

vào năm 1954, 80%

người Việt Nam chắc sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh

Ike⁵⁶ viết nhiều năm sau Ủy nhiệm cho sự thay đổi

Một lời đoán trật trong Ngũ Giác Đài

Và phe Điều Hâu cứ đoán hoài

Hãy ném bom 200.000.000 dân Trung Hoa

Stennis⁵⁷ la lên từ bang Mississippi

Tôi cho rằng, ba tuần lễ trước

Holmes Alexander trên tờ Albuquerque Journal

nhà báo tỉnh lẻ

nói tôi cho rằng ta bắt đầu làm việc ấy Lúc Này thì tốt hơn,

cái máy chữ của anh ta lách cách trong văn phòng cũ kỹ

một con phố nhỏ dưới chân Núi Sandia?

Cách Trung Hoa nửa vòng thế giới

55 Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lúc ấy

56 Tên gọi thân mật của cựu Tổng thống Mỹ Dwight D. Eisenhower. “Ủy nhiệm cho sự thay đổi” là cuốn sách ông viết xuất bản năm 1963

57 John C. Stennis, thượng nghị sĩ “điều hâu”, bang Mississippi

Johnson⁵⁸ nghe lời khuyên xằng bậy Nghị sĩ Aiken hát
cho các nhà báo trên radio

Ông Tướng đoán rằng họ sẽ ngừng thâm nhập miền Nam
nếu ném bom miền Bắc -

Vì vậy tôi đoán rằng họ đã ném bom!

Những cậu trai Đồng Dương da xanh mét tập hợp qua rừng rậm
con số gia tăng

đi tới hiện trường của KHỦNG KHIẾP!

Trong khi Kho Thóc của Chủ Trang Trại có nóc hình tam giác
ngồi bình thản bên đường cái

dọc đường tàu hoả

Điều Hâu Mỹ đập cánh trên bầu trời châu Á

những trực thăng giá triệu đô

Những lính thủy đánh bộ trị giá một tỷ đô

những kẻ mê *Aunt Betty*⁵⁹

Bị lôi ra từ những bờ sông bờ biển và nông trại, run lẩy bẩy
từ những trường trung học đến con tàu há mồm đang cập bờ,
thối phù phù qua hai má vì sợ hãi
trong tiết mục Đời sống trên Truyền hình.

Ăn nói kiểu này trên radio

Ăn nói kiểu này theo giọng truyền hình

Dùng những từ

giọng điệu, giọng điệu:

“Đoán trật”

58 Tổng thống Mỹ lúc ấy

59 Bàng quang cáo bánh mì trên xa lộ

Ăn nói kiểu này trên những hàng tít lớn

Báo Ohama⁶⁰ World Herald - Rusk⁶¹ nói Sự Ác liệt
Thiết yếu cho Hoà bình

Ăn nói kiểu này

Báo Lincoln⁶² Nebraska Morning Star –

Chiến tranh Việt Nam đem lại phồn vinh

Ăn nói kiểu này

Tuyên bố Mc Namara ngôn ngữ hùng biện

Quả quyết Maxwell Taylor

Tướng, Cố vấn Toà Bạch ốc

Tổn thất của Việt Cộng lên đến ba năm không không mỗi tháng

Tuyên bố trên trang bìa tháng 2/1966

Ở đây Nebraska cũng như ở Kansas cũng được biết như thế ở Sài Gòn

ở Bắc Kinh, ở Mạc Tư Khoa, cũng được biết như thế

trong bọn trẻ ở Liverpool ba năm không không

lời dẫn mới nhất trong thị trường thịt người –

Cha ơi con không thể nói dối!

14/2/1966

Hoàng Hưng dịch

60 Thành phố lớn nhất của bang Nebraska (bang ở vùng trung tâm Hoa Kỳ)

61 Dean Rusk, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ lúc ấy

62 Thành phố thủ phủ bang Nebraska

MỘT CHÚT MILAREPA⁶³

Ta là ai? Nước bọt,
Xúp rau,
miệng trống không?

Mẫu cần sa nóng, hít khói
hút vào, giữ hơi, thở ra -
nhẹ như tro

Hoàng Hưng dịch

63 Tu sĩ truyền kỳ của Phật giáo Tây Tạng, tu luyện nhiều năm trong hang đá trên núi Himalaya, tác giả hàng ngàn bài Đạo ca (1040-1123)

HUM BOM!⁶⁴

I

Bom ai?
Ta bom họ!
Bom ai?
Ta bom họ!
Bom ai?
Ta bom họ!
Bom ai?
Ta bom họ!

Bom ai?
Mi bom mi đó!
Bom ai?
Mi bom mi đó?
Bom ai?
Mi bom mi đó!
Bom ai?
Mi bom mi đó!

64 Nhại hai âm Hum và Om trong câu thần chú Phật giáo *Om Mani Padmi Hum*

Ta làm gì đó?
Ta bom ai đó?
Ta làm gì đó?
Ta bom ai đó?
Ta làm gì đó?
Ta bom ai đó?
Ta làm gì đó?
Ta bom ai đó?

Ta làm gì đó?
Mi bom! Mi bom họ!
Ta làm gì đó?
Mi bom! Mi bom họ!
Ta làm gì đó?
Ta bom! Ta bom họ!
Ta làm gì đó?
Ta bom! Ta bom họ!

Bom ai?
Ta bom mi đó!
Bom ai?
Ta bom mi đó!
Bom ai?
Mi bom mi đó!
Bom ai?
Mi bom mi đó!

Tháng 5/1971

II

Sao lại bom?
Bom ta không muốn!
Sao lại bom?
Bom ta không muốn!
Sao lại bom?
Bom ta không muốn!

Ai nói bom?
Ai nói mình phải bom?
Ai nói bom?
Ai nói mình phải bom?
Ai nói bom?
Ai nói mình phải bom?
Ai nói bom?
Ai nói mình phải bom?

Ta không bom!
Ta không bom!
Ta không bom!

Ta không bom!

Ta không bom!

Ta không bom!

Ta không bom!

Ta không bom!

Cho Don Cherry và Elvin Jones

New York 16/6/1984

Hoàng Hưng dịch

NGHĨ LÚC NGỒI THỜ⁶⁵

OM – sự kiêu hãnh của đồng tiền thơm phức, đồ ăn có tiếng nhạc từ Trung

Hoa, một chỗ để ngồi yên tĩnh

MA – Ghen tức làm sao! triệu tên lâu la Ngũ Giác Đài với hàng tỷ đô
xài cho nhạc Rock&Roll, những chiếc ngai cao của nhà hàng trên
bầu trời đầy chật Oanh Tạc Cơ Chạy Điện - A! chúng ghen
tức

làm sao với cậu trai bụng lép Việt Nam

NI – lòng thèm thương cậu học trò có con cặc hồng mềm mại phòng
ngủ trên lầu trăn trướng đọc sách, phòng tắm vòi sen trường trung học, nằm
dài

trên giường, lỗ đít chàng trai chơi ghi-ta

PA - Sự thiếu nhạy cảm, mèoe kêu những từ thiên nhiên bên cửa sổ, chó sữa ban mai vui nhộn, cặp râu con gián sờ tường, ruồi vo ve dài dài bậu cửa sổ đầy nắng, nằm lộn ngược đầu hết hơi bài kinh cầu chết người, gã đàn ông khom mình trên những cuốn sách quên

65 OM MANI PADMI HUM (Xin chào ngọc báu trong bông sen): câu niệm chú Tây Tạng, mỗi âm tiết thâm nhập vào một cõi tương ứng trong sáu cõi vẽ trên bức Mạn-đà-la Bánh xe Thời gian: Cõi Trời, Cõi Người, Cõi Ngạ quỷ (quỷ đói), Cõi Địa ngục, Cõi Súc sinh, Cõi Chiến binh giận dữ, là những trạng thái ảo giác phù du của ý thức, tất cả quay quanh trục tâm, thân, si. Bài thơ thăm dò vòng quay ấy ba lần. (Chú thích của Allen Ginsberg)

đời, những lộc non hình trái tim đậm ngọn khi băng tan đêm
Giao thừa, mầm cỏ xanh khoe mình dưới lớp tuyết tan, những
tiếng thét bật ra từ hàng ngàn cái miệng ở Hà Nội –

DMI - cảnh nghèo khổ cô đơn, cặp chân gầy kẻ bợm nhậu đụng xe, cho tôi
xin thêm một liều thuốc, tôi không một xu mua cà phê uống,
không một đồng ru-pi mua gạo không có đất cày tôi đói tận trong
tế bào bụng tôi trưởng vì khoai hai đầu gối tôi bị xe tăng nghiền đứt –

HUM – những con lợn trong đầu toàn đá, C.I.A có cái lưới của tâm địa chột
mắt đầm máu, bọn ác ôn bán chiếc máy hát chiếc tivi của tôi cho
đồng nát, Cầm ghét con chó ỉa thảm của tôi, cầm ghét Thiên đường
VC, cầm ghét chúng lũ hippy trong Địa ngục thối tha thành phố cần
sa sương trộn khói

OM – Cho đi tuốt luốt, diễm phúc thi ca & tiền mặt sẵn sàng trả taxi, hãy
đi bộ một mình Central Park⁶⁶ & nấu nồi đậu trong lặng im
trống rỗng nhìn xem Con Sâu bò qua những bức tường thịt –

MA - ngồi chéo chân thư giãn, đột chiếm Thiên đường với súng tâm tưởng?
Thôi đi để yên các Thiên thần chơi ghi-ta ở Hollywood uống
bột-hít-Coca trong yên bình phòng tắm trên núi cao –

NI - Nhẹ trư tro, tình yêu Neal siêu thăng vào Thơ, tình yêu Peter đi
vào vườn Rau trồng cà chua & bắp –

PA – Chó sủa! hãy kêu gọi các vị thần tâm tưởng! hãy hét lên diễm phúc
ở Sài Gòn phía sau quán rượu mẹ ta đau đớn vì Cảnh sát ói ra bã
nhỏ! rác rưởi ấy liệu ta có thể ném vào sóng Đại Tây Dương trên
năm mộ thiêng Cha Mắt Cá –

66 Công viên Trung tâm, New York

DMI – Ta tha thứ mi Cord Meyer⁶⁷ cớm chìm tư tưởng hối lộ Hội nghị Sinh viên về Tự do Văn hoá & phá hủy Tri tuệ ở các Đại học Columbia Havard biến Cuộc Chiến Đông Dương giết người vĩ đại thành tâm hồn New York lòng dạ ôm bom ngông cuồng của chúng ta –

HUM - Những nạn nhân khốn khổ những con dao sáng loé, Những Thiên thần Địa ngục⁶⁸ Manson⁶⁹ Nixon⁷⁰ Calley-Ma⁷¹, tất cả lũ cớm trên đời và bọn người tình găng-xtơ của chúng, bọn rao bán xe hơi bọn môi giới chứng khoán bốc khói điên cuồng vì teo nguồn dầu hoả, Ôi những con xì ke ốm yếu tội nghiệp tất cả ở đây diễm phúc vì Đức Phật đà-nha phiến, Sự Trống Không Thiêng liêng để định những cái tâm giận dữ của các người –

OM – Vương miện của Trống Không, hãy thư giãn cái sọ dẹt bằng những tư tưởng chính qui, hãy để ánh sáng thoát lên Thiên đường, bay lên từ tim qua sọ, hãy giải phóng không gian cho Diễm phúc Vô duyên cớ -

MA - Lời nói được thanh tẩy, những thế giới lắng xuống khỏi sự xa hoa của ma men & ma túy kích thích, cuộc đổ xô ghen tuông chó chết qua những thành phố taxi, bệnh ung thư tinh thần chiến tranh con lợn máy móc phát sốt –
Trái tim qua cổ họng, hãy giải phóng không gian cho Diễm phúc Vô duyên cớ!

67 Quan chức cao cấp C.I.A. (1920-2001) chỉ huy chương trình tạo dư luận trí thức thế giới, Ủy ban Tự do Văn hoá những năm 1950 – 1960.

68 Hell's Angels: băng đảng tội ác chuyên đi mô tô ở vùng Vịnh San Francisco thập niên 1969

69 Charles Manson, tên sát nhân khét tiếng bị bắt năm 1969

70 Tổng thống Mỹ thời kỳ ấy

71 Trung úy Williams Calley, kẻ chủ mưu vụ thảm sát Mỹ Lai (ở Mỹ lúc đầu gọi nhầm là Ma Lai)

NI - Rộng làm sao, trống rỗng sáng láng làm sao và cổ xưa biết mấy, hơi thở trong lồng ngực nở gấp ba lần, dấu hiệu của sự không kiểm chế, dấu hiệu tình yêu giải thoát, sự nghỉ ngơi và yên bình của thanh thân yêu thương, từ Trái tim đến Trái tim – hãy giải phóng không gian cho Diễm phúc Vô duyên cớ!

PA - Những cái bụng của bày chó kêu lên sung sướng trong tuyết trắng, những con sâu chia phần nặng nề nhất của tâm trí, những con voi chở các Thiên thần có vòi súc vật thối từ rốn sâu dưới bụng vào tim – hãy giải phóng không gian cho Diễm phúc Vô duyên cớ!

HUM –Ta ỉa lòng căm ghét của ta ra khỏi lỗ đít, cơ vòng nói lỏng chân không, và các binh đoàn địa ngục rơi qua không gian, Ngũ Giác Đài bị tiêu hủy

Các đạo quân Hoa Kỳ hành binh qua quá khứ

Các binh đoàn Trung Hoa cuồng nộ

Vượt qua Trường thành Ảo cảnh

Và thét lên trên sân khấu trung tâm

Ta tháo ruột rà ta ở châu Á

Ta di chuyển USA

Ta ỉa lên Thường trí

Và quét đi mọi thế giới

Toà Bạch Ốc chứa đầy bom gas

Những khu nhà ổ chuột đầy cứt chuột & những chiếc răng

Tất cả Không gian được trao trước cho Trống Không –

Từ đất đến trái tim, hãy giải phóng không gian

cho Diễm phúc Vô duyên cớ!

Tháng Giêng 1973

Hoàng Hưng dịch

BÀI TẬP Ở NHÀ

*Tôn vinh Kenneth Koch*⁷²

Nếu tôi giặt giũ quần áo thì tôi sẽ rửa xứ Iran bẩn thỉu

Tôi sẽ ném Hợp Chúng Quốc của tôi vào bể giặt, dội xà phòng nước hiệu

Ivory⁷³ vào đó, chà sạch châu Phi, mang hết chim chóc và voi về
lại rừng,

Tôi sẽ rửa sông Amazon và làm sạch vùng Carib với Vịnh Mexico đầy dầu,

Cọ hết khói Bắc Cực, quét đi những ống dẫn dầu ở Alaska,

Cọ đầm lầy Rocky Flats và Los Alamos⁷⁴, thổi bay chất Cesium lỏng lánh
khỏi Love Canal⁷⁵

Xúc sạch Mưa Axít trên Điện Parthenon⁷⁶ và tượng Sphinx⁷⁷, tháo

bùn khỏi lưu vực Địa Trung Hải làm cho nó xanh trong trở lại,

72 Nhà thơ Mỹ (sinh 1925), một gương mặt trung tâm của Trường Thơ New York

73 Một sản phẩm được quảng cáo là không gây ô nhiễm môi trường

74 Một nhà máy ở Colorado sản xuất nguyên liệu cho bom hạt nhân sau bị đóng cửa vì gây ô nhiễm nguồn nước; một thành phố ở New Mexico là nơi chế tạo bom hạt nhân và khinh khí

75 Một địa điểm bị ô nhiễm vì phế liệu chứa chất phóng xạ Cesium. Tên Love Canal cũng mang nghĩa “Kênh Tình Yêu” trong tiếng Anh.

76 Kiến trúc cổ đại Hy Lạp

77 Tượng cổ đại Ai Cập

Hồ lơ⁷⁸ lại bầu trời sông Rhin, tẩy trắng những đám Mây cho tuyết lại
trắng như tuyết,
Nạo vét các con sông Hudson, Thames và Nectar⁷⁹, tháo hết cặn bẩn
khỏi hồ Erie⁸⁰
Sau đó tôi sẽ ném châu Á to bự vào một thùng chứa để rửa sạch máu
cùng Chất Da Cam,
Trút cả đồng lộn xộn Nga Tàu vào máy vắt, vắt kiệt thứ nước tẩy bá láp của
nhà nước cảnh sát Trung Mỹ con đẻ của Hoa Kỳ,
Và bỏ hành tinh vào máy xay để trong 20 phút hoặc khoảng Thời gian
Vô tận cho đến khi nó trở nên sạch sẽ.

Boulder, 26/4/1980
Hoàng Hưng dịch

78 Giữa thế kỷ XX người ta thường pha một hoá chất có màu xanh lơ (lam) vào quần áo giặt để ngăn cho vài quần áo
khôì vàng

79 Các con sông ở (lần lượt) Mỹ, Anh và Đức

80 Một trong Ngũ Đại Hồ ở Mỹ

ĐỌC BẠCH CƯ DỊ

III

Nằm dài đầu trên gối đau nhức
vẫn đọc thơ về những con lộ đời Đường
Bạch nói gì mà làm ta phải đè ngón tay
lên mắt khóc – có thể là cái tình của ông
với người bạn thơ già, vì ta cũng
có màu muối tiêu trên má và hói đầu
và chàng thi sĩ Nông nghiệp⁸¹ thì tuần này đã vào nhà thương điên
một bức điện báo ta thế, lại thêm một gã quậy
đi vào lịch sử có thể hài cũng có thể bi
Ta sẽ biết khi trở về sau một vòng thế giới.
Ta vẫn đọc với lòng nặng trĩu và đầu đau
bỗng một tiếng kêu ngoài vườn làm ta nhớ
một chú gà đầu đã bị chặt, chạy vòng vòng máu phun
từ cổ xuống đất sân trang trại, khi Ta mười một tuổi,

81 Peter Orlovsky, bạn của tác giả, có thời gian làm nông nghiệp.

hay tiếng kêu vui sướng của một con thỏ - Ta bỏ sách xuống
và lắng nghe tiếng kêu giờ đã chìm
trong tiếng ồn kim loại của xe và còi xe – Đó là một chú chim
lập đi lập lại tiếng hót lạnh lạnh, những âm như sáo thổi bỗng
vỡ ra thành điệu vui áp úng cuối cùng là
tiếng rung biến đổi liên tiếp chuyển từ cao xuống thấp
từ thấp lên cao. Ít nhất thì đó không phải là ta, không phải khúc hát của ta,
một âm thanh ngoài tâm trí ta, chẳng dính gì đến cái đau nhức của ta.

3:30 chiều

Hoàng Hưng dịch

NGÃU HỨNG BẮC KINH⁸²

Tôi viết thơ bởi vì cái từ “cảm hứng” trong tiếng Anh đến từ tiếng Latin *Spiritus*, hơi thở, và tôi muốn hít thở tự do.

Tôi viết thơ bởi vì Walt Whitman đã cho phép thế giới nói lên một cách bộc trực.

Tôi viết thơ bởi vì Walt Whitman đã khai mở dòng thơ của thơ cho hơi thở thông suốt.

Tôi viết thơ bởi vì Ezra Pound đã nhìn thấy tháp ngà, đã đánh cá con ngựa thua, đã cho phép các nhà thơ viết bằng thổ âm khẩu ngữ.

Tôi viết thơ bởi vì Pound đã khuyên các nhà thơ trẻ phương Tây quan sát lối thơ họa Trung Hoa.

Tôi viết thơ bởi vì W. C. Williams sống ở Rutherford đã viết cái câu kiểu New Jerseyesque “Tao móc mắt mày” để xem nhịp điệu ra sao theo thể iambic năm chân?

Tôi viết thơ bởi vì cha tôi là một nhà thơ, mẹ tôi gốc ở nước Nga cộng sản bị chết ở nhà thương điên.

Tôi viết thơ bởi vì anh bạn trẻ Gary Snyder của tôi ngồi nhìn những ý nghĩ của mình

82 Bài phát biểu ứng khẩu của A. Ginsberg tại hội nghị của Hội Nhà văn Trung Quốc và Viện hàn lâm nghệ thuật và văn học Mỹ về đề tài “Những gốc rễ của cảm hứng”, Bắc Kinh 21.10.1984. Văn bản được ghi lại từ băng ghi âm.

như một phần của thế giới hiện tượng bên ngoài y hội nghị bàn tròn 1984.

Tôi viết thơ bởi vì tôi đau khổ, sinh ra để chết, sỏi thận và huyết áp cao, ai ai cũng đều đau khổ.

Tôi viết thơ bởi vì tôi đau khổ bởi rồi không biết những người khác nghĩ gì.

Tôi viết thơ bởi vì thơ có thể bộc lộ những ý nghĩ của tôi, chữa trị chứng hoang tưởng của tôi và chứng hoang tưởng của những người khác.

Tôi viết thơ bởi vì tâm trí tôi lan man nghĩ chuyện dục tình khi trầm tư niệm Phật.

Tôi viết thơ để họa hình chính xác tâm trí của riêng tôi.

Tôi viết thơ bởi vì tôi theo Tứ Thệ của Phật giáo: chúng sinh cần được giải thoát trong vũ trụ là vô số, sự tham sân si của riêng mình là vô hạn, cảnh giới mình bị lâm vào là vô lượng, nẻo đường ngộ tâm là vô tận.

Tôi viết thơ bởi vì sáng nay tôi thức dậy run rẩy sợ hãi không biết nói gì đây ở Trung Quốc?

Tôi viết thơ bởi vì các nhà thơ Nga Mayakovsky và Yesenin đã tự sát, còn ai nữa cũng phải nói lên.

Tôi viết thơ bởi vì bởi vì cha tôi đã đọc to lên thơ của nhà thơ Anh Shelley và nhà thơ Mỹ Vachel Lindsay làm thí dụ - cơn gió lớn cuộn đẩy hơi thở cảm hứng.

Tôi viết thơ bởi vì viết những chuyện tình dục là bị kiểm duyệt ở Hoa Kỳ.

Tôi viết thơ bởi vì các nhà triệu phú Đông và Tây cưỡi những chiếc xe limousin Rolls-Royce, còn người nghèo thì kiếm chẳng đủ ăn.

Tôi viết thơ bởi vì các gien của tôi và các nhiễm sắc thể của tôi có tình với các chàng trai trẻ chứ không phải các phụ nữ trẻ.

Tôi viết thơ bởi vì tôi không có trách nhiệm giáo điều ngày này qua ngày khác.

Tôi viết thơ bởi vì tôi muốn được một mình và muốn trò chuyện với mọi người.

Tôi viết thơ để cãi lại Whitman, cãi lại lớp người trẻ hơn chục năm, để trò chuyện với những bà di ông chú hiện vẫn sống cạnh Newark, New Jersey.

Tôi viết thơ bởi vì năm 1939 tôi đã nghe qua radio những bản Blues da đen do Leadbelly và Ma Rainey hát.

Tôi viết thơ cảm hứng từ những bài ca của nhóm Beatles trẻ trung sôi nổi nay đã già đi.

Tôi viết thơ bởi vì Trang tử không biết mình là bướm hay là người, Lão tử nói nước chảy trôi xuôi, Khổng tử dạy kính trọng người trên, tôi muốn kính trọng Whitman.

Tôi viết thơ bởi vì những đàn cừu và gia súc ăn cỏ từ Mông Cổ đến miền Viễn Tây Hoa Kỳ đã xới sạch các đồng cỏ mới và sự xói mòn sinh ra sa mạc.

Tôi viết thơ khi đi đôi giày da thú.

Tôi viết thơ “Ý nghĩ đầu tiên là ý nghĩ hay nhất” luôn luôn là vậy.

Tôi viết thơ bởi vì không có tư tưởng nào là dễ hiểu trừ khi được biểu hiện trong một phút đặc biệt: “Không phải các tư tưởng mà bằng sự vật”.

Tôi viết thơ bởi vì Đạt Ma Tây Tạng nói: “Các sự vật là biểu trưng của chính chúng”.

Tôi viết thơ bởi vì báo chí đang kêu lên về một lỗ đen ở trung tâm thiên hà của chúng

ta, chúng ta thoải mái bàn luận về nó.

Tôi viết thơ bởi vì Thế chiến I, Thế chiến II, bom nguyên tử, và Thế chiến III nếu ai muốn, tôi thì không muốn.

Tôi viết thơ bởi vì bài thơ đầu tiên của tôi “Hú gào” vốn không định đăng đã bị cảnh sát khởi tố.

Tôi viết thơ bởi vì bài thơ dài thứ hai của tôi “Kinh cầu Do Thái” là để tôn kính cõi an nhiên tịch diệt của mẹ tôi trong bệnh viện tâm thần.

Tôi viết thơ bởi vì Hitler đã giết sáu triệu người Do Thái, tôi là người Do Thái.

Tôi viết thơ bởi vì Moskva nói Stalin đã đày 20 triệu người Do Thái và trí thức đến Siberia, 15 triệu người đã không bao giờ trở lại quán cà phê Stray Dog ở St. Petersburg.

Tôi viết thơ bởi vì Walt Whitman nói “Tôi mâu thuẫn với mình ư? Thật tuyệt khi tôi mâu thuẫn với mình (Tôi rộng lớn, tôi chứa đựng vô số)”.

Tôi viết thơ bởi vì tâm trí tôi tự nó mâu thuẫn, phút này đang ở New York, phút sau đã đến dãy Alpes.

Tôi viết thơ bởi vì cái đầu tôi chứa 10.000 ý nghĩ.

Tôi viết thơ bởi vì không tại sao cũng không bởi vì.

Tôi viết thơ bởi vì đó là cách tốt nhất nói ra được mọi điều trong tâm trí trong vòng 6 phút hoặc một đời người.

Phạm Xuân Nguyên dịch

VỀ LỄ HỎA TÁNG CHOGYAM TRUNGPA, VIDHYADHARA⁸³

ta nhìn thấy cỏ, ta nhìn thấy núi đồi, ta nhìn thấy những xa lộ,
ta nhìn thấy con đường đất, ta nhìn thấy những dây xe trong bãi đậu
ta nhìn thấy những người lấy vé vào cổng, ta nhìn thấy tiền mặt và séc & thẻ tín dụng
ta nhìn thấy xe buýt, ta nhìn thấy những người đưa tang, ta nhìn thấy đám con cái họ
mặc đồ màu đỏ
ta nhìn thấy tấm bảng ở cổng vào, nhìn thấy những dây nhà kính tâm, nhìn thấy những
Cờ hiệu xanh & vàng –
nhìn thấy những đạo hữu, những xe tải & xe buýt của họ, những người canh gác mặc
đồng phục kaki,
ta nhìn thấy những đám đông, nhìn thấy bầu trời sương phủ, nhìn thấy những nụ cười
lan tỏa & những ánh mắt nhìn trống rỗng –

83 Theo trường phái Tây tạng (Trường Kagyü). Chögyam Trungpa (1939-1987, nhà truyền đạo người Tây tạng Ginsberg và Orlovsky từng gặp ở Ấn độ và về sau xuất thế, trở thành vừa là thầy vừa là đồng môn với nhà thơ, cũng là người đồng sáng lập Viện Phật học Naropa ở Colorado, là nơi có Trường thơ thoát xác mang tên Jack Kerouac - School of Disembodied Poetics) trong cuốn *Folle Sagesse* (Éditions Points Sagesse, Seuil, Paris, 1993 - được coi như một tuyên ngôn của tự do đích thực) phác họa loạn khôn – folle sagesse / crazy wisdom – như là một trạng thái tinh thần tho ngây vô tội giống như một buổi bình minh-thức tỉnh long lanh tươi mát. Nguyên lý của loạn khôn là nội dung cuộc đời của vị sư tổ Padmasambhava người Ấn độ đã đưa Phật giáo vào Tây tạng, được nhận thức như điểm khởi đầu mở ra một chuyến du hành tâm linh phi thường. Nhìn gần góc độ soi sáng ấy, ta thấy việc tu luyện tâm linh không phải nhằm đem lại một câu giải đáp yên ổn cho nỗi đau hay những mơ hồ trong con người của ta; ngược lại, nỗi đau, những cảm xúc của ta, những “lầm lạc” của ta được nhận thức ở đây như bấy nhiêu những phương tiện, những bàn đạp đưa tới một khám phá mới về chính con người của ta. Chữ *loạn khôn* dùng ở đây chắc hẳn vẫn còn là một chọn lựa “khiên cưỡng”.

ta nhìn thấy những chiếc gối màu đỏ & vàng, những gối đệm vuông và tròn –
ta nhìn thấy Cổng Tori⁸⁴, một dòng đệ tử cúi đầu đi qua, những đàn ông và đàn bà
mặc lễ phục –
nhìn thấy đám rước, nhìn thấy kèn túi, trống, tù và, nhìn thấy những mũ miện cao bằng
lụa & những áo thụng màu vàng nghệ, nhìn thấy những bộ áo ba mảnh,
ta nhìn thấy cái kiệu, một cái lọng, cái lẵng⁸⁵ sơn son đầy ngọc quý màu tứ phương –
màu hổ phách cho sự độ lượng, màu lá cây cho những việc nghiệp chuồng, nhìn thấy
màu trắng tượng trưng cho Đức Phật, màu đỏ cho trái tim –
mười ba cõi thế gian trên chóp lẵng, nhìn thấy cái núm chuông và cái lọng, cái đỉnh
chuông rỗng bằng đất sét trắng –
nhìn thấy pháp thân người ta sẽ đưa vào đỉnh chuông –
nhìn thấy những thầy tu tụng niệm, tiếng tù và rên xiết trong tai chúng ta, khói bốc
lên từ
đỉnh chuông rỗng –
nhìn thấy những đám đông lặng lẽ, nhìn thấy nhà thơ Chi lê, nhìn thấy Cầu vồng,
ta nhìn thấy vị Trưởng lão đã viên tịch, ta nhìn thấy sư thầy của người ngực để trần
đứng nhìn pháp thân cháy trong lẵng,
nhìn thấy các đệ tử chịu tang ngôi khoanh gối trước những cuốn kinh, tụng những bài
cầu nguyện,
phác những cử chỉ huyền bí, những ngón tay, chuông & ánh đồng lấp lánh trong tay
ta nhìn thấy ngọn lửa phụt lên trên những cờ hiệu & dây cáp & lọng & và những cây sào
sơn màu cam

84 *Tori Gate*: Cổng mái bước vào nơi thờ phượng. Ngày nay, trước các vườn cảnh hoặc công viên người ta cũng xây loại cổng có mái này.

85 Nguyên tác: *Stupa*.

ta nhìn thấy bầu trời, nhìn thấy mặt trời, một hình cầu vồng quanh mặt trời,
những đám mây đục mù trôi qua Mặt trời –
ta nhìn thấy trái tim chính ta đập, hơi thở đi qua mũi
chân ta bước, mắt nhìn, nhìn thấy khói tỏa trên cái thi thể đồ sộ hỏa thiêu
ta nhìn thấy đường đi xuống đồi, nhìn thấy đám đông di chuyển tới những chiếc
xe buýt
ta nhìn thấy các thức ăn, xà lách rau diếp, ta nhìn thấy Sư thầy không còn nữa,
ta nhìn thấy các bạn bè, nhìn thấy chiếc Volvo màu xanh của chúng ta, một cậu
thanh niên nắm tay ta
chìa khóa cửa phòng nghỉ của ta, nhìn thấy một căn phòng tối hù, nhìn thấy một
giấc mơ
và đã quên, nhìn thấy cam chanh & món cá cavia trong bữa điểm tâm,
ta nhìn thấy xa lộ, buồn ngủ, nghĩ tới những việc ở nhà, đầu vú của chàng thanh
niên
trong gió
khi chiếc xe chạy xuống dốc đồi qua những cánh rừng xanh đến tận bờ nước,
ta nhìn thấy những ngôi nhà, những ban công ngó ra một chân trời mờ sương, bờ
biển
& đá tảng bị thời gian ăn mòn trên cát
ta nhận ra biển, ta nhận ra tiếng nhạc, và ta muốn nhảy múa.

28 tháng Năm, 1987, 2:30 sáng – 3:15 sáng
Hoàng Ngọc Biên dịch

BIG EATS⁸⁶

Vô lượng những giao kèo tivi thịt thị trường chứng khoán tít lớn nhật báo,
đời sống ái tình Đại đô thị

Trôi qua không khí như các hình thái tư tưởng trôi qua sọ não, đánh
dấu những tít lớn, chộp lấy thẳng khờ ngây thơ đang dạo bước.

Trước khi ngã xuống giường máu đường huyết áp cao hạ bớt, hạ bớt,
hai môi lạnh đi.

Sớm muộn cũng buông trôi yêu ghét khinh khi, đi dạo công viên

Nhìn trời, ngồi trên gối, đếm sao trong óc, trỗi dậy và ăn.

20-8-1991
Hoàng Hưng dịch

86 Tên cuộc thi ăn trên truyền hình, có thể dịch là “Thi ăn to”. Trong lần đầu xuất hiện, xuất bản năm 1995 trong cuốn “Big Sky Mind: Buddhism and the Beat Generation” (Đại Thiên Tri: Phật giáo và thế hệ Beat), bài này có tựa đề: “Từ Samsara (Luân hồi) đến Dharmakaya (Phật tính, Chân tính)”

CÓ KỂ ĐÁNH CẤP BÀI THƠ NÀY

Ngày nay người ta ăn cắp mọi thứ
Người ta ăn cắp bóp ví của bạn, đồng hồ của bạn
Đập bể cửa xe bạn ăn cắp hộp radio xe
Đập bể cửa nhà bạn, cuôm cái Sony Hi 8 cái CD VCR Olympus XA
Người ta ăn cắp cuộc đời bạn, tóm bạn ngoài đường & cướp mất
cái đầu bạn
Ăn cắp đôi giày bố của bạn trong nhà vệ sinh
Cướp người yêu, trấn lột bạn trai hiệp dâm bà nội bạn
trên xe điện hãm
Bọn nghiện cướp tìm bạn để mua thuốc chữa, trên radio chúng
cướp cả kẻ hờ chút tin cậy bạn có
Bọn ghien & bọn đen cướp sự an nhàn, yên ổn tinh thần của bạn
khi bạn vác gói áo quần đi tới tiệm giặt trên đường A
chúng ăn cắp cả hồn bạn, bạn phải coi chừng
Mấy thằng Porto Rico ăn cắp màu da trắng trên mặt bạn
Bọn anglo xác xông trắng thì cướp hành tinh của bạn cho những
cam kết giẻ rách, bọn Do thái cướp anh Bố bự của bạn và bỏ lại lão Thượng đế dơ
bẩn trên giường bạn
Bọn Ả rập cướp củ dương của bạn & bạn thì cướp dầu lửa của chúng
Ai nấy người này cướp người kia, thì giờ sex đồng hồ đeo tay tiền bạc
Chúng cướp giấc ngủ 6 giờ sáng của bạn. Nào xe rác nào máy nghe
nhạc âm i nào còi báo động nào bom H thi nhau rống inh ỏi
cướp trọn vũ trụ của bạn.

*19 tháng 12, 1991, 8:15 sáng.
Hoàng Ngọc Biên dịch*

BÂY GIỜ VÀ MÃI MÃI

Ta sẽ lo ổn định với sự Bất tử -

Không phải qua thân xác

Chẳng phải qua đôi mắt

Những ngọn núi cao lấp lánh sao

trắng tàn trên những đỉnh Aspen

Mà là qua những chữ viết, qua hơi thở

của những câu dài

những mối tình ta có, trái tim mãi mãi

còn đập,

hứng khởi liên tục, thở ra

những nhịp điệu mền yêu

Kiểu bất tử ấy còn sống sót ở Mỹ,

sống sau khi các Tiểu bang sụp đổ

Ngày Thượng lộ của thân xác ta,

bụi cam miện

Những vần thơ này gieo truyền đam mê

Đam mê hoàn thành

Bây giờ và mãi mãi những cậu bé có thể đọc

các cô có thể mơ, lão ông được khóc

Lão bà có thể thở dài

tuổi trẻ vẫn sẽ đến.

19 tháng Bảy 1992

Aspen

Hoàng Ngọc Biên dịch

CHÚC MAY MẮN

Ta thật may mắn có năm ngón trên bàn tay phải

May mắn đi đái chỉ đau chút xíu

May mắn còn đi ỉa được

May mắn, ngủ đêm trên một chiếc giường cây, ngủ giữa trưa

May mắn thả bộ xuống First Avenue

May mắn kiếm được hai trăm ngàn một năm

hát Eli Eli⁸⁷, nghĩ gì viết nấy, nguyệt ngoạc những nét vẽ nguyên thủy,
dạy học trường Phật giáo, bấm máy Leica chụp hình trạm xe buýt
qua cửa sổ cầu mắt của ta

Nghe những hồi còi xe cấp cứu, ngửi mùi tỏi & gỉ sét, nếm hồng vàng &
cá bơn, bước đi trên sàn tầng gác mái lòng bàn chân hơi bị tê

May mắn ta còn biết nghi, và tuyết có thể rơi

8 tháng Giêng, 1997
Hoàng Ngọc Biên dịch

87 Chúa tôi, Chúa tôi

MỘT TRỜI CHỮ

Mặt trời lên chói mắt
Còi hụ đội xé trời
Còi taxi đội đường phố
Còi xe hồng kêu be be be

Trời phủ đầy chữ
Ngày phủ đầy chữ
Đêm phủ đầy chữ
Thuởng để phủ đầy chữ

Ý thức phủ đầy chữ
Trí tuệ phủ đầy chữ
Sống & Chết là chữ
Chữ phủ đầy chữ

Những người yêu phủ đầy chữ
Bọn sát nhân phủ đầy chữ
Bọn gián điệp phủ đầy chữ
Nhà nước phủ đầy chữ

Hoi độc cháy phủ đầy chữ
Bom khinh khí phủ đầy chữ
“Bản tin” thế giới là chữ
Chiến tranh phủ đầy chữ

Lính kín phủ đầy chữ
Chết đói phủ đầy chữ
Xương Mẹ phủ đầy chữ
Xương Con phủ đầy chữ

Quân đội phủ đầy chữ
Tiền bạc phủ đầy chữ
Bọn Giàu phủ đầy chữ
Lũ Nghèo phủ đầy chữ

Ghế điện phủ đầy chữ
Đám đông hò hét phủ đầy chữ
Bạo chúa phát thanh phủ đầy chữ
Địa ngục truyền hình phủ đầy chữ

23 tháng Ba, 1997, 5 giờ sáng
Hoàng Ngọc Biên dịch

MO⁸⁸

Có một chỗ sưng u bên hông phải ta, giấc mơ mới đây – ngay bấy giờ ta hiểu ra ta mang bầu, một bé lớn nguyên con chun ra từ cái bụng bên phải ta trong khi ta nằm bệnh viện với chứng viêm gan hiểm nghèo loại C.

Ta nằm đấy một lúc, tự hỏi mình phải làm gì, nửa biết ơn, nửa lo lắng. Nó sẽ cần có sữa, nó sẽ cần tập luyện, cần được đưa ra ngoài không khí tươi mát trên xe đẩy cho trẻ sơ sinh.

Peter ở đấy đang động lòng, hẳn sẽ giúp ta, cúi xuống giường ta, hôn ta, hạnh phúc có được đứa bé để chăm sóc. Hẳn biết bao trắc ẩn. Ta yên tâm cảm thấy phép lạ nằm trong hai bàn tay đáng tin cậy của Peter – nhưng chà sẽ ra sao đây nếu hẳn lại bắt đầu uống rượu trở lại? Không đâu rượu vào sẽ giúp hẳn đứng vững. Chăm sóc một đứa bé cách nào đây, ta sẽ làm được gì?

Lo lắng & thỏa mãn vì chuyện đã là chuyện thật ta từ từ tỉnh dậy, hãy còn nghi chẳng hiểu có phải đã xảy ra như thế chẳng, ý thức chậm rãi trở về lúc 2:29 phút sáng sớm ta tỉnh dậy hẳn và chẳng có bé con huyền bí nào – xuất hiện tự nhiên, biến mất liền thì –

Một thoáng hạnh phúc mơ hồ buổi sáng hôm sau, thoáng thích thú ấm lòng cả nửa ngày.

27 tháng 3, 1997, 4 giờ sáng
Hoàng Ngọc Biên dịch

88 *Dreams* là một trong những bài thơ cuối cùng của Ginsberg. Nhà thơ được chẩn đoán viêm gan loại C trước đó mấy tháng. Peter hẳn phải là nhà thơ

THIỆN QUẢN VÀ THI PHÁP

(Trích đoạn văn bản ghi lại một bài diễn giảng của Ginsberg ở Vienna năm 1994)

Điều mà tôi khởi sự bây giờ là mô tả “con đường từng bước dẫn tới Thi sơn” bằng cách sử dụng những khẩu hiệu theo kiểu Mao hay hình thức Tây Tạng. Tư tưởng phương Đông được dạy bằng những khẩu hiệu có vẻ như móc xích từ cái này tới cái kia một cách hợp luận lý, dẫn tới kết thúc là lòng trắc ẩn, đó là kết quả tối hậu của việc ngồi lại với bản thân, chịu đựng cái thực tế là mình đang tồn tại trong một thân xác, biết rằng mình sẽ chết và ai ai cũng vậy, rằng gan ruột mình đang cuộn réo, chân mình đau, xương mình nhức và mình đang già đi hoặc đang tiến vào tuổi dậy thì - cái này hay cái nọ.

Tình huống của chúng ta là có cái đầu miên man sản sinh các ý nghĩ, ký ức, dự phóng tương lai, tiên tri.

Vậy thì anh làm việc cách nào với một sự hỗn mang, sự phức tạp hay cái dòng liên tục những ý nghĩ không phân tách, những ý nghĩ khác nhau ấy?

Shakespeare, cũng như Đức Phật, gợi ý rằng điều thú vị mà ta khám phá ra là ý thức không liên tục. Đó không phải là một dòng ý thức liên tục, trong đó, ý nghĩ nọ đi theo ý nghĩ kia. Có một khoảng cách giữa các ý nghĩ và chúng ta thật sự không biết được các ý nghĩ từ đâu tới hoặc chúng liên kết với nhau ra sao.

Trong ý nghĩa đó, có một loại hỗn mang. Trong phút này, chúng ta có thể nghĩ đến xúc xích Đức, phút sau ta có thể nghĩ đến Renaldo và Clara⁸⁹ và phút sau nữa ta có thể nghĩ đến đi tiểu.

89 Phim ca nhạc của Bob Dylan (1958) trong đó ông đóng vai Renaldo và Sara Dylan vợ ông đóng vai Clara (các chú thích đều của ND)

Vậy khi viết, thay vì tìm cách áp đặt ý tưởng Mac-xít hay Công giáo hay Hegel lên các ý nghĩ của bạn, có lẽ bạn có thể chỉ việc bắt lấy những ý nghĩ khi chúng tới và viết chúng ra khi chúng tới theo đúng trật tự chúng tới.

Vậy thì khẩu hiệu đầu tiên là: ý nghĩ đầu tiên là ý nghĩ hay nhất! Đó là lời vị lạt ma Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche⁹⁰, và ông cũng nói trong việc thiền quán: “Hãy có một thái độ thân thiện với ý nghĩ của mình”. Cho dù nó có liên quan đến chuyện ngủ với mẹ mình. Chỉ việc quan sát mà thôi! Anh không phải thực hiện việc ấy, nhưng anh phải quan sát ý nghĩ ấy.

Một vị tổng thống Hoa Kỳ (John Adams) có lần nói: “Đầu óc phải thả lỏng” hơn là cố định hay cứng cố. Cho nên nhà thơ Mỹ Charles Olson⁹¹ nói trong luận văn Thơ Dự phóng (Projective Verse): “Một tri giác phải tức thời và trực tiếp dẫn tới một tri giác xa hơn”. Một ý nghĩ dẫn tới một ý nghĩ khác. Và như Shakespeare bảo: “Mọi ý nghĩ thứ ba sẽ là nắm mồi của tôi”. Shakespeare nhận thức được “ý nghĩ số một, ý nghĩ số hai, ý nghĩ số ba”. Đó là trong một trong những vở kịch cuối cùng của ông, một câu nói của Prospero trong vở Bão biển.

Philip Whalen, một nhà thơ Mỹ, nay là một Thiền sư ở San Francisco, bảo: “Cái tôi viết ra là một bức hình của tâm trí chuyển động”.

Như vậy ta có khái niệm “Trí Bất Ngờ”, bởi vì chúng ta không bao giờ biết được mình sẽ nghĩ gì trong một phút. Cho nên Chogyam Trungpa Rinpoche người sáng lập Viện Naropa⁹² mới nói: “Thần kỳ là sự hoàn toàn tán thưởng cơ duyên”. Thần kỳ là hoàn toàn hân hoan trong ngẫu nhiên, hoàn toàn vui thú trong trí bất ngờ, hoàn toàn tán thưởng cái thực tế là tâm trí biến đổi, rằng một tri giác dẫn tới một tri giác khác, và tự thân nó là một vở kịch lớn của tâm trí. Để sáng tạo một công trình nghệ thuật bạn đâu cần phải đi xa hơn.

90 Đạo sư đầu tiên của Allen Ginsberg về Phật giáo

91 Người tạo lập trường thơ Black Mountain, trong đó có Robert Creeley

92 Viện Nghiên cứu Phật giáo ở Boulder, bang Colorado`

Nhưng rồi lại có vấn đề là tâm trí có thể rất mâu thuẫn. Trong một phút có lẽ bạn muốn ngủ với mẹ bạn, rồi phút kế tiếp, bạn có thể muốn ngủ với anh bạn. Whitman bảo rằng điều đó có thể được phép: “Tôi mâu thuẫn với chính mình ư? Được lắm, thì tôi mâu thuẫn với chính mình. Tôi rộng lớn, tôi chứa đựng vô số thứ” - là bởi ông có một đầu óc dân chủ!

Và John Keats⁹³ cũng nói một điều tương tự trong lá thư gửi cho người em trai, ông dẫn một khái niệm nổi tiếng đối với nhiều nhà thơ Anh: “Năng lực tiêu cực”.

Đang ăn tối với một nhóm các nhà thơ kinh viện chán ngắt, ông bỗng nghĩ: Điều gì khiến cho một người trở thành thiên tài như Shakespeare? Và ông viết: “Phẩm chất gì đã tạo nên một con người thành công, đặc biệt là trong văn chương? ‘Năng lực tiêu cực’. Đó là: Khi một con người có năng lực tồn tại trong những bất định, những bí mật, những hoài nghi, không chút nhúc nhối chạy theo sự thật và lý lẽ”. Không khẳng định đen hay trắng mà có cả hai: Đen và trắng! Hay như nhà thơ Gregory Corso nói: “Nếu anh phải chọn lựa giữa hai thứ, hãy lấy cả hai”.

Vì tâm trí là không liên tục và một ý nghĩ tiếp theo ý nghĩ khác, nếu hình thức bài thơ của bạn đi theo hình thức của tâm trí thì như vậy bạn có một bài thơ “hợp thức”. Một cái gì đó giống như Cantos của Ezra Pound⁹⁴ hay văn xuôi của Kerouac. Một số bài thơ, như Đất Hoang⁹⁵, theo một nghĩa nào đó, là bức tranh xé dán hay tấm thảm dệt của những ý nghĩ khác nhau.

Ý nghĩ này chuyển qua ý nghĩ khác, thế là bạn có một loại hình thức hiện đại. Nhà thơ Robert Creeley nói trong một lá thư gửi Charles Olson: “Hình thức chẳng bao giờ có gì hơn là một sự nối dài của nội dung”. Nếu nội dung hay chủ đề của một bài thơ - nếu cốt truyện hay đề tài của bài thơ - là bản chất của tâm trí và chuyển động

93 Nhà thơ Anh (1795-1821)

94 Tác phẩm lớn nhất của Ezra Pound viết rải rác trong thời gian 1915 - 1962, được coi là có ý nghĩa nhất trong thơ hiện đại chủ nghĩa của Mỹ TK XX

95 Trường ca (1922) của Thomas Sterns Elliot, một tác phẩm quan trọng khác của thơ hiện đại Mỹ

của tâm trí, vậy thì bạn có một địa bàn mở cho thơ, trong đó ý nghĩ nào cũng sẽ theo sau ý nghĩ kia một cách đúng đắn. Một cái gì đó giống như bài nói bột phát hay một cái gì đó giống như tranh xé dán.

Kiến trúc sư Frank Lloyd Wright nói: “Hình thức đi theo công năng”.

Ở đây tôi định nghĩa nội dung và công năng - hay đề tài của một loại thơ và phim ảnh hiện đại - như một tấm gương phản chiếu hoạt động của tâm trí thực sự diễn ra trong thời gian viết. Đó là ý tưởng của Kerouac. Cho nên văn xuôi hay thơ phải chứa đựng tất cả những gì tiếp diễn trong tâm trí người viết trong khoảng thời gian ngòi bút của anh ta chạm vào giấy, cho đến khi nó rời khỏi trang giấy.

Làm sao anh có thể đưa hết những ý nghĩ ấy vào? Phải, anh không thể đưa vào hết mọi thứ. Anh chỉ có thể đưa vào những gì mà anh viết được lên trang giấy. Như vậy tiến trình là tự chọn lọc!

Có thể những ý niệm này quá “phù du” hay tạm bợ, nhưng có một phương châm thú vị trong hai câu thơ của Louis Zukofsky: “Tồn tại vĩnh hằng thì cũng chẳng hơn gì/ trắng như màu trắng đang chết đi của một ngày”. Đó cũng là một kiểu ngạn ngữ Yiddish - ông là một nhà thơ Do Thái: “Tồn tại vĩnh hằng thì cũng chẳng hơn gì/ trắng như màu trắng đang chết đi của một ngày.”

À..., từ quan điểm ấy, các bạn có thể cũng ghi nhận rằng: “Tâm bình thường chứa đựng những tri giác vĩnh hằng.” Những tri giác sống động nhất có thể đến, không phải bằng cách đi tìm tri giác, mà đơn giản bằng cách quan sát tâm trí của chính mình.

Vậy thì tiến trình cho thơ sẽ là “Ghi nhận những gì anh ghi nhận!”, đúng y như anh ghi nhận hơi thở của mình - cực kỳ miễn cảm ghi nhận những gì anh thấy nghe ngửi cảm. Tương đồng với ý ấy có câu nói của người Anh: “Hãy bắt chột chính mình đang nghĩ!” Đó là một câu thành ngữ. Tôi không nghĩ là trong tiếng Đức có một thành ngữ tương đồng, giống như: “Hãy tỉnh giác với tâm trí của mình và bắt chột (hay ghi nhận) bản thân mình đang nghĩ.”

Tiếp theo, đối với nhà thơ: “Hãy quan sát cái gì sống động”. Thế thì nổi lên câu hỏi: “Làm sao ta biết được cái gì sống động?”. Và câu trả lời là: “Nếu nó sống động thì nó sống động. Nếu nó không sống động thì nó không sống động!”... Cho nên khẩu hiệu là: “Sự sống động là tự lựa chọn.” Điều này dễ như húp cháo! Bạn không cần phải làm việc vất vả để tìm cái gì sống động. Nếu nó sống động thì nó ở đấy. Nếu nó không sống động thì dù thế nào bạn cũng sẽ không nhớ.

Cho nên ta có ý niệm của William Wordsworth⁹⁶ “Những đốm thời gian”. Những thời điểm loé sáng hay những thời điểm “Hiển linh”, những thời điểm đáng nhớ và sẽ trở đi trở lại trong ký ức. Và vị lạt ma Tây Tạng Gelek Rinpoche (Thầy tôi hiện nay) có một câu rất lý thú: “Tâm trí tôi mở đối với chính nó”.

Vậy thì không có vấn đề trong việc vét lên vài biểu tượng lớn lao từ vô thức của bạn, tất cả chúng ta đều miên man nghĩ ngợi và nói chuyện với chính mình. (Đặc biệt ban đêm khi chúng ta đi ngủ trong bóng tối. Nằm đấy hai mắt nhắm nghiền trong sương mù đen dày của im lặng. “Mỗi người trên giường nói một mình với chính mình, không gây tiếng động”). Đó là nền tảng.

Hoàng Hưng dịch

96 Nhà thơ Anh (1770-1850)

**VIẾT VỀ THƠ
ALLEN GINSBERG**

William Carlos Williams⁹⁷

HÚ LÊN CHO CARL SOLOMON⁹⁸

Tôi biết Allen Ginsberg khi anh và tôi đều còn trẻ; là con trai của một nhà thơ có tiếng, anh là một nhà thơ trẻ sống ở Paterson, bang New Jersey, anh sinh ra và lớn lên ở đó. Anh có một cơ thể mảnh khảnh và tâm trí bị nhiễu loạn nhiều bởi đời sống mà anh gặp xung quanh mình trong những năm đầu tiên sau Thế chiến 1, cái đời sống như nó bày ra trước mắt anh bên trong và xung quanh thành phố New York. Anh luôn luôn ở trong tình trạng sắp sửa “bỏ ra đi”, đi đâu thì dường như chẳng thành vấn đề; tôi rất lo cho anh, tôi chẳng bao giờ nghĩ anh sẽ sống để trưởng thành và viết ra nổi một cuốn thơ. Khả năng sống sót, đi đây đi đó, và tiếp tục viết lách của anh đã làm tôi ngạc nhiên. Việc anh đã tiếp tục phát triển và hoàn thiện nghệ thuật của mình cũng không kém phần kinh ngạc đối với tôi. Giờ đây sau 15 hay 20 năm, anh xuất hiện với một bài thơ lồi cuồn. Nói theo nghĩa đen, hoàn toàn hiển nhiên là anh đã đi qua suốt địa ngục. Trên đường đi anh gặp một người đàn ông tên là Carl Solomon, anh chia sẻ với người ấy giữa mọi thứ từ A đến Z của cuộc đời này một cái gì đó không thể miêu tả nổi ngoại trừ với những câu chữ mà anh đã sử dụng để miêu tả. Đó là một tiếng hú thất bại. Nhưng lại chẳng hề thất bại, bởi anh đã trải qua hết sự thất bại như thể nó là một trải nghiệm thông thường, một trải nghiệm tầm thường. Ai ai trong cuộc đời này cũng đều thất bại, nhưng một con người, nếu anh ta là một con người, thì không thất bại.

97 Nhà thơ Mỹ (1883-1963), một trong những nhà thơ hiện đại chủ nghĩa quan trọng nhất của Mỹ đầu TK XX, gắn với thuyết Duy hình (Imagism) mà Ezra Pound đề xướng, người dìu dắt Allen Ginsberg trong giai đoạn đầu của đời thơ.

98 Đây là bài giới thiệu ở đầu tập thơ *Hú và những bài thơ khác*, City Lights Book xuất bản năm 1956

Chính nhà thơ Allen Ginsberg đã đi, bằng xác thịt của chính mình, qua những trải nghiệm hãi hùng được miêu tả trong những trang viết này. Điều kỳ diệu trong chuyện này không phải ở chỗ anh đã sống sót mà là, từ dưới vực sâu thăm thẳm, anh đã tìm thấy một người bạn mà anh có thể yêu thương, một tình yêu anh ca tụng mà không hề né tránh trong các bài thơ này. Nói gì thì nói, anh chứng minh cho chúng ta rằng, bất chấp những trải nghiệm đê hèn mà cuộc đời có thể ban cho một con người, tinh thần yêu thương vẫn sống sót để làm cho cuộc sống của chúng ta cao thượng nếu như chúng ta có trí tuệ và can đảm và lòng tin – và nghệ thuật nữa chứ! để kiên gan sống.

Chính lòng tin vào nghệ thuật thơ đã đồng hành với người đàn ông này, từ cái nhà xác này, đi tới ngọn Đồi Sọ⁹⁹ của anh ta, về mọi mặt nó giống như ngọn Đồi Sọ của những người Do Thái trong cuộc chiến vừa qua. Nhưng đây là ở trên chính đất nước chúng ta, ở những chốn thân yêu nhất của chúng ta. Chúng ta thì mù và sống cuộc đời mù của mình trong đui mù. Các nhà thơ bị đầy đoạ nhưng họ không mù, họ nhìn thấy với đôi mắt thiên thần. Nhà thơ này nhìn thấy thấu suốt và bao quát những hãi hùng mà anh tham dự trong những chi tiết rất riêng tư của bài thơ. Anh không tránh né gì hết mà trải nghiệm nó đến cùng. Anh dung chứa nó. Khẳng định nó như là của chính mình - và, ta tin là thế, cười vào mũi nó và dành đủ thời gian với sự ngang nhiên để yêu một người bạn mà mình chọn lựa và ghi lại tình yêu ấy trong một bài thơ tuyệt tác. Hãy tóm chặt lấy váy, hỡi các Quý bà, chúng ta đang đi qua địa ngục đấy!

Hoàng Hưng dịch

99 Nơi Chúa Jesus bị đóng đinh trên cây thập tự

David Perlman

ĐẠI UÝ HANRAHAN ĐÃ LÀM CHO HÚ THÀNH SÁCH BÁN CHẠY NHƯ THẾ NÀO

(Trích tường thuật phiên toà xử tác phẩm *Hú* của Allen Ginsberg trên báo *The Reporter*, tháng 12 năm 1957)

... Việc chuẩn bị cho phiên toà gây nhiều quan tâm trong cả hai giới luật gia và văn chương. Đại úy William Hanrahan, trưởng phòng Thanh thiếu niên của Sở Cảnh sát, thông báo: “Chúng tôi sẽ chờ đợi kết quả của vụ xử này trước khi tiến tới với những cuốn sách khác.” Ông không tiết lộ là ông nghĩ đến những cuốn sách nào, nhưng có thể thấy rõ là ông đã có cả một danh sách. Ông cũng tiết lộ rằng người của ông đã đi một vòng xem xét các giá sách tại các hiệu sách trong thành phố (San Francisco) - mà tỷ lệ trung bình tính trên đầu người vượt xa các thành phố không kể New York.

Khi Đại úy Hanrahan được hỏi ông sử dụng những tiêu chuẩn nào để phán xét một cuốn sách, ông trả lời ngắn gọn nhưng mơ hồ: “Khi tôi nói nó dơ bẩn thì không có nghĩa là nó khêu gợi sự tà dâm, mà ý nói những từ ngữ dơ bẩn rất thô tục.” Ông cũng được hỏi liệu ông có hoạch định cho người đi tịch thu *Kinh Thánh* hay không. Lời phủ nhận của ông thật hăng hái. “Tôi xin nói với các bạn rằng - đại úy nói thêm - điều mà Vua Solomon đã làm với tất cả những người đàn bà ấy sẽ không được khoan dung ở San Francisco!”¹⁰⁰

100 *Kinh Thánh* của đạo Kitô nói vua Solomon của nước Do Thái cổ đại có rất nhiều phi tần (truyền thuyết nói ông có tới 1000 phi tần) (ND)

City Lights Pocket Bookshop (Hiệu sách bỏ túi Đèn Thành phố), nơi người của Đại úy Hanrahan truy quét những ấn phẩm đồi trụy, không phải một nơi bán sách thông thường. Chủ nhân của nó đồng thời cũng là bị cáo chính của vụ án - Lawrence Ferlinghetti - là một nhà thơ, một họa sĩ, và một công dân khôn ngoan, khá giàu có, sống tại một quận trong thành phố San Francisco - quận North Beach (Bãi biển Bắc), một khu đông người Italy ở gần bờ biển, giữa khu Telegraph (Điện tín) và Russian Hills (Đồi Nga). Hiệu sách của Ferlinghetti ở ngay trung tâm của quận...

Hiệu sách của Ferlinghetti không bán sách bìa cứng, mà bày bán tất cả các tạp chí ra hàng quý, tất cả các sách bìa mỏng của những nhà xuất bản quan trọng, nhiều ấn phẩm và tạp chí nước ngoài, và hầu như mọi thứ sách bìa mỏng khác, ngoại trừ loại sách có các cô gái phong nhũ ngoài bìa liếc mắt khiêu dâm trên các giá của hiệu thuốc và bến xe bus... Ferlinghetti cũng là một chủ xuất bản. Với thương hiệu City Lights, nhà xuất bản của ông đã cho ra một xê-ri “Nhà thơ bỏ túi” bán lẻ 75 xu một cuốn. Ba tác phẩm đầu tiên là: *Những bức hình của Thế giới đã ra đi* của chính Ferlinghetti, *Ba mươi bài thơ Tây Ban Nha về tình yêu và biệt xứ* của Rexroth, *Những bài thơ hài hước và phản kháng* của Patchen. Cuốn thứ tư là một cuốn sách 44 trang có tên *Hú và những bài thơ khác* của Allen Ginsberg... Chính bài thơ ấy (*Hú*) đã làm Sở Cảnh sát San Francisco nhảy dựng lên và là bị cáo thực sự trong vụ án “Nhân dân chống lại Ferlinghetti”. Bản thân Ginsberg lúc này đang đi du lịch châu Âu, còn chủ nhân của hiệu sách thì chẳng bao giờ có mặt làm chứng tại tòa...

Phiên tòa được đồng ý xét xử không có đoàn bồi thẩm. Thẩm phán là Clayton W. Horn thuộc Tòa án Thành phố San Francisco, chức trách khởi đầu của ông này là một trong bốn vị thẩm phán của tòa án cảnh sát (police magistrate) thành phố. Thẩm phán Horn, người thường xuyên dạy *Kinh Thánh* ở một trường học ngày Chủ nhật, đang ở trong tình thế bất lợi lúc ông lên ghế xét xử vụ *Hú*. Ông vừa mới trở thành nhân vật được báo chí địa phương bàn luận sôi nổi vì đã quyết định phạt năm người

đàn bà ăn cắp hàng trong tiệm phải học *Mười điều răn*¹⁰¹ và viết bài luận về bài học đạo đức rút ra từ thiên sử thi siêu khổng lồ ấy. Người biện hộ chính là J. W. Ehrlich, người nổi tiếng ở San Francisco từ 30 năm nay với biệt danh “Jake the Master” (Bác thầy Jake) ... Đối thủ của Ehrlich là Ralph McIntosh, một công tố viên phó cấp quận đã cao tuổi... một chuyên gia về những vụ án khiêu dâm. Phim con heo, tạp chí khỏa thân, và sự xuất hiện của Jane Russel trong phim *The Outlaw*, tất cả đã là mục tiêu của lòng nhiệt thành của ông...

Sự đụng độ quan trọng đầu tiên trong phiên toà xảy ra khi Ehrlich cẩn thận để cho McIntosh chống lại Mark Shorer, nhân chứng chính của bên biện hộ. Shorer là giáo sư Anh ngữ và chủ tịch hội đồng nghiên cứu sau đại học (chairman of graduate studies) của trường Đại học California; ông là một trong số những nhà phê bình văn học hàng đầu của Hoa Kỳ, là cố vấn sách giáo khoa cho Quân đội Mỹ, đã xuất bản 3 cuốn tiểu thuyết và 75 truyện ngắn, và đã được tặng thưởng một học bổng Fulbright và 3 học bổng Guggenheim.

Trong lời biện hộ dài dòng và không nao núng rất đặc trưng của mình, Shorer tuyên bố về nhận xét thẳng thừng của Ehrlich: “Tôi cho rằng *Hú*, như bất kỳ một tác phẩm văn học nào, có ý định cố gắng đưa ra một bình luận có ý nghĩa về hoặc diễn giải có ý nghĩa cho một trải nghiệm nhân sinh như tác giả biết về nó.”

Ông nói đề tài và cấu trúc “tạo nên ấn tượng một thế giới ác mộng trong đó ‘những trí óc tuyệt vời nhất của thế hệ mình’ đang vấp vưởng giống như những linh hồn bị đọa đày dưới địa ngục.” Phần lớn nội dung, theo Shorer, là “một xê-ri những gì mà ta có thể gọi là những hình ảnh siêu thực.”

101 Trong *Kinh Thánh*, tóm tắt luật thánh do Chúa Trời trao cho Moses trên núi Sinai; chiếm địa vị quan trọng hàng đầu trong hệ thống luân lý đạo đức trong các đạo Do Thái, Kitô và Hồi; 10 điều răn được chia cho các bốn phạm đối với Chúa, đối với láng giềng và xã hội (ND)

Thẩm phán Horn, đã cẩn thận đọc thông luật mở rộng về chủ đề này, phán rằng trong khi Shorer và các chuyên gia khác không thể chứng thực là họ có cho rằng bài thơ là dâm ô (obscene) hay không, họ có thể tuyên bố liệu họ có cho rằng ngôn ngữ gây tranh cãi chứa đựng trong bài thơ là “thích đáng” (relevant) với ý định và đề tài của nhà thơ hay không.

“Ginsberg sử dụng những nhịp điệu của lời nói thông thường và cũng sử dụng từ ngữ của lời nói thông thường”, Shorer nói. “Tôi muốn nói rằng bài thơ sử dụng một cách cần thiết ngôn ngữ của sự thô tục.”

Tiếp đến phần đối chất. Trong suốt một giờ, McIntosh tấn công Shorer dồn dập, và đọc cho Shorer nghe gần như tất cả các dòng có thể chất vấn trong cuốn sách. Công tố viên cũng xỉ vả bài thơ, và đôi khi khó mà phân biệt ông chống lại cái gì nhiều hơn, sự bẩn thỉu hay sự khó hiểu của nó.

“Tôi giả định là ông hiểu toàn bộ bài thơ, đúng vậy không?”, có lúc MacIntosh hỏi Shorer, giọng thách thức.

Shorer mỉm cười. “Tôi hy vọng là thế”, ông nói. “Không phải bao giờ cũng dễ dàng biết rằng mình có hiểu chính xác điều một nhà thơ đương thời nói hay không, nhưng tôi cho là mình hiểu.”

McIntosh vung vẩy cuốn sách một cách đắc thắng. “Thế ông có hiểu”, ông ta hỏi, “cái câu *‘những tay hipster đầu óc thiên thần cháy lòng tìm kiếm sự kết nối siêu phàm xưa với chiếc dynamo tinh tú trong bộ máy đêm’* nghĩa là gì không?”

“Thưa ngài, ngài không thể dịch thơ sang văn xuôi”, Shorer trả lời. “Chính vì thế mà nó là thơ.”

Cử tọa, trong đó có những nhà văn ở khu North Beach, những người bán sách ở trung tâm thành phố, và một số khán giả quen thuộc của các vụ án hình sự, ô cả lên. Thẩm phán mỉm cười độ lượng, nhưng McIntosh không chịu buông.

“Nói cách khác”, ông hỏi, “ông không cần phải hiểu các từ ngữ?”

“Ta không hiểu được từng chữ riêng rẽ tách ra khỏi văn cảnh”, Shorer kiên nhẫn giải thích. “Ta không thể dịch nó trở lại tiếng Anh của văn xuôi logic tốt hơn là nó có thể nói lên bằng từ ngữ cái mà một bức tranh siêu thực muốn nói, bởi vì nó không phải là văn xuôi.”

Điều ấy không thoả mãn McIntosh, ông vẫn tiếp tục đọc những dòng đầu của bài thơ và đòi hỏi sự giải thích sát từng chữ. Cuối cùng, Shorer nói: “Tôi không thể dịch lại, và tôi chắc chắn rằng không ai trong phòng này có thể dịch lại phần mở đầu của bài thơ ra văn xuôi dựa trên lý trí.”

Vì một lý do nào đó, lời chứng trên khiến ông MacIntosh rất thoả mãn. “Đó chính là điều tôi muốn tìm thấy”, ông tuyên bố với vẻ của một người vừa giải quyết xong vụ việc của mình.

Sau khi xác minh được sự không thể giải thích, công tố viên bèn lớn giọng đọc hết dòng nọ đến dòng kia của bài thơ *Hú*, mỗi dòng với số lượng từ ngữ thô thiển hay hình ảnh tính dục mạnh mẽ của nó, và đòi giải thích nhiều hơn.

Shorer kiên nhẫn khước từ việc ấy, và McIntosh bèn quay sang thưa với thẩm phán Horn: “Thưa ngài, thẳng thắn mà nói thì tôi chỉ có một mớ bằng cấp về luật. Tôi không biết tí gì về văn chương. Nhưng tôi muốn tìm ra tất cả cái này là cái gì. Nó giống như bức tranh hiện đại thời bây giờ, siêu thực hay bất cứ gì như họ gọi, họ cho một con khi tới và lấy ngón tay mà vẽ.”

Thẩm phán từ chối yêu cầu người làm chứng làm sáng tỏ nghĩa của bài thơ cho McIntosh, vậy là công tố viên tìm một chiến thuật khác. Ông đọc một số câu còn mạnh mẽ hơn rồi hỏi Shorer: “Bây giờ, ta xem liệu có thể sử dụng từ ngữ theo một cách khác được không? Có cần phải đặt những từ ngữ như thế ở chỗ đó hay không?”

Nhưng thẩm phán Horn không đồng ý câu hỏi và tự mình đưa ra một ý kiến về phê bình văn học: “Tôi cho rằng hiển nhiên là tác giả có thể sử dụng những từ ngữ khác; việc những từ ngữ ấy có phục vụ cùng mục đích hay không là chuyện khác; điều đó tùy thuộc tác giả.”

Lần này thì McIntosh đã sắp sửa sẵn sàng buông tha cho Shorer. Nhưng ông quyết định tấn công một lần cuối. Lật sang những bài thơ khác tiếp sau bài *Hú* trong cuốn sách, ông yêu cầu Shorer nêu tính cách của chúng.

“Những bài thơ ấy là cái mà người ta gọi là thơ trữ tình”, Shorer giải thích, “và những bài thơ bên trên là thơ cổ vũ (hortatory).”

McIntosh dỏng tai lên.

“Là cái gì kia?”, ông hỏi.

“Cổ vũ, thưa ông McIntosh.”

“Tôi đã hỏi xong”, công tố viên nói và ngồi xuống. Shorer cúi mình duyên dáng về phía McIntosh và lui về chỗ giữa tiếng hoan hô.

Bên biện hộ đưa tất cả chín chuyên gia làm chứng trước toà và với mỗi người trong số họ, McIntosh đều sử dụng cùng chiến thuật: bối rối trước bài thơ, khinh thị chuyên gia làm chứng, khoái trá trích dẫn các từ ngữ tục tĩu.

Từ Luther Nichols, nhà phê bình sách của tờ *Examiner*, ông ta học được rằng: “Cuộc sống của Ginsberg là cuộc sống của một gã lang thang; nó được tô điểm bằng nhạc jazz, bằng Đại học Columbia, bằng một sự giáo dục mang tính tự do phóng túng, bằng việc lang thang vất vưởng. Những từ ngữ anh ta sử dụng là có giá trị và cần thiết nếu như anh ta thành thật với mục đích của mình. Tôi nghĩ rằng việc sử dụng các uyển ngữ để miêu tả điều ấy sẽ bị ông Ginsberg coi là không thành thật.”

Walter Van Tilburg Clark, tác giả của cuốn *The Ox-Bow Incident*, thì tuyên bố: “Đường như đối với tôi tất cả các bài thơ trong cuốn sách là công trình của một nhà thơ hoàn toàn lương thiện, cũng là một nhà kỹ thuật có năng lực cao.”

“Ông tự xếp mình vào loại người phóng túng?”, McIntosh hỏi Clark. Nhưng ông ta đã đi quá xa, thậm chí Horn chặn ngay câu hỏi vừa được thốt ra.

Chính là từ Kenneth Rexroth - người tự mô tả mình như một “nhà thơ Mỹ được thừa nhận có năng lực được thừa nhận và một nhà phê bình thơ có năng lực được thừa nhận” - mà Ehrlich rút ra được sự phán xét có phẩm chất cao nhất về *Hú*. “Phẩm chất của bài thơ là cao một cách phi thường,” Rexroth nói. “Có thể nó là bài thơ đáng chú ý nhất của một người trẻ kể từ Thế chiến II.”

McIntosh cố gắng hạ giá bài thơ bằng cách đưa ra hai chuyên gia làm người phản chứng.

Một người là David Kirk, giáo sư phụ tá môn Anh ngữ ở trường Đại học San Francisco, một trường Công giáo. Kirk buộc tội *Hú* như một “bài thơ rõ ràng là tặng cho một phong trào đã chết từ lâu tên là Dada. Do vậy, cơ hội cho bất cứ đóng góp có ý nghĩa nào đối với văn học của bài thơ đã qua từ lâu”, và đó là một “sự bất chước yếu kém một hình thức đã được Walt Whitman sử dụng 80 hay 90 năm trước.”

Người thứ hai là một phụ nữ tóc vàng tên là Gail Potter, cô ta đưa ra những tập sách giới thiệu mỏng thông báo cô mở lớp tư gia dạy cách nói chuyện và viết lách, và cấp hàng đồng chứng chỉ với tư cách một chuyên gia. Cô ta nói mình đã viết lại *Faust* từ 40 bản gốc, đã viết 35 bài báo quan trọng, một hoạt cảnh cho cái mà cô gọi là “một trong các vụ việc lớn ở Florida”, và đã dạy ở một trường cao đẳng thương mại dành cho nữ, và trường College of Southern Florida ở Lakeland.

“Ta cảm thấy như mình đang đi qua cổng rãnh khi phải đọc cái thứ đó”, cô Potter nói về *Hú*. Rồi cô rùng mình ghê tởm và nói thêm: “Tôi chẳng nán ná lâu với nó, tôi cam đoan với quý vị như thế.”

Jake Ehrlich cúi mình chào tiến cô Pottter mà không hỏi câu nào...

Khi phiên toà đi đến phần kết thúc, các luận điểm tranh cãi đã đi vào đúng hướng. McIntosh la lớn rằng San Francisco đang ở trong hiểm hoạ nguy kịch:

“Tôi muốn rằng khi xác định những cuốn sách này có dâm ô hay không, ngài thẩm phán hãy tự hỏi chính mình là liệu ngài có muốn thấy loại thơ này được in trên tờ nhật báo địa phương của mình? Hay là muốn được nghe đọc thơ này trên radio như một tiết mục hàng ngày? Nói cách khác, thưa ngài, chúng ta sẽ cho phép sử dụng đến mức nào thứ ngôn ngữ dơ bẩn, tục tĩu, khiêu dâm, và tởm lợm này? Chúng ta sẽ đi xa đến đâu?”

Với Jake Ehrlich, *Hú* là một bài thơ lương thiện, viết bởi một nhà thơ lương thiện, và chỉ bản thiêu đối với những đầu óc bản thiêu. Còn như nó có tiềm tàng khả năng khơi dậy những ý nghĩ dâm ô trong độc giả hay không, thì “Bậc thầy” gạt bỏ câu hỏi mấu chốt này trong một câu: “Ta không thể nghĩ những điều dung tục thối tha chỉ vì đọc một cái gì đó trong một cuốn sách, trừ phi mục đích của ta là đọc những điều dung tục thối tha và áp dụng một mục đích dung tục thối tha cho cái mà ta đọc.”

Thẩm phán Horn dành hai tuần lễ để cân nhắc trước khi có một bản án. Ông chịu khó đọc *Ulysses* và những bản án nổi tiếng, là một phần trong lịch sử xuất bản của tác phẩm này. Ông đọc những tác phẩm khác từng có lần bị tấn công vì coi là dâm ô. Ông đọc các bộ luật thành văn và thông luật.

Ông nhận ra rằng *Hú* không dâm ô và Ferlinghetti không có tội. Ý kiến được viết ra của ông, mặc dù là của một thẩm phán bậc thấp nhất trong tiểu bang, giờ đây phải có giá trị như một văn bản soạn thảo luật rất quan trọng cho luật chống khiêu dâm ở California...

ALLEN GINSBERG, HỒN THƠ BIỂN CẢ

Một chiều nắng thu 2008, tôi tìm đường đến một nghĩa địa Do Thái ở ngoại ô thành phố Neward. Cách Ground Zero (bình địa của toà nhà World Trade Center bị phá sập ngày 9/11/2001) của náo nhiệt Downtown Manhattan chỉ một giờ đường xe điện ngầm và tàu hỏa, sự hoang vắng nơi đây là cả một tương phản. Mình tôi trên con đường bẩn thỉu khó nghĩ là đang ở trên nước Mỹ, mình tôi lang thang trong nghĩa địa Gomel Chesed, với cành hoa hướng dương trong tay – loài hoa gắn với cả đời thơ Allen Ginsberg. Nhưng hóa ra tôi không một mình: trên tấm bia bằng đá thô nho nhỏ đặt nằm ngang sát đất ngay phía trước bia chung của dòng họ Ginsberg, từ bao giờ một cuốn thơ *Howl & Other Poems*, vài cụm đá vụn của những người hâm mộ đến đây trước tôi...

Thứ bảy ngày 5 tháng 4 năm 1997, sau một thời gian ngắn kịch phát ung thư gan giai đoạn cuối và một cơn đột quỵ, Allen Ginsberg qua đời trong căn hộ bốn phòng gián dị của mình ở East Village (Làng Đông), khu Lower East Side (khu Hạ, phía đông) của đảo Manhattan, thành phố New York, giữa các bạn thân và người tình già. Tôi đã có dịp đến thăm hai lần căn hộ ấy ít năm sau khi chủ nhân của nó ra đi - nó được giữ lại như một kỷ vật của ông, với chiếc giường nhỏ và tấm *thanka* treo trên tường để thiên quán. Lần thứ hai, vào năm 2005, căn hộ chỉ còn hai phòng nhỏ. Bob Rosenthal, bạn cũ của thi sĩ và Giám đốc Di sản Allen Ginsberg hiện nay, cho biết là ngân sách eo hẹp không cho phép giữ hết lại cả bốn phòng như trước.

Irwin Allen Ginsberg sinh ngày 3 tháng 6 năm 1926 tại Newark, bang New Jersey, Hoa Kỳ, là con trai thứ hai của nhà thơ Louis Ginsberg, cha mẹ ông là người gốc Do

Thái di dân thế hệ đầu tiên. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của người mẹ Đảng viên Cộng sản Naomi nuôi dưỡng tuổi trẻ ông và còn chảy trong nhiều tác phẩm ông viết sau này:

“America, lúc còn bé ta đã từng là một người cộng sản, ta không hối tiếc.

... Khi ta lên bảy mẹ đưa ta đến những cuộc họp chi bộ cộng sản, họ bán cho chúng ta hạt đậu mỗi vé một năm giá vé một chinh còn diễn văn thì không mất tiền mọi người đều tốt lành và thương cảm thọt thuyền thuở ấy tất cả sao chân thành quá...” (America).

Vừa tròn 17 tuổi, trên chiếc phà chở anh đi chơi New York, Allen Ginsberg quì xuống phát lời nguyện đầu tiên trong đời: dâng hiến đời mình cho giới cần lao bị áp bức. Để thực hiện tâm nguyện ấy, theo chân người anh trai là Eugene, anh vào khoa luật trường đại học Columbia. Nhưng tại đó, việc gặp gỡ Jack Kerouac và William Burrowghs đã đánh dấu bước ngoặt tư tưởng của anh. *“Tôi nhận thức được rằng mình toàn nói qua một hộp sọ trống rỗng... Tôi đã không nghĩ những ý nghĩ của riêng mình, không nói những ý nghĩ của riêng mình”* – nhà thơ kể lại.¹⁰²

Một sự kiện khác có tính quyết định đối với sự nghiệp của anh vào năm 1948: Trong lúc đang nằm dài trên chiếc sofa trong căn hộ của mình ở khu Đông Harlem, Allen Ginsberg trông thấy William Blake (nhà thơ Anh thế kỷ 19 có khuynh hướng thần bí) đọc bài thơ *A, Hoa hướng dương*, trong một “ảo ảnh ba chiều”. Kỷ niệm này, luôn trở đi trở lại trong các bài thơ về sau của Ginsberg, đánh dấu sự dẫn thân của anh vào con đường thực nghiệm tâm linh. Từ đó dường như đối với Ginsberg, Thơ chính là con đường để đạt tới ảo giác, linh giác như thế, thậm chí với trợ lực của các chất gây nghiện đủ loại như cần sa, mescaline, LSD, ecstasy...

A.G. nổi danh như cồn từ vụ án *Hú* năm 1956. Bài thơ dài *Hú* mở đầu như sau:

102 Bài phỏng vấn Allen Ginsberg đăng trên tờ *Magazine littéraire*, số 341, tháng Ba/1996, tr. 85-112.

“Tôi đã thấy những trí tuệ xuất sắc nhất của thế hệ mình bị huỷ diệt vì điên rồ, chết đói cuồng loạn trần truồng lê lết qua những phố da đen tìm một liều giãn dữ lúc rạng đông... Những kẻ nghèo nàn rách rưới mắt trũng say đờ ngổn đờ hút thuốc trong bóng tối siêu nhiên của các căn hộ nước lạnh đập dềnh trôi ngang những đỉnh chớp các thành phố chiêm ngưỡng nhạc jazz...”

Bài thơ lần đầu tiên do chính tác giả đọc đã gây náo động trong một đêm thơ ở Gallery Six, San Francisco, và sau đó nhà thơ Lawrence Ferlinghetti chủ nhà xuất bản City Lights Book (Đèn thành phố) đã in cho ông một tập thơ mỏng 44 trang khổ bỏ túi *Howl and Other Poems* (*Hú và những bài thơ khác*). Cảnh sát San Francisco tịch thu cuốn sách, và người xuất bản phải hầu toà vì tội công bố một “quyển sách dâm ô”. Kết quả Ferlinghetti trắng án, còn tên tuổi và tác phẩm của Ginsberg trở nên lừng lẫy.

Đó là thời kỳ của nước Mỹ bảo thủ những năm 50, khi màn ảnh nhỏ khoe những cặp vợ chồng ngủ riêng giường. Điều thú vị là 40 năm sau, chương trình truyền hình cáp của nước này lại phát cảnh Ginsberg đọc *Hú* cho lớp trẻ những năm 90 thưởng thức, và bài thơ được dạy trong nhà trường. Ngày nay vào mùa thu hàng năm ở khu Lower East Side, Manhattan, New York đều diễn ra Festival *Hú*, và năm 2006, kỷ niệm 50 năm tác phẩm được xuất bản, một festival quốc tế *Hú* với các bản dịch khác nhau đã là một sự kiện văn học ở Đức. Tính đến nay, *Hú* đã được xuất bản 55 lần với hàng triệu bản và dịch ra 24 thứ tiếng. Không ít người đánh giá đây là tác phẩm lớn nhất của Allen Ginsberg, cũng là một tác phẩm làm thay đổi nước Mỹ.

Hú là bài thơ tặng Carl Solomon, một người bệnh mà tác giả gặp trong một bệnh xá tâm lý liệu pháp. Bản “anh hùng ca đen/điên” này phơi bày sự bế tắc cùng quẫn của một thế hệ bị huỷ diệt bởi cỗ máy xã hội công nghiệp vô nhân, đồng thời tung ra một thi pháp đầy thách thức: câu thơ tuồn tuột tuồn ra bộc phát dài dặc – theo sát “hơi thở” rất dài của người viết như hơi kèn trumpet tùy hứng của nhạc jazz; sự trở lại “tính xước âm” như nhà thơ Kenneth Rexroth gọi hay khuynh hướng “đi từ tiếng nói đến tiếng

trò chuyện, đến tiếng ngân nga, hay ngân nga với hơi thở dài, đến chiều hướng hát thơ theo lối thi sĩ trung đại, chiều hướng xuất thần” như chính tác giả nhận định¹⁰³; ngôn ngữ trần trụi thậm chí tục tĩu, “bẩn”; hình ảnh siêu thực phi lý nhưng thực ra được cắt dán từ những chi tiết rất thực trong cuộc sống của tác giả và bè bạn.

Chính sự kiện *Hú*, cùng với tiểu thuyết *Trên đường* (*On the Road*) của Jack Kerouac, đã tạo nên một “thế hệ beat” huyền thoại những năm 1950 và 1960 từ một nhóm bạn ham mê văn chương nghệ thuật và yêu nhau. (Allen Ginsberg, Jack Kerouac, William Burroughs, Neal Cassady, Peter Orlovsky...) “Beat” là danh từ đa nghĩa do Jack Kerouac sử dụng đầu tiên, có nghĩa là “sự vắt kiệt sức, sự toàn phúc, cảm hứng nhạc jazz”¹⁰⁴. Thế hệ vỡ mộng trước một xã hội trưởng giả nô lệ cho vật chất và một chủ nghĩa tuân phục bảo thủ, đã “đột phá”, “đào bới” một văn hoá riêng cho mình, một trong những nhân tố sẽ dẫn đến cao trào “phản văn hoá” (counter-culture) ở Mỹ thập niên 1960. Mặt trái của thứ “văn hoá nhóm” (subculture) ấy là ma túy, buông thả tính dục. Mặt phải của nó, bao quát hơn, là tinh thần tự do, nhân quyền, yêu hoà bình, yêu thiên nhiên, là tình người chân thực, là khao khát giải phóng tâm hồn bằng con đường tâm linh.

Hú cũng là cơ hội quyết định cho chàng trai phải kiếm sống bằng đủ mọi nghề tạm bợ từ rửa bát đến tìm hiểu thị trường để nuôi hồn thơ trở thành người sống chỉ để làm thơ và bằng thơ.

Cảm hứng và thi pháp của *Hú* sẽ được Allen Ginsberg tiếp tục trong trường ca *Kaddish* khóc thương người mẹ thân yêu bị bệnh tâm thần của mình. Nếu *Hú* là lịch sử cùng quần của một thế hệ, thì *Kaddish* là lịch sử bi ai của một thân phận, cả hai đều hoành tráng hiện thực thời đại và thăm thẳm nhân văn muôn đời. Phải nói rằng, sự nghiệp thơ 50 năm của tác giả thật đồ sộ, nhưng những gì ông viết về sau, theo cảm nhận

103 Trò chuyện với James MacKenzie năm 1982, “Big Sky Mind: Buddhism and the Beat Generation”, 1995.

104 Mặc dù chính Allen Ginsberg và Jack Kerouac luôn luôn phủ nhận sự tồn tại của một nhóm/phong trào “beat” như giới báo chí và phê bình đặt để, và nhấn mạnh tính độc lập của từng cá nhân tác giả trong đó.

riêng của tôi, khó lòng vượt qua hai bản trường ca máu thịt những năm 1950 ấy.

Năm 1991, trả lời phỏng vấn báo *The Associated Press* - nơi 40 năm trước, chàng trai Ginsberg từng làm chân sai vặt trong toà soạn - nhà thơ nhắc lại những năm 50, thời kỳ của “bệnh hoang tưởng, nghi ngờ, sợ hãi hoàn toàn, kẻ giấu cướp bóc người nghèo mà mồm lại than phiền về người nghèo...”, thời kỳ của “những xúc động giả mạo bị thị trường hoá, cơ giới hoá”. Trong hoàn cảnh lịch sử ấy, hầu như tự nhiên một thanh niên có đời sống nội tâm mạnh mẽ, giàu lý tưởng như Allen Ginsberg sẽ trở thành một nhà hoạt động xã hội tích cực, bằng thơ và bằng những hoạt động thực tiễn.¹⁰⁵ Ông công khai cảm tình với những người Cộng sản và chiến sĩ công đoàn. (Trong tiểu thuyết *Trên đường*, Jack Kerouac xây dựng một nhân vật mang tên Carlo Marx có hình bóng ông). Ông luôn luôn “về phe” những kẻ yếu, những kẻ bên lề, những nhóm thiểu số. Ông đấu tranh cho các quyền của giới đồng tính ái mà ông là thành viên: “Tôi làm thơ, bởi vì các tế bào di truyền và nhiễm sắc thể của tôi hướng đến các chàng trai chứ không phải đến các cô gái” (*Ngẫu hứng Bắc Kinh*). (Tôi muốn mở ngoặc ở chỗ này vì bất chợt nghĩ đến một nhà thơ lớn của chúng ta có lẽ cũng mang “các tế bào di truyền và nhiễm sắc thể” tương tự. Khác nhau là nhà thơ Mỹ công nhiên bày tỏ, ca tụng và mô tả tình yêu cuồng nhiệt của mình chi tiết đến... “kinh hoàng”, nhà thơ Việt thì vẫn ẩn mình trong những vần thơ luyến ái dị giới được thi vị hóa theo thói quen tiền chiến. Một thí dụ hay cho văn học/ văn hóa so sánh. Mặt khác, hai ông lại rất giống nhau ở tấm lòng yêu cuộc sống thắm thiết, khát khao tình cảm, sợ hãi sự cô đơn). Ông bảo vệ quyền sử dụng LSD và cần sa trong khi chống lại các công ty sản xuất thuốc lá, “thuốc kích thích chính thống” như ông gọi. Ông là người phát ngôn quan trọng của phong trào phản chiến những năm 1960, không chỉ một lần bị bắt giam vì những cuộc biểu tình. (Chiến tranh Việt Nam có chỗ khá sâu đậm trong thơ Ginsberg không chỉ trong những năm

105 Ngay từ thời học sinh, Ginsberg đã thường xuyên quan tâm đến chính trị. Năm 15 tuổi anh đã viết cho báo New York Times phản đối đường lối đứng ngoài cuộc của chính phủ Mỹ trước cuộc xâm lăng đầu tiên của phát xít Đức, mà theo anh đã là một nguyên cớ làm nổ ra Thế chiến II

1960, 1970, mà tận cuối đời những năm 1990, ta vẫn thấy ông nhắc đến đường mòn Hồ Chí Minh, hay viết cả một bài thơ về người cựu chiến binh vô gia cư lang thang bị ám ảnh bởi cái chết của những người đàn ông và đàn bà Việt Nam). Ông viết và tổ chức nhiều cuộc biểu tình ngồi chống sản xuất vũ khí hạt nhân. Cả một tập thơ mang tên *Plutonian Ode* (*Tụng ca Diêm vương/Tụng ca chất Plutoni*), cùng với những tập *Planet News* (*Tin tức hành tinh*) và *The Fall of America* (*Sự suy vong của nước Mỹ*) trong đó có nhiều bài phê phán chính sách của chính quyền Mỹ, đặc biệt là tính chất đế quốc hiếu chiến, đại diện quyền lợi của tập đoàn công nghiệp quân sự, cũng như tính chất “nhà nước cảnh sát” của nó. Năm 1965, giám đốc FBI (Edgar Hoover) xếp ông trong “danh sách nguy hiểm cho an ninh”. Ông cũng có chuyện với một số chính quyền độc tài khác ngoài nước Mỹ như Czechoslovakia, Cuba... Công khai bày tỏ một cách mạnh mẽ quan điểm chính trị của mình trong đời và trong thơ, Allen Ginsberg là một tấm gương cho mọi người cầm bút trong thời đại này nay.

Từ một “kẻ đi tìm cái mũi màu vàng hoe cho Chân lý” như ông tự nhận ngay hồi còn trẻ (*Trở về Quảng trường Times...*), Allen Ginsberg trở thành “guru” (đạo sư) của phong trào “phản văn hoá” có ảnh hưởng trong thanh niên Mỹ một thời với tinh thần “quyền lực của hoa” (Flower-power) - thuật ngữ do ông sáng tạo. Ông cũng là cầu nối phong trào “beat” thập kỷ 1950 và phong trào “hippy” nổi tiếng với khẩu hiệu “make love not war” (làm tình chứ không làm chiến tranh) thập kỷ 1960. Ginsberg có sức lôi cuốn rất kỳ lạ, cái mà người phương Tây gọi là “charisma” - thường thấy ở những thủ lĩnh tôn giáo và chính trị. Sức mạnh ấy đã bộc lộ ngay từ cái đêm ông đọc *Hú* như mê sảng khiến cả đám cử tọa phát cuồng 50 năm trước, lại có nhiều dịp tỏ rõ trong những cuộc tuần hành chính trị sau này mà ông thường ở hàng đầu, lắc chuông đồng và hát những câu thần chú.¹⁰⁶ Ông từng được hàng vạn sinh viên Tiệp Khắc bầu

¹⁰⁶ Các biên niên sử Hoa Kỳ còn ghi một chuyện thú vị về cuộc biểu tình phản chiến khổng lồ ở Oakland-Berkeley năm 1965. Khi gang còn đồ cưỡi mô tô khét tiếng hung bạo Hell's Angels tuyên bố sẽ phá cuộc biểu tình mà chúng coi là “thần Cộng”, AG đã một mình đến tận nhà tên trùm để thuyết phục, kết quả là hắn từ bỏ ý định vì mến phục ông.

làm Vua Tháng Năm trong ngày hội truyền thống và rước đi trên đường phố Praha giữa cả trăm ngàn người phấn khích.

Trên con đường đi tìm các con đường thần bí và tâm linh khác nhau để tự giải thoát khỏi nỗi ám ảnh của bất lực, hư vô và kháng cự sự phi nhân của xã hội công nghiệp, Allen Ginsberg và các bạn mình đã gặp tư tưởng Phật giáo. Phải nói ngay rằng Phật giáo mà ông gặp là dòng Phật giáo Tây Tạng mà tính thần bí và hùng tráng của nó hình như rất hợp với người Âu Mỹ, và đặc biệt với riêng ông, không lặng lẽ thắm nhuần như Phật giáo Trung Quốc, Việt Nam và các nước Đông Á. Không ít bài thơ của ông trộn lẫn những phát hiện về Phật pháp với thứ “hiện sinh beat” quen thuộc. Ông còn thực tập thiền định bằng những bài thơ theo hướng dẫn của vị sư tăng Tây Tạng Tsulgrim Gyatso. Bài thơ ngắn sau đây viết ngày 20 tháng 8 năm 1991 bắt đầu bằng tình trạng mê loạn của đời sống chạy theo vòng luân hồi (samsara): *“Vô lượng những giao kèo tivi thịt thị trường chứng khoán tít lớn nhất báo đời sống ái tình Đại đô thị”* và kết thúc là sự chứng ngộ cảnh giới an tịnh của Pháp thân (dharmakaya): *“Sớm muộn cũng buông trôi yêu ghét khinh khi, đi dạo công viên nhìn trời, ngồi trên gối, đếm sao trong óc, trôi dạt và ăn”* (Big Eats). Ông đã cùng thầy của mình là nhà sư Tây Tạng Chogyam Trungpa lập ra một Viện nghiên cứu và tu tập Phật giáo đầu tiên ở Phương Tây, mang tên Viện Naropa tại bang Colorado, trong đó có “Trường Thơ thoát xác” mang tên Jack Kerouac. Tại nhà riêng, ông mở đầu mỗi ngày bằng việc tọa thiền, sau đó là một ly trà chanh nóng. Bữa ăn sáng của ông là “chao nắm tỏi tây bí đông trộn”.

Chắc một tâm hồn nóng bỏng như Allen Ginsberg khó lòng đạt đến cảnh giới an tịnh (bài thơ ngắn dẫn ở trên chỉ là “một bài tập thiền” mà thôi), và lại, một khi đã đạt tới, thì ắt sẽ vô ngôn, làm gì còn thơ! Lại nữa, như không ít người đã nói, đối với người nghệ sĩ, sự đi tìm còn quan trọng hơn sự tìm thấy. Chân thành hay không mới là vấn đề.

Làm thơ như một biện pháp tự thanh lọc để đạt đến giác ngộ, thì quả Allen Ginsberg

là người đầy chân thành! Chân thành cũng là nguyên tắc thi pháp đầu tiên và cuối cùng của ông. “*Làm thơ là viết lên giấy tất cả những gì đến trong đầu. Tất cả những gì đủ mạnh, đủ sống động để mình phải nhớ*”. “*Cứ ngâm thơ. Ngay thẳng. Chân thành. Công khai những gì trong đầu mình, tức là hiến cho đời sự thể hiện một tinh thần trung bình nhưng khác biệt hẳn những thể hiện giả tạo bị các phương tiện truyền thông và chính phủ nhào nặn, khác biệt hẳn việc sản xuất hàng loạt những hình ảnh tạo ra thị hiếu giả mạo về tình cảm và về con người*”¹⁰⁷. (Lại xin mở ngoặc liên hệ đến câu khẩu hiệu mà Xuân Diệu hay hô to trong những buổi họp thơ hay nói chuyện thơ những năm 1970: “*Chân chân chân! Thật thật thật!*”, cố ý đối lại kiểu “công nghệ làm thơ” của một đồng nghiệp nổi danh cùng thời).

Và nếu như Phật pháp có vạn pháp, có vạn con đường để đi đến giác ngộ, thì sao lại không thể nói Allen Ginsberg đã “ngộ” theo cách của mình khi ông thấy “*Thượng đế là Tình yêu*”, ông “không từ chối/ cái tấm thân nặng 38 yr. 145 lb. đầu/ tay & chân bằng thịt này” (*Vì sao Thượng đế là Tình yêu hả Jack?*), khi ông thành thực vô cùng phơi bày thất tình lục dục, khi ông thấy mình là tất cả những gì trong và ngoài mình: “*Ta là Ta, là Cha Mắt Cá sinh ra đại dương, là con sâu trong chính lỗ tai mình, con rắn quấn quanh cây/ Ta ngồi trong tâm trí cây sồi và nấu mình trong bông hồng...*” (*Kết thúc*), khi ông coi Từ bi là điều cốt yếu của đạo đức, khi ông “chấp nhận bản thân, tha thứ bản thân, yêu thương bản thân” để “chấp nhận, tha thứ, yêu thương người khác”.¹⁰⁸ Bob Rosenthal đã nói một câu chí lý: “Allen Ginsberg dạy ta hít vào thuốc độc và thở ra rượu tiên”. Phải chăng đó chính là tinh thần “Niết bàn ở ngay cội Ta bà”, “Phiền não là Bồ đề” của Phật pháp?

Trong lời tựa cuốn di cao thơ *Death & Fame* (*Cái chết & Danh vọng*) xuất bản sau khi Allen Ginsberg qua đời, nhà thơ Robert Creeley đã mượn một câu của Whitman:

107 Như chú thích 1

108 Thư gửi nhà thơ và nhà phê bình Richard Eberhart (18/5/1956), trong đó ông diễn giải về tác phẩm *Hú*, khẳng định tính tích cực của nó: đó là “sự khẳng định” những trải nghiệm cá nhân về mọi thứ, từ Thượng đế đến tính dục, ma túy, sự phi lý...

“Chạm vào cuốn sách này là chạm vào một con người”. Có thể nói toàn bộ thơ Allen Ginsberg là những trang nhật ký đời sống toàn diện của con người ông trong suốt 50 năm trưởng thành. Một cuộc đời không ngừng sôi động, sống hết mình, yêu hết mình, phản ứng hết mình trước những vấn đề của đời sống xã hội chính trị - Mỹ và toàn cầu, không ngừng đi tìm lời giải cho những khắc khoải tâm linh, không ngừng thám hiểm những khả năng của ý thức. Vì thế thơ Allen Ginsberg rất phong phú về nội dung và giọng điệu, bút pháp. Từ nổi loạn thét gào, phiêu lưu tính dục đến chiêm nghiệm Phật pháp, từ những đau đáu siêu hình về sự hữu hạn của đời người và tìm kiếm bản lai diện mục đến nhục cảm khôn nguôi, từ cảm thức thần bí, thi pháp siêu thực đến châm biếm, đả kích và bình luận chính trị, từ các bài ca (rag, ballad, blue) đến những suy nghĩ về thơ, từ ngôn ngữ “vía hè” tục tĩu đến các khái niệm thần học và những từ “tự tạo”. Thơ ông là một biển cả, lúc cuộn cuộn bão tố, lớp lớp sóng bạc đầu, khi mơ mộng, trầm tư, xa vắng, khi khao khát điên cuồng, lúc nhớ nhung da diết, khi hoang mang và lang bang - những con sóng không biết về đầu, khi ám ảnh cô đơn tận cùng trong vũ trụ và vĩnh hằng, với vợi nỗi buồn nhân thế... Dù nói về điều gì, theo giọng nào, dù lăm lức dài dòng, rắc rối, đại ngôn, ồn ào, sống sít, các dòng thơ của ông đều là những con sóng có sức đập phá và lôi cuốn không thể cưỡng, vì chúng đầy năng lượng sống, năng lượng cảm xúc, năng lượng phát trong từng chữ.

Sau một thời gian học hỏi nhiều bậc thầy, từ Blake, Whitman, W.C. William, đến Apollinaire, Lorca, gần nhất là người bạn thân thiết Jack Kerouac...¹⁰⁹ và vật lộn để tìm giọng nói riêng, ông đã đi đến khẳng định cho mình “phương pháp viết bộc phát, sao chép ý thức tức thời”, “giống như những nhạc công jazz hốt nhiên LÊN CỜN và chơi man dại”. Rõ nhất ở hình thức câu thơ rất dài chứa đựng “một diễn ngôn – hơi thở - ý nghĩ”. Lối viết hoàn toàn phù hợp với nguồn năng lượng vọt trào của ông.¹¹⁰

109 Xem phần chú thích của *Hú*

110 Thư gửi anh ruột tác giả, luật sư và nhà thơ Eugene Brooks (26/12/1955)

Cũng vì thế, trong các hoạt động thơ, Allen Ginsberg là một nhà trình diễn không biết mệt và đầy phấn khích. Một chị bạn Mỹ kể với tôi: hồi cô còn đi học, nhà thơ đã đến trường đại học của cô nói chuyện, đọc thơ, và... trong cơn hứng khởi, ông trút bỏ quần áo, giữa tiếng reo hò của sinh viên và bị các nhân viên lôi cổ tống ra ngoài! Về cuối đời, Allen Ginsberg ngả nhiều sang loại thơ gần gũi ca khúc. Năm 1977 ông đi lưu diễn cùng nhóm Dylan's Rolling Thunder Revue và ứng tác nhiều bài thơ. Ở tuổi lục tuần Allen Ginsberg còn biểu diễn và đọc thơ tại những câu lạc bộ đêm ở Manhattan. Hoạt động cuối cùng của ông là đọc bài thơ rock châm biếm chính trị *Ballad của những bộ xương* trên nền nhạc của Paul McCartney và Philip Glass để thu đĩa (1996). Tính trình diễn của thơ Allen Ginsberg đã là một nguồn hứng quan trọng của khuynh hướng “thơ trình diễn” (performance poetry) rất thịnh hành ở Mỹ trong những thập kỷ cuối thế kỷ XX.

Allen Ginsberg được không ít người, trong đó có nhà thơ kiêm ca-nhạc sĩ huyền thoại của nhạc pop Mỹ Bob Dylan, coi là nhà thơ có ảnh hưởng nhất đối với thơ Mỹ sau Walt Whitman. Hơn thế, ông còn đóng góp nhiều vào việc tạo nên diện mạo nghệ thuật, âm nhạc và chính trị của nước Mỹ suốt 50 năm qua. Thơ ca bùng phá và tinh thần xung kích của ông về giải phóng chính trị, tính dục và tâm linh đã tạo cảm hứng cho vô số nhà thơ, nhạc sĩ và nghệ sĩ tạo hình, nghệ sĩ biểu diễn ở nhiều châu lục, đóng góp vào việc hình thành cách nhìn thế giới của vài thế hệ Mỹ Âu. Trong số các nhân vật lừng danh chịu ảnh hưởng của ông, có thể kể từ nhà văn sau trở thành tổng thống Vaclav Havel của Czech đến nữ nghệ sĩ trình diễn Yoko Ono (vợ John Lennon) và Bob Dylan...

Allen Ginsberg ra đi sau khi đã ở đỉnh cao của thành công. Ông được tặng giải National Book Award năm 1973 (cho cuốn thơ *Sự suy vong của nước Mỹ*), được bầu vào Viện Hàn lâm Văn học Nghệ thuật Hoa Kỳ, được Bộ trưởng Văn hoá Pháp tặng huy chương Hiệp sĩ Văn học Nghệ thuật, và ngay trước khi ông mất, cả nước Mỹ và Tây Âu tương bừng kỷ niệm thượng thọ ông cùng với sự hồi sinh các huyền thoại về thế hệ Beat.

Ngày 18 tháng 2 năm 1997, tức là chỉ ít lâu trước khi lâm trọng bệnh, Allen Ginsberg gửi cho tôi một lá thư viết tay - trước đó ông liên lạc với tôi qua người trợ lý là Peter Hale. Ginsberg cảm ơn về số báo *Văn học nước ngoài* với nhiều bài thơ của ông được dịch, và gửi tặng tôi một loạt tác phẩm mới nhất của ông, cả sách và đĩa CD ông đọc thơ và thơ phổ nhạc. Ông hỏi thăm nhà thơ Vũ Hoàng Chương còn sống không, có khoẻ không? (ông kể tháng 5 năm 1963 ông tới Saigon, đã gặp thi sĩ này, ông nhớ cả tên tập thơ của họ Vũ: “Nouveaux Poemes” Tân Thi, NXB Nam Chi). Allen Ginsberg rất vui lòng để tôi lo xuất bản thơ của ông bằng tiếng Việt, ông còn nhắc tôi dịch phần II của bài thơ dài *Wichita Vortex Sutra* (*Wichita xoáy ốc kinh*) phê phán chính quyền Mỹ về cuộc chiến Việt Nam...¹¹¹

Sau nhiều năm ấp ủ và chờ đợi (một bối cảnh thuận lợi cho việc công bố thơ Allen Ginsberg), cuối cùng, trong chuyến lưu trú của tôi tại Hudson Valley, New York vào mùa thu năm 2008 do hai tổ chức Omi International Arts Center và Ford Foundation Hà Nội tài trợ, bản thảo tập thơ dịch Allen Ginsberg đã được hoàn tất. Ngoài phần chủ yếu do mình thực hiện, tôi mời hai người bạn của tôi có duyên với thơ Allen Ginsberg là Hoàng Ngọc Biên (người chủ trương tập san Trình Bày ở Sài Gòn trước 1975 đã in thơ Ginsberg đầu tiên) và Phạm Xuân Nguyên (đã cùng tôi giới thiệu Ginsberg trên tạp chí *Văn học nước ngoài* thời Đoàn Tử Huyền chủ trì). Mong hương hồn ông phù hộ cho chúng tôi thực hiện được công việc khó khăn này...

Sài Gòn 4/1997 – Hudson Valley, New York 10/2008

111 Trong lần gặp gỡ mới đây tại New York, Peter Hale kể rằng khi nhận được thư tôi xin phép xuất bản bản dịch thơ ông tại Việt Nam, ông đã reo lên: “Thế là ta đã có người dịch tiếng Việt!” Thêm một chứng cứ về tấm lòng của ông dành cho Việt Nam.

Mục lục

THƠ

HÚ	7
CƯỚC CHÚ CHO HÚ	26
SIÊU THỊ Ở CALIFORNIA	29
HƯỚNG DƯƠNG HOA KINH	31
AMERICA	35
GỬI DÌ ROSE	41
‘TRỞ LẠI TIMES SQUARE MƠ VỀ TIMES SQUARE’	44
CÁI MỎ KÉP CỦA NHỮNG KẺ LẦM MỒM	45
KINH KADDISH	46
TỤNG CA	52
THÁNH CA IV	55
KHEER	59
HÃY HIỂU ĐÂY LÀ GIẤC MƠ	60
TÌNH GIẤC Ở NEW YORK	65
PORTLAND COLOSEUM	69
CARMEL VALLEY	71
WICHITA XOÁY LỐC KINH	73
MỘT CHÚT MILAREPA	77
HUM BOM!	78
NGHĨ LÚC NGỒI THỜ	82
BÀI TẬP Ở NHÀ	86
ĐỌC BẠCH CƯ DỊ	88
NGẨU HỨNG BẮC KINH	90
VỀ LỄ HỎA TÁNG CHOGYAM TRUNGPA, VIDHYADHARA	94
BIG EATS	97
CÓ KẺ ĐÁNH CẤP BÀI THƠ NÀY	98
BẦY GIỜ VÀ MÃI MÃI	99
CHÚC MAY MẮN	100
MỘT TRỜI CHỮ	101
MƠ	103
THIỆN QUẢN VÀ THI PHÁP	104

VIẾT VỀ THƠ ALLEN GINSBERG

HÚ LÊN CHO SALOMON	110
ĐẠI UỶ HANRAHAN ĐÃ LÀM CHO HÚ THÀNH SÁCH BÁN CHẠY NHƯ THẾ NÀO	112
ALLEN GINSBERG, HỒN THƠ BIỂN CẢ	120

THƠ ALLEN GINSBERG

Hoàng Hưng

H H E B O O K S 2 0 1 2

T r ì n h b à y : H O T D e s i g n

ALLEN GINSBERG

(1926 -1997)

Nhà thơ Mỹ được coi như người phát ngôn của “Thế hệ Beat” những năm 1960.

Allen Ginsberg sinh ngày 3.6.1926 tại Newark, bang New Jersey, Hoa Kỳ, con của Naomi Ginsberg, một phụ nữ Nga gốc Do Thái mà tinh thần xã hội chủ nghĩa có ảnh hưởng khá sâu với tuổi trẻ của con trai, và Louis Ginsberg, một nhà thơ có uy tín ở địa phương.

Học trường Đại học Columbia.

Bước ngoặt trong đời chàng sinh viên đang mơ ước trở thành luật gia chuyên về luật lao động là khi ông gặp Jack Kerouack và Williams S. Burroughs, những nhà văn về sau sẽ trở thành nòng cốt của phong trào Beat. Tốt nghiệp đại học năm 1948, ông làm đủ nghề linh tinh: thủy thủ, thợ nhà in, rửa bát, điểm sách, nhân viên tiếp thị... trước khi đến ở San Francisco năm 1950. Ở đó ông gặp các nhà thơ Kenneth Rexroth, Gary Snyder, Lawrence Ferlinghetti.

Ngày 13 tháng 10 năm 1955, Ginsberg đọc bài thơ dài “ Hú” (Howl) tại Gallery Six ở San Francisco trước một cử tọa cuồng nhiệt. Bài thơ, được Hiệu sách City Lights (Đèn Thành phố) của Ferlinghetti xuất bản năm 1956, đã bị ra tòa với tội danh “văn hóa phẩm bẩn thỉu”, nhưng kết quả là trắng án và tác giả của nó nổi tiếng như cồn. Thậm chí nó còn được gọi là cuốn “Thánh kinh Mỹ xét lại”. (Cho đến nay, “Howl” được coi là bài thơ hiện đại được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất thế giới - 23 thứ tiếng).

Bài thơ là bản cáo trạng đầy phần nộ đối với những hy vọng giả hiệu và những lời hứa bị nuốt của nước Mỹ, sử dụng những hình ảnh mạnh mẽ sống động và câu thơ dài, tuôn trào. “Howl” và những bài thơ sau đó của Ginsberg thể hiện ảnh hưởng của nhà thơ Anh TK 19 William Blake (Ginsberg có lần tuyên bố đã nghe thấy ông nói chuyện với mình trong một ảo ảnh), và các nhà thơ Mỹ Walt Whitman (TK 19), William Carlos Williams (1883-1963). Thơ Ginsberg không nề hình thức, lan man, trùng điệp, mang tính tức thời, trực tiếp, bộc bạch, phơi bày (nhất là những khát khao tính dục), rất rõ tính ngẫu hứng.

Những năm cuối thập kỷ 1950, Allen Ginsberg đi khắp các nước đọc thơ (ông đã từng sang Tiệp Khắc, được công chúng Praha bầu làm “Vua tháng Năm” trong ngày hội truyền thống; cũng đã tới Sài Gòn năm 1963).

Ginsberg đã làm thay đổi giọng thơ Mỹ và trở thành bộ mặt trung tâm của trào lưu phản - văn hóa những năm 60. Trong thời kỳ nhiễu loạn ấy, giới trẻ Hoa Kỳ đã coi ông như người dẫn đường tinh thần, một Đạo sư của những kẻ “rời bỏ”, người thuyết giảng về “quyền lực của hoa”.

Ông cũng tham gia những cuộc phản đối chính trị và đưa tinh thần ấy vào thơ (đòi quyền tự do, quyền của những kẻ yếu-nhất là những người đồng tính ái, chống nhà nước cảnh sát Mỹ, chống chiến tranh VN và bom hạt nhân).

Ông còn chịu ảnh hưởng của những triết học tôn giáo: Do Thái giáo và Phật giáo. Trong những năm 60 ông đã thực hành tọa thiền. Năm 1971 ông gặp nhà sư Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche và được sư hướng dẫn sâu vào đường tu tập. Ông cùng với sư thành lập Trường thơ Thoát xác mang tên Jack Kerouac tại Viện Naropa ở Boulder, Colorado - một trường đại học theo tinh thần Phật giáo đầu tiên ở phương Tây.

Allen Ginsberg đã được bầu vào Viện Hàn lâm Nghệ thuật và Văn chương Mỹ.

Ông mất ngày 5 tháng 4 năm 1997 tại New York City vì bệnh ung thư gan, sau một cơn đột quỵ tim.

Những tập thơ quan trọng của Ginsberg:

Howl and Other Poems (1956), Empty Mirror: Early Poems (1961), Kaddish and Other Poems, 1958-1960 (1961), Reality Sandwiches, 1953-1960 (1963), Wichita Vortex Sutra (1966), T. V. Baby Poems (1967), Planet News, 1961-1967 (1968), The Fall of America: Poems of These States, 1965-1971 (1972), The Gates of Wrath: Rhymed Poems, 1948-1951 (1972), The Fall of America: Poems of these States (1973), Mind Breaths: Poems 1971-1976 (1978), Plutonian Ode: Poems 1977-1980 (1982), Many Loves (1984), White Shroud: Poems 1980-1985 (1986), Cosmopolitan Greetings: Poems, 1986-1992 (1994)





GINSBERG

LEVY

DUBINS

TIGER

SPITALNY

EPSTEIN

2/18/97

Dear Mr. Huong Keung:

Thank you for your letter, and
I'll send you new books

Collected Poems (1985)

Selected Poems 47-96 (96)

Eliminated Poems (1996)

Holy Soul Belly Roll 4C.D.'s (poems &

Songs 1949-1995) Box set

Rhino Records C(1992?)

Howl w/ music Chronos Quartet 1CD
1945

Hydrogen Truckstop: opera w/ Philip Glass
1994

Ballad of Skeletons 1C.D. w/ Paul
1996 McCartney &
Philip Glass

That'll give you some ideas of my
recent work. Do you ~~also~~ leave
the books White Throat ^{Poems 1982-92} and Comasfolden

Greetings (Poems 1986-1995)

Thank you for the Copy of Foreign
Literature Magazine with many of my poems
translated, old & new.

For agent, address Jeff POSTERWAK
Care of Andrew Wiley Agency, 250 W. 57th.
Room 2114, N.Y. 10107.

Telephone 212 242 0069

Fax 212 586-8953

Best wishes to your fellow poets NGUYEN GO (?) & Thank that.
I was in "Prison" in 1963 May & met one poet, VU HOANG
CHUONG - ["Newer Poems" & anth. pub. Pan-Chi]
Is he among the living & how is he? Dear you know
him? — Best wishes, Allen Ginsberg

of your poems: the gentle madman makes sense in English. There are unnecessary archaisms
in the first 7 gm [Evening] over the summer (that's) and "Pensive dog" those snippets: "Better: "...blee still brown &
Gorman Karma / Drives him crazy, being deprived of speech!" The other poems are interesting but the translations
need to be condensed and modernized in diction & syntax, perhaps. They were all readable & individualistic, briefly
of.